



### mục lục

- |  |                    |
|--|--------------------|
| 2. Bạn đọc và Diễn Đàn                                 |                    |
| <b>Thời sự, những vấn đề</b>                           |                    |
| 1. Diễn biến hòa bình (2) : Thực chất                  | Nguyễn Ngọc Giao   |
| của nguy cơ  |                    |
| 4. Tin tức Việt Nam                                    | Phong Quang        |
| 10. Khi CCFD bị chụp mũ                                | Nguyễn Trọng Nghĩa |
| 11. Về Nam Phi và ANC                                  |                    |
| 12. Một số ý kiến về cơ chế nhà nước                   | Vũ Quang Việt      |
| và vấn đề kinh tế Việt Nam                             | Bùi Mộng Hùng      |
| 16. Hệ thống y tế và phát triển (II)                   |                    |
| <b>Văn hoá, nghệ thuật</b>                             | Đặng Tiến          |
| 19. Văn học hải ngoại                                  | Hoà Vân            |
| 22. Đọc Nửa đời nhìn lại                               | Tiêu Dao Bảo Cự    |
| Trầm tư từ thung lũng                                  | Phan Tam Khê       |
| 24. Quả trứng luộc                                     |                    |
| 25. Đọc thời gian trong Thiên Văn                      | Đoàn Cầm Thi       |
| của Nguyễn Huy Thiệp                                   |                    |
| 27. Việt Nam đang đi vào khúc ngoặt                    | Nguyễn Văn Trung   |
| lịch sử  |                    |
| 29. Số phận người cù : Nguyễn Thắng đọc Phan Huy Đường |                    |
| 30. Sổ tay   | Kiến Văn           |
| 31. Trong nhà thờ (truyện ngắn)                        | Trịnh Khắc Hồng    |

Thơ Ý Nhì tr. 26 / Bùi Minh Quốc tr.32

### Diễn biến hòa bình (2) : thực chất của nguy cơ

NGUYỄN NGỌC GIAO

(tiếp theo kỳ trước)

Sự lo ngại này xuất phát từ tình hình hoàn toàn mới mà Việt Nam phải ứng phó từ sau ngày sụp đổ của khối Đông Âu và kết thúc thời kỳ chiến tranh lạnh : **Việt Nam đột nhiên mất hết đồng minh, không có bạn, không còn cả kẻ thù.** Về mặt quân sự, như đại tướng Đoàn Khuê đã nói huých toẹt : “ chúng ta mất đi sự chỉ viện quốc tế rất quan trọng ”, “ chỗ dựa về trang bị cho quân đội không còn ” (bài đã dẫn). Trung Quốc của ông Đặng Tiểu Bình không còn được nhận thức như là kẻ thù trực tiếp và nguy hiểm nhất (nói theo ngôn ngữ chính trị – chiến lược Việt Nam đầu thập niên 1980), nhưng chính sách Đại Hán vẫn còn là mối đe doạ to lớn đối với Việt Nam, với những hình thái mới :

- « *lấn chiếm bằng lực lượng “ mềm ”, mở rộng “ không gian sinh tồn ” bằng cái gọi là “ chiến lược biên giới mềm ”* »
- « *mượn danh nghĩa “ nghiên cứu khoa học đại dương ”, “ thăm dò tài nguyên ”, thậm chí “ liên doanh ” để xâm phạm chủ quyền lãnh hải của chúng ta* »

(Thiếu tướng Bùi Phan Kỳ, Viện nghiên cứu chiến lược, *Mãy suy nghĩ về chiến lược quốc phòng trong bối cảnh quốc tế mới*, Tạp chí Cộng sản, 5.1993).

Về mặt kinh tế, trọng trường của Trung Quốc không chỉ thể hiện qua khối hàng hoá tiêu dùng (ước tính 300 triệu đôla mỗi năm) nhập lậu qua 6 tỉnh biên giới phía bắc ; nó còn ẩn ẩn hiện hiện trong khối lượng vốn đầu tư nước ngoài. Thật vậy, tính đến cuối tháng 3.1994, Trung Quốc chính thức mới chỉ đầu tư vào 15 đề án liên doanh nhỏ ở Việt Nam, trị giá 10 triệu đô la. Không tham vào đâu so với tổng số 7 871 triệu đôla, trị giá 757 dự án đầu tư của 47 nước ngoài. Nhưng tính chung của Đài Loan, Hồng Kông, Singapore, Macao và

(xem tiếp trang 9)

## Chuyện con hươu

Trong *Diễn Đàn* số 30 (tháng 5.94), anh B.T.L. đã nêu lên vài sai lầm trong bài của Nguyễn Thu và góp ý kiến với ban biên tập. Ban biên tập hỏi ý kiến bạn đọc về việc xử lý các bài gửi đăng. Tôi xin phép đóng góp vài ý kiến :

1) Tôn trọng tác giả : tôn trọng tác giả tức là tôn trọng bài tác giả đã viết. Vậy báo in nguyên văn bản thảo, chỉ khi nào có sự đồng ý của tác giả mới sửa chữa này, câu nọ trong bài ; nếu có cắt xén những đoạn không cần thiết trong một bài quá dài, ban biên tập chú thích rõ cho độc giả biết — và cho tác giả biết.

Trường hợp trong một bài, tác giả dùng điển cố văn học, lịch sử mà sai, ban biên tập nên có chú thích hiệu đính và dẫn chứng chính xác. Như vậy độc giả có đủ căn cứ để nhận biết đúng sai. Đây là sửa sai, chứ không phải sửa lügen, lẽ nào tác giả không phục thiện ?

2) Bảo đảm tính chính xác của các thông tin trong bài là một vấn đề then chốt, nhưng vượt khả năng của tôi, nên không dám bàn. Tôi nghĩ rằng khi đã chọn đăng bài của một tác giả, ban biên tập đã ít nhiều tin vào nhân cách của người viết, nhưng đồng ý hay không với quan điểm của người viết lại là chuyện khác.

Giờ tôi xin phép đi ra ngoài hai vấn đề trên :

Tôi thường thấy trong các bài vở (sách, báo) của người Việt Nam, đặc biệt về văn nghệ, nhiều tác giả hay trích những điển tích, những câu thơ hay danh ngôn của người nước mình hay người nước ngoài (nhất là Trung Hoa). Có những câu được chú rõ là trích ở đâu, của ai, nhưng cũng nhiều khi người viết thấy cũng chẳng cần chú thích và nghĩ rằng độc giả cũng biết như

## Bạn đọc



mình. Thế thật là rộng lượng với độc giả. Nhiều câu tôi không rõ nguồn gốc, hỏi bạn bè thì sợ bị chê là dốt, đành chịu vậy. Thấy người ta nói mãi câu *Nhân sinh thất thập cổ lai hi*, mà trong những tập *Thơ Đường* dịch ra tiếng Việt, một ngày kia rơi đúng bài *Khúc giang* của Dỗ Phủ, rất khoái (Tản Đà, Phan Ngọc, Nhượng Tống, Trần Trọng Kim đều có dịch vài đoạn của bài Khúc giang ; chỉ có hai người đầu là dịch đoạn có câu trên).

Đọc các sách ngoại quốc dịch ra tiếng Việt, tôi chú ý tới mục đầu là cách dịch giả trình bày tác phẩm mình dịch : nguồn gốc văn bản, dịch từ nguyên văn hay từ phiên âm (tác phẩm chữ Hán), hay dịch từ một bản dịch.

Khi nào dịch giả trình bày mạch lạc các vấn đề trên, tôi mới thấy có hứng để đọc bản dịch ra tiếng Việt. Lúc đó mới đánh giá được tài năng và phong cách của người dịch.

Gần đây tôi nhận được vài cuốn sách của ông Nguyễn Hiển Lê (1912-1984), một số bà Nguyễn cho, một số bạn bè ở Việt Nam in và cho. Riêng xem cuốn *Trang Tử và Nam Hoa kinh* do ông Nguyễn Hiển Lê giới thiệu và chú dịch, tôi vô cùng thích thú. Ông Nguyễn giới thiệu Trang Tử và thời đại Chiến Quốc, các bản ông dùng để dịch, học thuyết của Trang Tử thật công phu. Về phần dịch, đã có bản dịch *Nam Hoa kinh* của Nhượng Tống trong tay rồi, độc giả tha hồ so sánh tài dịch của hai ông.

Viết đến đây, tôi chợt nghĩ : bài của Nguyễn Thu nhắc tới chuyện con hươu kia mà ! Sao tôi lại nói chuyện khác. Vậy xin ngừng bút.

Nguyễn Lạc (Paris, Pháp)

## Dịch ấu

Đọc về “*sự kiện*” tại biển Trà Cổ trong “*Đất nước Việt Nam sau hai năm bung ra*” của Nguyễn X. T. (trang 18, *Diễn Đàn* số 28, tháng 3.94), tôi tranh trở với những thắc mắc sau : 1) Liệu trung ương tại Hà Nội có biết về sự kiện (?) đó không ? 2) Liệu quốc hội có biết không ? 3) Có báo nội địa nào loan tin không ? 4) Nếu Trung ương, Quốc hội, Bộ nội vụ (?), Bộ ngoại giao (?)... biết, mà có lên tiếng / biện pháp để xử lý vấn đề không ?

Thiết tưởng báo tăm cờ *Diễn Đàn* nên duyệt những từ “bất

## DIỄN ĐÀN FORUM

*Chủ nhiệm:* Hà Dương Tường  
*Tổng biên tập:* Trần Hải Hạc

*Ban chủ biên:* Trần Hải Hạc, Lê Văn Cường,  
Nguyễn Ngọc Giao, Bùi Mộng Hùng, Hà Dương Tường

*Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý:*  
Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lê,  
Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa, Văn Ngọc,  
Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm,  
Thanh Thanh, Vũ Thành, Nguyễn Thắng, Hàn Thuỷ,  
Đặng Tiến, Nam Trần, Hoài Văn, Kiến Văn,  
Hải Văn, Hòa Văn

ón” loại “nguy”, “V.C.” như trong “*Thuở trời đất đảo điên*” do Đỗ Thống (*Diễn Đàn* cùng số, tr. 28). Theo *Từ điển Anh-Việt* (Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội), baseball là *bóng chày, hockey mới là khúc côn cầu.*

Tâm (Canada)

❖ Xin cảm ơn ông đã sửa sai cho khúc côn cầu. Người dịch chủ quan, không kiểm tra lại, đến khi lên khuôn, biên tập cũng lười tra từ điển. Chúng tôi xin rút kinh nghiệm để hạn chế những sai sót loại này. Tuy nhiên cũng xin bạn đọc thông cảm cho điều kiện làm việc của *Diễn Đàn*: lên khuôn báo trong hai ngày cuối tuần, và nhiều khi quá say mê tranh cãi về nội dung, quên luôn việc sửa lỗi.

Riêng mấy chữ “nguy”, “V.C.”, chúng tôi cố tình dùng để thể hiện cái nhìn của nhân vật Bảy Lý. Độc giả quen thuộc của *Diễn Đàn* đều biết chúng không phản ánh quan điểm của chúng tôi.

## Một sự im lặng đầy ý nghĩa ?

Theo dõi *Diễn Đàn* từ mấy năm nay, tôi thấy quý báo không hề nói tới nhà thơ Nguyễn Chí Thiện, một chiến sĩ dũng cảm của cuộc đấu tranh cho dân chủ, đã phải trả giá bằng bao nhiêu năm tù đầy. Sự im lặng này là vô tình, hay thể hiện một quan niệm dân chủ nửa vời của *Diễn Đàn*?

D. N. (Paris, Pháp)

❖ Tháng 12.1991, *Diễn Đàn* (số 3) đã đăng tít lớn trang đầu: Ba nhà văn Dương Thu Hương, Nguyễn Chí Thiện, Doãn Quốc Sỹ được trả tự do. Từ đó, chúng tôi không được tin gì thêm về ông Nguyễn Chí Thiện. Sự im lặng của chúng tôi chỉ có ý nghĩa là vắng tin.

Về nguyên tắc, đối với những cá nhân hay tổ chức bị chính quyền đàn áp, lập trường của chúng tôi là ủng hộ quyền tự do tư tưởng, tự do phát biểu ý kiến, tự do lập hội, bất luận ý kiến và lập trường của họ có tương hợp với ý kiến hay lập trường của chúng tôi, miễn là những ý kiến và lập trường đó không đi ngược những nguyên tắc dân chủ và giá trị nhân bản.

Riêng về sáng tác thơ văn của Nguyễn Chí Thiện, cũng có thể nghĩ rằng sự im lặng của chúng tôi có nghĩa: trong ban biên tập *Diễn Đàn*, chưa có ai đánh giá cao thi phẩm của ông. Điều này không mâu thuẫn, ngược lại, với sự kính trọng của chúng tôi đối với một nạn nhân của chế độ toàn trị, đã kiên cường chống lại mọi sự đàn áp trong suốt mấy chục năm.

## Séjour au Manoir d'AUBONNE

(Đã thư Cam Tuyền)

à Trouville-Deauville (2h de Paris par autoroute)

Chiều hôm nhìn ra cửa sổ Cam Tuyền, lại nhớ câu thơ của giáo sư Hoàng Xuân Hãn:

Mị Hải gió lên trời muôn tạnh  
Cam Tuyền đêm tối khách thêm nhàn...

Ở Cam Tuyền, Hội Văn hóa và Giáo dục Aubonne cho mướn mỗi appartement đủ tiện nghi cho 5 người, 2 100 F một tuần, có thể chọn trong 5 appartements nếu giữ trước. Mùa hè này, cũng có thể là dịp gặp gỡ và chuyện trò với Bác Hãn. Muốn biết thêm chi tiết, xin liên lạc với:

Nghiêm Xuân Hải, 38 rue de Lozère, 91400 ORSAY

☎ : (1) 60 10 42 25.

## Giá biểu quảng cáo và rao vặt

Rao vặt: từ 1 đến 3 dòng : 50 F, từ dòng thứ 4 trở đi, mỗi dòng thêm 10 F (mỗi dòng chiều ngang 6 cm, khoảng 15 ký hiệu).

Quảng cáo :

1/8 trang :	180 F
1/4 trang :	300 F
1/2 trang :	550 F
1 trang :	1 000 F

(giá này chưa tính thuế TVA)

### Đăng liên tiếp nhiều số báo

lần thứ hai : bớt 10 %

từ lần thứ ba trở đi : bớt 20 %

Chứng từ đăng tải: sau khi báo ra, tòa soạn sẽ gửi hoá đơn và bản sao chụp trang có đăng quảng cáo hay rao vặt. Nếu muốn nhận nguyên số báo, xin thêm 25 F (tiền số báo + cước phí bưu điện)

tìm đọc  
**DIỄN ĐÀN FORUM**  
số 12  
đã phát hành đầu tháng 5.94

## Phiếu mua báo *Diễn Đàn*

Họ và tên .....

Địa chỉ .....

.....Điện thoại : .....

mua một năm báo *Diễn Đàn* kể từ số.....

Kèm theo đây là ngân phiếu .....FF

đề tên DIEN DAN gồm :

.....FF là tiền mua báo (Pháp nội địa : 250 FF, châu Âu ngoài Pháp : 280 FF ; các tỉnh và lãnh thổ DOM-TOM của Pháp, và các nước ngoài châu Âu : 330 FF)

.....FF là tiền ứng hộ.

Xin gửi phiếu này và séc (hoặc money order) về địa chỉ : DIEN DAN, B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE (FRANCE).

Riêng bạn đọc ở Đức có thể gửi séc 80 DM cho ông TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG hoặc chuyển khoản vào trương mục (Überweisung)

TRAN (Bank : STADT & KREISSPARKASSE, SULZBACH-ROSENBERG, Konto : N° 21 09 700 BLZ 752 517 80)

Bạn đọc Bắc Mỹ chú ý : Để tránh phải trả hoa hồng khá nặng khi bạn đọc ký séc ngân hàng bằng đồng Franc Pháp, từ nay, bạn có thể ký trả 50 USD (một năm báo) và đề tên HOANG NGUYEN, rồi gởi séc và phiếu mua báo về địa chỉ báo *Diễn Đàn*.

Tôi có những người bạn chưa biết báo *Diễn Đàn*. Đề nghị báo gởi tặng một số giới thiệu :

Tên họ .....

Địa chỉ .....

.....

.....

# Tin tức Tin tức

## Ngoại giao với Đông Nam Á

Hoạt động đối ngoại của Hà Nội với các nước Đông Nam châu Á vẫn tiếp tục diễn ra khá đồn dập. Tiếp theo những cuộc đón tiếp nhiều vị nguyên thủ các nước láng giềng và chuyến đi Malaixia của tổng bí thư Đỗ Mười trong tháng 3 vừa qua (xem Diễn đàn số 29), tối lượt chủ tịch và thủ tướng Việt Nam cầm chiếc gậy hành hương những ngày cuối tháng 4, đầu tháng 5. 1994.

Chủ tịch Lê Đức Anh đã đáp lời mời của tổng thống Suharto, tới thăm Indônêxia, nước đông dân nhất trong ASEAN, từ ngày 26 đến 30.4 trước khi bay sang biên giới Á-Âu thăm một nước Hồi giáo châu Á khác : Iran. Cùng đi với ông Lê Đức Anh có các bộ trưởng ngoại giao Nguyễn Mạnh Cầm, thương mai Lê Văn Triết, nông nghiệp Nguyễn Công Tạo. Hai vấn đề chính trong các cuộc hội đàm Việt Nam-Indônêxia là sự phân định biên giới lãnh hải từ bờ biển phía nam Việt Nam tới phía bắc quần đảo Natuna (nằm giữa Malaixia và đảo Borneo), và việc đưa về nước khoảng 8 000 thuyền nhân Việt Nam trên đảo Galang, quần đảo Riau, thuộc Indônêxia (xem tin về vấn đề thuyền nhân nói chung, dưới đây). Theo tuyên bố của ngoại trưởng Indônêxia Murdiono, hai bên đã thoả thuận sẽ mau chóng giải quyết vấn đề lãnh hải trên cơ sở Công ước quốc tế về Biển. Ngoài ra, hai bên đã thoả thuận đẩy mạnh hợp tác về kinh tế, thương mại và du lịch. Tổng thống Suharto cũng cho biết đồng tình với ý muốn nhanh chóng gia nhập ASEAN của Việt Nam.

Về phần mình, thủ tướng Võ Văn Kiệt đã đi thăm Miến Điện những ngày 11-14.5 và Singapore 3 ngày từ 16.5 trước khi sang Malaixia, đáp lời của thủ tướng Mohamad Mahathir mời tham dự một hội nghị của Hội đồng kinh tế Thái Bình Dương. Cuối tháng 5, ngoại trưởng Nguyễn Mạnh Cầm cũng sẽ đi thăm Sri-Lanka và Bangladesh.

Từ khi hai nước lập quan hệ ngoại giao, cách đây 19 năm, đây là lần đầu tiên một thủ tướng Việt Nam tới thăm chính thức Miến Điện. Cùng đi với ông Kiệt, có các bộ trưởng ngoại giao, lâm nghiệp, thông tin - văn hoá. Ông Kiệt cũng là vị thủ tướng thứ ba trên thế giới (sau các thủ tướng Lào và Singapore) tới thăm Miến Điện kể từ khi một tập đoàn tướng lãnh đảo chính nắm quyền bính nước này năm 1988. Một Ủy ban hỗn hợp về hợp tác thương mại và du lịch giữa hai nước đã được thành lập sau chuyến đi.

Từ Rangoon về Hà Nội ngày 14.5, hai ngày sau thủ tướng Việt Nam lại dẫn một phái đoàn 10 quan chức cao cấp, trong đó có chủ tịch Uỷ ban kế hoạch nhà nước Đỗ Quốc Sam, sang Singapore tham dự một hội nghị về khu vực với chủ đề ASEAN - Việt Nam và Trung Quốc. Hội nghị do tổ chức Asia Society, trụ sở tại Nữu Ước, chủ trì, với sự tham dự của khoảng 800 nhân vật chính trị và nhà kinh doanh. Ngoài ông

Kiệt, thủ tướng Tân Tây Lan Jim Bolger, phó thủ tướng Thái Amnuay Viravan, phó thủ tướng Trung Hoa Lý Lam Khánh, thủ tướng Singapore Goh Chok Tong có tên trong những người tham dự hội nghị.

Trong bài diễn văn đọc tại hội nghị ngày thứ tư 18.5, thủ tướng Việt Nam nhấn mạnh “*Hoà bình trong khu vực đã tạo những điều kiện thuận lợi để Việt Nam phát triển kinh tế*”, và nhắc lại ý muốn của Hà Nội mau chóng trở thành thành viên chính thức của Hiệp hội các nước Đông Nam Á. Ông cho biết Việt Nam “*đang chuẩn bị gia nhập GATT và các định chế quốc tế trong khu vực Thái Bình Dương*”. (tổng hợp tin thông tấn từ 25.4 đến 18.5.1994)

## Hồi hương thuyền nhân, một vấn đề phức tạp

Ngày 26.4, trùng với ngày tới Djakarta mở đầu chuyến đi thăm Indônêxia của chủ tịch Lê Đức Anh, hàng trăm người tị nạn Việt Nam trên đảo Galang (quần đảo Riau, Indônêxia) đã biểu tình, tuyệt thực để phản đối kế hoạch đưa họ trở về nước của Cao ủy tị nạn Liên hiệp quốc (HCR) và chính phủ sở tại. Hai ngày sau, một người tị nạn tham gia cuộc phản đối đã châm lửa tự thiêu và tử trần trong một bệnh viện ở tỉnh Tanjungpinang trên quần đảo.

Ngày 1.5, một phong trào biểu tình, tuyên thực chống hồi hương lại nổ ra trong các trại tị nạn ở Hồng Kông. Theo AFP ngày 2.5, số người tham dự lên tới 2 500 người. Đầu tháng 2, những cuộc biểu tình tương tự đã xảy ra tại đây, khi HCR công bố kế hoạch hoàn tất chương trình đưa người tị nạn Việt Nam về nước trước cuối năm 1995. (xem Diễn Đàn số 28)

Khoảng 60 000 người tị nạn đã trở về nước từ năm 1991 trong chương trình này, và còn 57 000 người khác trên các trại tị nạn ở Hồng Kông (28 000) và một vài nước châu Á như Indônêxia (8 000), Malaixia (5 000) v.v... Tuyệt đại đa số những người này không được coi là tị nạn chính trị và không được một nước nào trên thế giới nhận cho nhập cư. Sau cuộc tuyệt thực ở Galang, ngoại trưởng Indônêxia Ali Alatas tuyên bố chính phủ nước ông sẽ tiếp tục chương trình đưa người tị nạn về nước, trước tháng 8.1995, và giải tỏa các trại trên đảo Galang để biến nơi này thành một khu công nghiệp xuất khẩu. Về phần HCR, bà Cao Ủy Sadako Ogata đã tới Việt Nam ngày 25.4, đi thăm một nhóm 129 người mới hồi hương từ Hồng Kông, và hội đàm với thủ tướng Võ Văn Kiệt về việc gia tăng những phương tiện để có thể tiếp đón nhanh hơn và giúp đỡ những người hồi hương tái hội nhập cuộc sống bình thường. Bà tuyên bố “*Việt Nam đã sẵn sàng, kinh tế hoạt động lại và tạo ra những vận hội mới.* (Trong điều kiện đó) người tị nạn nên trở về quê hương mình hơn là sống vất vưởng, không tương lai ở một nơi khác”. Song bà Ogata cũng thừa nhận có những trường hợp phúc tạp “*đòi hỏi phải thảo luận nhiều hơn* (để tìm ra một phương cách giải quyết)”. (AFP, Reuter 25, 26, 30.4, 2.5.1994)

## Kỷ niệm 40 năm chiến thắng Điện Biên Phủ

Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã nhấn mạnh yêu cầu “*đại đoàn kết dân tộc, không phân chia kiến, tôn giáo*” trong buổi lễ kỷ niệm 40 năm chiến thắng Điện Biên Phủ được tổ chức ngày 6.5.1994 tại Hà Nội. Ông nói thêm, trong cuộc đấu tranh

vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng hiện nay, “*mọi sáng kiến cần được lắng nghe, những ý kiến bất đồng cần được thẳng thắn thảo luận, không áp đặt, không ép buộc*”.

Nhân dịp lễ kỷ niệm này, đại tướng Võ Nguyên Giáp đã tái xuất hiện trước công chúng, trên đoàn chủ tịch ngày 6.5 cũng như trước đó mấy ngày, khi ông chính thức khai mạc cuộc đua xe đạp “Trở về Điện Biên” ngày 1.5.

182 tay đua, trong đó có 39 tay đua nữ và 14 người nước ngoài (Thái Lan, Lào, Miến Điện) đã tham dự cuộc đua, từ Hà Nội lên Điện Biên, trở về Hà Nội, rồi từ Nha Trang vào thành phố Hồ Chí Minh. 130 người đã về đến đích, số người bỏ cuộc nhiều nhất là trong những chặng đầu, vì địa thế khó khăn và khí hậu quá nóng bức. Tay đua An Giang Ngô Quốc Dũng, áo vàng từ chặng thứ ba, đã đoạt giải nhất toàn cuộc đua khi về đến thành phố Hồ Chí Minh ngày 18.5, lĩnh 10 ngàn đôla tiền thưởng. Giải đua nữ về tay Nguyễn Thị Tường Vân, một cua-rơ Sài Gòn. (AFP 1, 6 và 18.5.1994)

### **Việt - Mỹ : vấn đề quốc tịch**

Theo những tuyên bố ngày 5.5 của người phát ngôn bộ ngoại giao Hà Nội, bà Hồ Thị Lan, Việt Nam và Hoa Kỳ coi như đã dàn xếp xong cuộc thương lượng về tài sản của hai bên và đang chuẩn bị những thương thảo tiếp theo để tiến tới việc mở các cơ quan đại diện. Hai nhóm chuyên viên kỹ thuật bộ ngoại giao Hoa Kỳ đã tới làm việc tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh về vấn đề này. Phía Mỹ đòi Việt Nam trả lại 230 triệu đôla tài sản của các công ty Mỹ bị tịch thu năm 1975. Việt Nam đòi lại 290 triệu đôla trong các tài khoản của chính quyền miền Nam trước kia bị “đông lạnh” ở các ngân hàng Mỹ.

Tuy nhiên, còn một khó khăn khiến hai bên chưa ký được một hiệp định về lãnh sự. Hà Nội chưa chấp nhận một điều khoản theo đó chính quyền Mỹ sẽ được thông báo trong vòng 72 tiếng đồng hồ nếu có một công dân Mỹ bị bắt giữ tại Việt Nam. Chuồng ngại chính là vì Việt Nam không công nhận hai quốc tịch, do đó những người từng có quốc tịch Việt Nam (tức tuyệt đại đa số Việt kiều hiện nay, kể cả Việt kiều “thế hệ hai, ba...”, chiếu theo luật quốc tịch Việt Nam !), *nếu chưa chính thức xin từ bỏ quốc tịch Việt Nam và đơn xin ấy chưa được chính phủ Việt Nam chấp nhận*, thì vẫn được coi là công dân Việt Nam. Dù trên thực tế, một Việt kiều mang quốc tịch Mỹ, Pháp, Úc v.v... về nước vẫn phải xin chiếu khán như người nước ngoài, và về đến nơi phải khai báo với công an như người nước ngoài (báo Sài Gòn giải phóng vừa nhắc lại điều này ngày 15.5.1994), chính quyền Hà Nội vẫn giữ quyền coi họ là người Việt Nam... nhất là khi bắt giữ họ ! Theo các quan chức Mỹ, đòi hỏi điều khoản về bảo hộ lãnh sự đối với công dân Mỹ không có nghĩa là Hoa Kỳ muốn tranh cãi về luật pháp với Việt Nam mà chỉ là một đòi hỏi bình thường để bảo đảm cho công dân Mỹ bị bắt được đối xử bình đẳng như những người bị bắt giữ khác. Trung Hoa đã ký kết với Hoa Kỳ một thoả ước song phương bảo đảm quyền bảo hộ lãnh sự này cho những người mang trên mình hộ chiếu Mỹ.

Trong khi chờ đợi hai nước thiết lập lại quan hệ ngoại giao, quan hệ kinh tế đã nhanh chóng được đẩy mạnh từ khi Hoa Thịnh Đốn bãi bỏ cấm vận. Các công ty Mỹ đã đầu tư 20

triệu đôla trong 2 tháng và 60 công ty đã mở phòng đại diện tại Việt Nam. Hội chợ các mặt hàng Mỹ tại Hà Nội đã thu hút hơn 100 000 người xem trong 4 ngày cuối tháng 4 vừa qua. Phó thủ tướng Việt Nam Trần Đức Lương đã được mời sang Mỹ dự một hội nghị về các vận hội kinh tế cuối tháng 5 này.

**Tin giờ chót :** Trong chuyến đi của ông Trần Đức Lương, hai bên đã thoả thuận thiết lập các phòng liên lạc, một bước tiến về việc lập lại các quan hệ ngoại giao, tuy lịch trình cụ thể chưa được công bố. (AFP và FEER 5.5.1994, AFP 20.5)

### **Sida và nạn mại dâm**

Theo Ủy ban quốc gia phòng, chống Sida, từ đây đến cuối thế kỷ khoảng 300 000 người Việt Nam có thể mắc bệnh, chủ yếu thông qua những quan hệ tình dục. Bệnh cũng sẽ lan đến các trẻ em sơ sinh.

Hiện nay, theo những số liệu chính thức, các bác sĩ đã chẩn đoán 103 trường hợp bị Sida, trong số đó 30 người đã qua đời. Số người bị nhiễm vi khuẩn Sida theo nhiều ước tính có thể lên tới hàng chục ngàn, song do thiếu phương tiện trắc nghiệm, mới có khoảng 1 400 trường hợp nhiễm khuẩn được xác định, trong đó có 79 người nước ngoài. Gần 90 % các trường hợp được biết tới là ở Thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh Khánh Hòa và An Giang.

Thống kê chính thức cho biết cả nước có khoảng 200 000 phụ nữ mại dâm, 20 000 ở Hà Nội, 50 000 ở thành phố Hồ Chí Minh, còn lại ở các trung tâm du lịch Hải Phòng, Huế, Đà Nẵng, Nha Trang, Đà Lạt, Vũng Tàu. Trong những nạn nhân này, ở nhiều nơi số thanh nữ vị thành niên lên tới 20 %, thậm chí có nơi 35 %, số em dưới 14 tuổi lên tới 8 %. Theo Hội Liên hiệp phụ nữ, ở nhiều trường đại học, nhiều nữ giáo viên và sinh viên phải “bán mình để cải thiện mức sống”. Công an thừa nhận rất khó ngăn chặn hiện tượng mua, bán dâm bành trướng. Dù những Tú Bà bị bắt đã bị xử án nặng, nghề dắt gái vẫn hấp dẫn nhiều phần tử bất hảo, vì “vốn ít, lãi nhiều”. Với số du khách nước ngoài tăng vọt hàng năm, “hội chứng Thái Lan” đang làm đau đầu những nhà hữu trách Việt Nam. (AFP 2, 7.5.1994)

### **Giáo dục tiểu học : báo động**

Nước Việt Nam hiện có khoảng từ 2,1 đến 2,3 triệu trẻ em thất học, và 2 triệu người lớn từ 15 đến 35 tuổi mù chữ, trong đó 40 % ở miền núi và 33 % ở vùng đồng bằng sông Cửu Long. Chỉ có 8 tỉnh được công nhận đạt tiêu chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ là : Hà Nội, Nam Hà, Thái Bình, Hải Hưng, Hải Phòng, Hà Tĩnh, Vĩnh Phú, Hà Tây.

Theo bộ giáo dục, sau khi học xong tiểu học, chỉ có 60 % học sinh học tiếp cấp hai, 40 % còn lại rời bỏ nhà trường. Và cũng chỉ tính riêng giáo dục tiểu học, bộ cho biết đang thiếu 55 710 giáo viên.

Theo một tài liệu nghiên cứu, có trên 75 % giáo viên tiểu học chỉ biết dạy theo sách giáo khoa, thậm chí có 6 % chỉ dạy theo phương pháp đọc - chép hời hợt. Số giáo viên tự tìm kiếm tài liệu dạy học để khêu gợi sự tìm tòi và óc sáng tạo nơi học sinh chỉ chiếm có 5 %.

Với 4 908 tỷ đồng, ngân sách nhà nước cho ngành giáo dục và đào tạo đã tăng 81% so với năm 1993 (2 710 tỷ đồng).

Ngân sách cho ngành văn hóa thông tin sẽ là 462 tỷ đồng trong năm 1994 (tăng 65 % so với năm 1993) gồm 315 tỷ đồng chi thường xuyên (tăng 57 %) và 147 tỷ đồng đầu tư xây dựng (tăng 98 %).

## Đại học

Đầu tháng 4 vừa qua, chính phủ đã bổ nhiệm giáo sư Nguyễn Văn Đạo (58 tuổi, chuyên gia trong lĩnh vực cơ học, phó viện trưởng Viện khoa học) làm giám đốc Đại học quốc gia Hà Nội. Trước mắt, Đại học này bao gồm các trường đại học khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, sư phạm, ngoại ngữ và một số viện, trung tâm nghiên cứu khoa học, thư viện, trung tâm máy tính.

Sau đại học quốc gia Hà Nội, đã có quyết định thành lập các đại học Huế, Đà Nẵng và Thái Nguyên. Giáo sư Nguyễn Thế Hữu được bổ nhiệm làm giám đốc Đại học Huế.

Bộ giáo dục và đào tạo vừa công nhận hội đồng sáng lập trường đại học Văn Lang (do ông Phạm Khắc Chi làm chủ tịch), là trường đầu tiên ở Thành phố Hồ Chí Minh hoạt động theo qui chế đại học dân lập. Bộ cũng đã cho mở một trường đại học dân lập ở Vũng Tàu, mang tên Thế Hệ và do ông Nguyễn Văn Ngôn làm chủ tịch hội đồng sáng lập.

Với sự hợp tác của Hiệp hội các trường đại học sử dụng tiếng Pháp AUPELF, một khoa y tế dạy bằng tiếng Pháp sẽ mở tại Thành Phố Hồ Chí Minh. Khoá đầu tiên gồm 30 người sẽ được chọn trong các sinh viên y năm thứ hai.

Bộ trưởng đại học Pháp François Fillon trong chuyến đi thăm Việt Nam cuối tháng 4 đã tham dự lễ đặt viên gạch đầu tiên xây dựng Viện tin học tiếng Pháp (IFI) ở Hà Nội. Được Hội nghị thượng đỉnh các nước sử dụng tiếng Pháp thông qua năm 1991, IFI sẽ mở cửa vào năm 1995, đón nhận sinh viên các nước sử dụng tiếng Pháp và các nước Đông Nam Á. Tổng giá trị xây dựng và thiết bị tin học dự trù là 10 triệu FF.

## Hợp tác Mê Kông

Hội nghị bộ trưởng kinh tế 6 nước lưu vực sông Mê Kông (Cambodia, Lào, Miến Điện – Miến Điện –, Thái Lan, Trung Hoa và Việt Nam), họp tại Hà Nội cuối tháng 4.1994 dưới sự bảo trợ của Ngân hàng phát triển châu Á (ADB) đã quyết định đầu tư 12 tỉ đôla vào các dự án mở mang giao thông liên quốc gia (ước khoảng 10 tỉ đôla) và phát triển năng lượng trong khu vực (hai tỉ đôla, dành cho việc xây một đường ống dẫn dầu giữa Miến Điện và Thái Lan, và một nhà máy thuỷ điện Lào). ADB sẽ là đầu mối phối hợp việc tìm nguồn tài chính cho một số dự án. Chủ tịch ADB, ông Mitsui Sato, cũng đã khuyến cáo các bộ trưởng tích cực giải quyết những tắc ách về quy chế, luật lệ trong sự phát triển thông thương giữa các nước trong vùng.

Về đường bộ, hội nghị đã thông qua 5 dự án ưu tiên và 3 dự án khác, trong đó có 4 dự án liên quan đến Việt Nam :

- Tuyến đường Bangkok - Phnom Penh - Thành Phố Hồ Chí Minh - Vũng Tàu ;
- Hành lang Đông Tây nối Thái Lan - Lào - Việt Nam hoặc theo đường số 8 đến cảng Cửa Lò gần Vinh, hoặc theo đường số 12 đến cảng Hòn La, hoặc theo đường số 9 đến cảng

Đà Nẵng ;

- Tuyến đường Côn Minh (Nam Trung Quốc) - Hà Nội ;
- Tuyến đường nối tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) với Lào và Việt Nam qua các đường số 6 và 4.

Về đường sắt, có 2 dự án liên quan đến Việt Nam :

- Tuyến đường sắt nối Thái Lan với Phnom Penh và Thành phố Hồ Chí Minh ;

- Tuyến đường sắt nối tỉnh Vân Nam với Hà Nội.

Về đường thủy, có những dự án nâng cấp các cảng Cửa Lò, Hòn La, Đà Nẵng, Cái Lân, Thị Vải - Vũng Tàu.

Về đường hàng không, có những dự án nâng cấp các sân bay Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng . ( AFP 22.4, Tuổi Trẻ, 26.4.94)

## Kinh tế tư nhân phát triển nhanh ở phía Nam.

Theo thống kê của Liên minh các hợp tác xã Việt Nam, tính đến cuối tháng 1.1994, cả nước có 12 190 doanh nghiệp tư nhân ngoài lĩnh vực nông nghiệp : 104 công ty cổ phần, 3 392 công ty trách nhiệm hữu hạn, 6 894 xí nghiệp tư nhân. Kinh tế cá thể có 1,6 triệu hộ : 950 ngàn hộ kinh doanh thương mại và dịch vụ, 550 ngàn hộ sản xuất công nghiệp và thủ công nghiệp, 140 ngàn hộ kinh doanh vận tải.

Tổng số đầu tư của nền kinh tế tư nhân vào khoảng 9 100 tỷ đồng : 4 150 tỷ từ các doanh nghiệp tư nhân, 4 950 tỷ từ các hộ cá thể. Năm 1993, trong lĩnh vực công nghiệp và thủ công nghiệp, giá trị sản lượng của nền kinh tế tư nhân đạt 5 315 tỷ đồng, chiếm 26 % giá trị tổng sản lượng toàn lĩnh vực. Các doanh nghiệp tư nhân sử dụng khoảng 32 vạn lao động, các hộ kinh tế cá thể thu hút 3,5 triệu lao động. Cũng theo các số liệu thống kê chính thức, kinh tế tư nhân phát triển nhanh hơn ở các tỉnh phía Nam, tốc độ tăng trưởng về giá trị công nghiệp gấp gần 10 lần các tỉnh phía Bắc và miền Trung. (Thanh Niên, 14.4.94)

## Đường dây 500 KV : vấn đề bảo vệ

Cuối tháng 4 vừa qua, bộ trưởng năng lượng Thái Phụng Nê đã họp báo cho biết toàn bộ công tác xây lắp đường dây tải điện Bắc-Nam đã hoàn thành. Từ đầu tháng 5, đường dây siêu cao thế bắt đầu đóng điện thí nghiệm toàn thể hệ thống. Theo dự kiến, trong tháng 6, nguồn điện sông Đà sẽ chuyển vào phía Nam với sản lượng năm đầu đạt 1,4 tỷ kWh điện.

Đường dây đã xong, vấn đề chính trở thành : làm sao bảo vệ an toàn một hệ thống tải điện trải dài từ Bắc vào Nam trên 1 488 km với 3 436 cột trụ, qua nhiều rừng nhiều núi ? Theo các chuyên gia, chỉ một sơ suất nhỏ trong vận hành là bạc tỷ bị đốt cháy từng giây. Trong khi đó, ngay từ giai đoạn khởi công, những vụ ăn cắp vật liệu đã xảy ra liên tục suốt chiều dài đường dây. Riêng tại huyện Hòa Vang (Quảng Nam-Đà Nẵng), chỉ trong vòng bốn ngày, người ta đã phát hiện 60 bù-loong cột trụ bị gãy mất ở xã Hòa Liên, và 1 050 m dây nhôm chống sét đã bị cắt mất ở xã Hòa Khương. Từ đầu tháng 3, thủ tướng Võ Văn Kiệt đã chỉ thị chính quyền các xã có tuyến đường dây đi qua phải chịu trách nhiệm về công tác bảo vệ an toàn. Những trạm gác đang được lập lên ở mọi xã, và những tiểu đội cảnh sát đã được huy động để bảo vệ mỗi trạm biến

áp. Tại Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân đã thành lập “ ban chỉ đạo bảo vệ hệ thống tải điện 500 kv ”, đứng đầu là phó chủ tịch ủy ban Nguyễn Văn Huấn.

Và để răn đe, tòa án tỉnh Quảng Ninh vừa tuyên án tử hình một thanh niên 27 tuổi về tội “ *phá hoại công trình quan trọng về an ninh quốc gia* ”. Vào đầu năm nay, thanh niên này và sáu bị cáo khác đã tháo gỡ 20 thanh giằng cột điện của đường dây cao thế 110 kv dẫn điện ra biên giới phía Bắc.

Trong một xã hội mà những vụ “ phá hoại ” lớn nhất xảy ra hầu như công khai trong các cấp chính quyền, liệu bản án tử hình Quảng Ninh vừa rồi sẽ có tác dụng gì trong dân ? Mươi ngày sau khi đường cao tốc Thăng Long - Nội Bài được khánh thành, dài truyền hình Việt Nam đã chiếu những hình ảnh của 40 cột bê tông bị phá đổ, 8 cột bị đập vỡ, 48 ống sắt của giài phân cách hai chiều xe bị lấy mất, và người dân ung dung sử dụng mặt đường cao tốc... làm nơi chứa vật liệu xây dựng, làm đe dể uốn đập sắt... Một nhà báo đã nhận xét : “ *Tuỳ điều kiện cho phép mà mỗi người phá hoại một cách. Ai có dao bén xéo theo kiểu dao bén. Ai có dao cùn xéo theo kiểu dao cùn* ” ! (Người Lao Động, 3.4; Phụ Nữ TPHCM, 13.4; Lao Động, 28.4 và 3.5.94)

### **Legamex : “ tử kinh ” vỡ tung...**

Sau Công ty lương thực, Liksin, Minh Phụng, một “ tử kinh ” khác của Thành phố Hồ Chí Minh đã vỡ tung : chấp nhận những kết luận của đoàn thanh tra thành phố trình bày tháng 4 vừa qua, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ra quyết định đình chỉ chức vụ tổng giám đốc Legamex của bà Nguyễn Thị Sơn và chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra để khởi tố. Thật ra, những sai phạm của Legamex đã được báo động rất sớm qua dư luận báo chí, đặc biệt từ khi có quyết định của chính phủ cho phép cho bà Sơn tiến hành cổ phần hóa doanh nghiệp quốc doanh này.

Về chương trình cổ phần hóa, bản báo cáo thanh tra cho biết bà Nguyễn Thị Sơn, với sự “ giúp sức ” của đoàn kiểm tra của bộ tài chính, đã làm sai nhiều qui định của nhà nước. Riêng việc định giá doanh nghiệp, bà Sơn đã chỉ căn cứ trên sổ sách kế toán của công ty mà không dựa vào số liệu kiểm kê đánh giá lại tài sản, nên đã xác định sai giá trị thực của doanh nghiệp. Và dù chỉ căn cứ trên sổ sách công ty thì tài sản của Legamex cũng vượt hơn định giá của đề án cổ phần hóa 11 tỷ đồng. Ngoài ra Legamex đã tùy tiện thu trên 5,6 tỷ đồng bán cổ phiếu, kể cả của người nước ngoài, trước khi được phép. Gia đình của bà Sơn đã giành 56 % cổ phiếu, và người “ nước ngoài ” mua gần 500 triệu đồng cổ phiếu lại là em của bà !

Theo bản báo cáo thanh tra, Legamex trong ba năm liền đã làm ăn thua lỗ trên 5 tỷ đồng và chi tiêu hụng lỗ ngày càng gia tăng. Công ty hiện đang thiếu thuế 4,5 tỷ đồng, nợ nước ngoài quá hạn 1,065 triệu đô la và khó có khả năng trả hết món nợ 11,403 triệu đô la. Trong xây dựng cơ bản, bà Nguyễn Thị Sơn đã cho em rể bà đứng thầu xây dựng, giá thành một mét vuông cao gấp 2,4 lần so với giá thị trường, thiệt hại 1,9 tỷ đồng. Mặt khác, trong khi Legamex thua lỗ liên tục, nợ nần chồng chất, bà Sơn đã lợi dụng vốn và những đơn hàng của công ty để làm lợi cho một số doanh nghiệp riêng của gia đình của bà.

Bản báo cáo thanh tra không nói đến những “ ô dù ” ở Thành phố Hồ Chí Minh và trong chính phủ mà bà Nguyễn Thị Sơn đã nấp bóng để khinh thường pháp luật và dư luận. (Tuổi Trẻ 9.4 ; Lao Động 12.4 ; Phụ nữ TPHCM 13.4.94)

### **Giải thưởng nghệ thuật 1993**

Giải thưởng sân khấu của Hội nghệ sĩ sân khấu Việt Nam đã được trao cho hai vở kịch nói “ *Diễn kịch một mình* ” (tác giả : Lê Duy Hạnh / trình diễn : Câu lạc bộ sân khấu thể nghiệm Thành phố Hồ Chí Minh) và “ *Những linh hồn sống* ” (Nguyễn Quang Lập / Nhà hát kịch Hà Nội), hai vở cải lương “ *Lời tâm sự người đàn bà* ” (Ngọc Linh / Đoàn văn công giải phóng Thành phố Hồ Chí Minh) và “ *Kiều* ” (Việt Dung / Nhà hát cải lương Hà Nội), chương trình chèo công diễn ở Pháp (Nhà hát chèo trung ương).

Hội nhạc sĩ Việt Nam đã trao giải cho các tác phẩm khí nhạc “ *Hồng hoang* ” (ballet, Đỗ trung Quân), “ *Vợ chồng A Phủ* ” (giao hưởng, Đàm Linh), “ *Người về đem tối niềm vui* ” (giao hưởng, Trọng Bằng), và các chùm ca khúc của Phạm Minh Tuấn, Hồng Đăng, Hoàng Hiệp.

Hội điện ảnh Việt Nam đã chọn các phim truyện “ *Canh bạc* ” (đạo diễn : Lưu Trọng Ninh / kịch bản : Hồng Ngát), “ *Vị dũng tình yêu* ” - tập 1 (Xuân Hoàng / Lê Hoàng, Việt Linh), “ *Dấu ấn của quý* ” (Việt Linh / Phạm Thùy Nhân), “ *Cỏ Lau* ” (Vương Tuấn Đức), “ *Xương rồng đen* ” (Lê Dân / Phạm Thùy Nhân).

### **Tin ngắn**

✓ Kỳ họp thứ năm của quốc hội Việt Nam, tiến hành vào cuối tháng 5 và kéo dài một tháng, sẽ thông qua 6 dự luật : lao động, thuế chuyển quyền sử dụng đất đai, khuyến khích đầu tư trong nước, sửa đổi nghĩa vụ quân sự, sửa đổi tổ chức hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân, sửa đổi bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân.

✓ Trong số 6 000 doanh nghiệp Việt Nam có đăng ký, chỉ có 50 % thực hiện pháp lệnh kế toán, số còn lại hoặc không làm hoặc làm rất đơn sơ. Trong số 100 000 hộ cá thể kinh doanh ở Thành phố Hồ Chí Minh, chỉ có khoảng 35 000 hộ đăng ký sử dụng sổ sách, hóa đơn, và hơn một nửa số này không làm theo các qui định.

✓ Trong ba tháng đầu năm tại Cần Thơ, đã liên tục xảy ra 15 vụ bể hụi với số thiệt hại bước đầu là 4 tỷ đồng, có ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của nhiều tầng lớp dân cư.

✓ Từ tháng 3 đến nay, mặt hàng Việt Nam xuất sang Mỹ gồm có thực phẩm, súc vật gia cầm sống, sản phẩm gỗ cao su, hàng mây nghệ gỗ và hàng may tre lá, tổng giá trị những chuyến hàng có tính thăm dò thị trường này là 113 ngàn đô la. Trước đó, một công ty Mỹ có nhập 16 000 tấn gạo Việt Nam, song chưa phải trực tiếp cho thị trường Hoa Kỳ.

✓ Từ năm 1989 đến nay, Ủy ban nhà nước hợp tác và đầu tư đã cấp 20 giấy phép cho doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ở nước ngoài, vào các ngành dịch vụ tàu biển, công nghiệp thực phẩm, chế biến hải sản, sản xuất vật liệu xây dựng. Các nước và lãnh thổ gọi đầu tư là Nga, Hồng Kông, Singapore, Thái Lan, Nhật, Lào.

- ✓ Nhật Bản và Việt Nam đã thỏa thuận mở đường bay Osaka - Thành phố Hồ Chí Minh vào tháng 9 sắp tới (3 chuyến bay/tuần). Ngược lại chưa có thỏa thuận về đường bay Tokyo - Hà Nội do tình trạng tắc nghẽn ở sân bay Narita.
- ✓ Đến cuối tháng 3, Việt Nam có 304 ngàn máy điện thoại (tăng hơn năm trước 44 ngàn máy), đạt tỷ lệ 0,43 máy/100 người.
- ✓ Năm 1993, cả nước có khoảng 24 000 máy vi tính, tỷ lệ 0,3 máy/1000 người (trong khi Malaixia có 11 máy/1000 dân). Số chuyên viên lành nghề về công nghệ thông tin chưa quá 2 000 người (trong khi Philippin có 20 000 chuyên viên).
- ✓ Nữ danh ca Pháp Patricia Kaas sẽ biểu diễn vào cuối tháng 5 tại Hà Nội theo sự tổ chức của Trung tâm ngôn ngữ và văn minh Pháp. Trước cô, ca sĩ pop Mỹ John Denver đã biểu diễn ngày 1.5 trên sân khấu nhà hát hữu nghị Việt-Xô ở Hà Nội.
- ✓ Nguyễn Trí Toàn, 24 tuổi, ở Phú Nhuận (Thành phố Hồ Chí Minh), đã đoạt giải nhất cuộc thi guitar quốc tế Frechen tổ chức ở Đức cuối tháng 3 vừa qua.
- ✓ Bốn khẩu đại pháo cổ do quân đội Pháp đặt lên đảo Bình Ba (tỉnh Khánh Hòa, cách Ba Ngòi 20 km) những năm ba mươi đã bị chính quyền địa phương cho thanh lý như sắt vụn với giá 16 triệu đồng.
- Chỉ riêng trong tháng 4 vừa qua, hai kho mìn ở Gia Lai đã bị mất cắp 14 386 kíp mìn, hai kho ở Hòa Bình bị trộm 5 856 kíp mìn và 4 990 m dây cháy chậm. Một kho quân đội ở Phú Quốc bị mất trộm 14 000 đạn AK, một bao đạn đại liên 60, một bao đạn AR 15.
- ✓ Tòa án Hà Nội đã tuyên án tù 3 đến 4 năm tù 4 bị cáo trong vụ mua bán phụ nữ sang Trung Quốc. Tỉnh Quảng Ninh cũng vừa phát hiện một đường dây mua phụ nữ Việt Nam với giá 700 nhân dân tệ và đưa sang Trung Quốc bán lại từ 2000 đến 3000 nhân dân tệ/người.
- ✓ Trong quý 1 năm 1994, gần 1 000 ca triệt sản nam-nữ (tăng gấp 3 lần với cùng thời kỳ năm 1993) đã được thực hiện ở Thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài tiền "bồi dưỡng" của nhà nước 120 000 đồng, những người triệt sản còn được địa phương cấp thêm từ 80 000 đồng đến 240 000 đồng.
- ✓ Từ 1981 đến năm 1993, Việt Nam đã giải quyết cho gần 800 trẻ em trở thành con nuôi người nước ngoài. Riêng Pháp, trong năm 1992, đã cấp 258 thị thực nhập cảnh cho con nuôi gốc Việt Nam, đưa Việt Nam lên thành nước thứ ba (sau Brazil và Colombia) cung cấp con nuôi cho Pháp !
- ✓ Qua kiểm tra 91 trường hợp do dân khiếu nại, Ủy ban môi trường Thành phố Hồ Chí Minh vừa ra quyết định đình chỉ hoạt động của 30 cơ sở sản xuất gây ô nhiễm. Trong danh sách đó, có 9 cơ sở đã từng nhiều lần được lệnh ngưng hoạt động nhưng vẫn tiếp tục sản xuất.
- ✓ Theo cơ quan kiểm lâm Đà Lạt, 142 cây thông đang chết đứng ở đồi Cù. Tính ra có 1/3 số cây thông đã chết trong khuôn viên 65 ha của công trình sân golf (do một công ty liên doanh Thái-Việt thực hiện).
- ✓ Công an biên giới Việt Nam đã giải phóng 61 người, trong đó 31 trẻ em bị bán làm nô lệ cho bọn đầu nậu ở các mỏ vàng ở miền biên giới Việt-Lào, với giá 20 đôla một người. Năm tên buôn người đã bị bắt.
- ✓ Một con thú lợn nặng hơn 40 kg, thuộc một chủng loại chưa được biết tới, vừa được khám phá ở rừng Vụ Quang (Hà Tĩnh). Các chuyên gia của Quỹ Thế giới bảo vệ Thiên nhiên (WWF) cho biết con thú giống như một con hoẵng to, sừng dài 20 cm cong xuống, nhưng các kết quả phân tích di truyền trên các mẫu da nó cho thấy đây không phải là một con hoẵng bình thường. Năm 1992, một con "dê rừng" lạ cũng đã được tìm thấy trong rừng Vụ Quang, và sau đó nhà nước đã mở rộng diện tích rừng cấm này.
- ✓ Vụ đông 1993, dòng băng sông Cửu Long đã đạt một sản lượng lúa kỷ lục 5,23 triệu tấn, hơn năm trước 25 %, nhưng những khó khăn về kho, chế biến, và về tài chính đã hạn chế khả năng xuất khẩu của nông dân. Hai triệu tấn thóc của năm trước hiện còn tồn kho.
- ✓ Trong mùa giáp hạt năm nay, tỉnh Thừa Thiên-Huế đã thống kê 28 ngàn hộ (133 ngàn nhân khẩu) "thiếu đói", trong đó có trên 8 ngàn hộ (36 ngàn người) bị "đói gay gắt".
- ✓ Sau khi bãi bỏ một xemina về báo chí tại Hà Nội tháng 3 vừa qua của tổ chức Mỹ Freedom Forum (Diễn đàn số 29), tới lượt tổ chức về hợp tác của Đức Adenauer Foundation in Cooperation bị từ chối không được tổ chức một xemina cũng về báo chí, được dự trù ở thành phố Hồ Chí Minh tháng 6 tới, với 50 nhà báo Việt Nam và nhiều nước khác được mời.
- ✓ Việt Nam chuẩn bị đầu tư 1,8 tỉ đôla để nâng cấp sân bay Tân Sơn Nhất, với mục tiêu là một sân bay có dung lượng 50 triệu khách / năm. Khoảng 400 triệu đôla sẽ được đầu tư cho 3 năm tới để xây một ga hành khách mới, với khả năng đón nhận 8 triệu khách / năm.
- ✓ Tổ chức bảo vệ môi trường APPEN (Asia-Pacific People Environment Network) vừa phát động một "Năm không sân golf" để chống lại việc nhiều nước châu Á, trong đó có Việt Nam, chạy theo phong trào xây dựng sân golf phục vụ du khách, làm thiệt hại nguồn nước của nông dân.
- ✓ Thuỷ triều đen đầu tiên ở Việt Nam : một tàu chở dầu Việt Nam đã đụng với một tàu Đài Loan ngoài khơi Vũng Tàu ngày 13.5, làm chảy hơn 200 tấn dầu vào cửa sông Lòng Tàu.
- ✓ Ngân hàng Thế giới (WB) vừa mở văn phòng đầu tiên ở Hà Nội, với mục tiêu ưu tiên là cùng với chính phủ Việt Nam giải quyết các vấn đề đặt ra trong việc sử dụng các ngân khoản viện trợ của WB cho Việt Nam.
- ✓ Hành động bạo động mới của phát xít Đức : Ngày 20.4, một người Việt Nam ở Đức đã bị thương nặng vì bị ném ra cửa sổ một con tàu đang chạy, và một toà nhà có khoảng 200 dân tị nạn ở, trong đó đa số là Việt Nam, đã bị đốt cháy.
- ✓ Người phát ngôn bộ ngoại giao Việt Nam đã lên tiếng phản đối lời tuyên bố của bộ trưởng tư pháp Nhật, ông Shigeto Nagato, cho rằng quân đội Nhật đã xâm lược các nước Đông Nam Á trong chiến tranh.

**Tin buồn** Được tin cụ Nguyễn Hữu Lãng, nguyên Tổng giám thị trường Chu Văn An đã từ trần ngày 5.4.1994, tại Paderborn, chúng tôi xin thành thực chia buồn với gia đình.

# Diễn biến hòa bình...

(tiếp theo trang nhất)

Trung Quốc, số vốn đầu tư lên tới 3 216 triệu USD, chiếm tỉ số 41 %. Và nếu cộng chung với vốn đầu tư của Hàn Quốc (Nam Triều Tiên), Nhật Bản (hai nước đồng văn Hán học) và của Malaysia, Thái Lan, Indonesia (là ba nước mà phần lớn nguồn vốn là của người Hoa), thì tỉ số ấy lên tới 61 % (4 826 triệu USD) [số liệu chính thức, theo tạp chí *Vietnam Scoop* số 9, ngày 14.5.1994]

Đưa ra những con số ấy, chúng tôi không hề có ý khơi thêm tâm lý bài Trung Hoa cổ truyền, mà chỉ muốn nêu ra mấy nhận xét khách quan :

- tỉ số vốn 61 % của các nước Đông và Đông Nam châu Á nói trên có một tác động trực tiếp to lớn trên cấu trúc kinh tế - xã hội Việt Nam, vì số còn lại (non 40 %) là vốn của các nước phương Tây, thì phần lớn tập trung vào lãnh vực dầu khí, về trung hạn sẽ giúp tăng trưởng kinh tế, nhưng trước mắt không ảnh hưởng gì tới cơ cấu xã hội ;
- nguồn vốn châu Á này chủ yếu tập trung trong tay những thế lực : chính quyền Bắc Kinh (qua trung gian của những công ty bình phong Hồng Kông, Singapore), tập đoàn Trung Hoa Quốc dân đảng (KMT Đài Loan), những tập đoàn Nam Triều Tiên và Nhật Bản ;
- Đó là những thế lực không đồng nhất, có khi mâu thuẫn nhau, nhưng đều sành sỏi trong việc thấu hiểu nội tình Việt Nam, mua chuộc cán bộ và qua đó, tác động vào cơ cấu quyền lực một cách tinh vi, *lật niềm trói chặt*.

Thế lực quân sự to lớn, chiến lược mềm, súc mạnh kinh tế áp đảo, nghệ thuật siêu đẳng trong việc mua người nắm bộ máy : đó là cơ sở của mối lo ngại của nhà cầm quyền. Cũng không thể quên tâm lý *trưởng lão* của đội ngũ lãnh đạo, gần hết đời người phải tiến hành chiến tranh trong một thế giới cũ, nay phải ứng phó trong một thế giới mới, vùn vụt đổi thay. Và các nhà lãnh đạo ấy thừa sáng suốt để cảm nhận rằng kinh tế thị trường sẽ dẫn tới thay đổi trong cấu trúc xã hội, rồi tất yếu trong cơ cấu quyền lực.

Dễ hiểu trong tâm trạng đó, một sự chẩn đoán thiếu chính xác về thực trạng đất nước đã dẫn tới những kết luận lâm sàng vừa hoài cổ vừa siêu thực như :

« *Hằng ngày các công cụ tuyên truyền tư sản tung ra các thứ nọc độc của chủ nghĩa hiện sinh, chủ nghĩa thực dụng, thúc đẩy chủ nghĩa cá nhân phát triển, làm cho mọi người chạy theo lối sống ích kỷ, hưởng thụ, lãng quên đồng bào, đồng chí, xa rời nghĩa vụ đối với Tổ quốc. Lợi dụng mặt trái của cơ chế thị trường, của chính sách mở cửa, chúng còn kích thích mọi hành vi vô đạo đức chạy theo đồng tiền, như tham nhũng, buôn lậu và những hành vi phi pháp khác v.v...* »

(Trung tướng Lê Xuân Lực, *Sự phá hoại về tư tưởng của các thế lực phản động trong chiến lược “diễn biến hòa bình”*, Tạp chí Cộng sản, 4.1993)

Vượt qua ngôn ngữ siêu thực đó, người đọc hoàn toàn thông cảm với quan tâm của tác giả trước sự tràn lan của nạn tham nhũng, thối nát. Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã coi tham

nhũng là *quốc nạn*, và đề nghị công đoàn nhận lãnh nhiệm vụ tiêu diệt nó, coi nó là hình thái bóc lột khốn cùng nhất. Nhưng thực tế vốn bướng bỉnh, như Lenin từng nhắc nhớ các đồng chí của ông. Và ở nước ta ngày nay, nó bướng bỉnh một cách phũ phàng :

« *Thực tế cho thấy, bọn tiêu cực, tham nhũng hầu hết là những kẻ có chức, có quyền, có tiền và đã thoái hoá, biến chất (...) Tại một kỳ họp của Quốc hội khoá VIII, đồng chí Lê Quang Đạo, Chủ tịch Quốc hội khoá ấy có phát biểu : Chưa có một đại biểu Quốc hội nào phát hiện nơi mình công tác có tiêu cực, tham nhũng, trong khi ai cũng cho rằng tham nhũng đang là quốc nạn. Trong Công đoàn cũng có tình trạng giống như vậy, thậm chí ở hầu hết những nơi quấn chúng phát hiện tham nhũng và đấu tranh thì Công đoàn đứng về phía những người tham nhũng* » (Thuận Lý, Công đoàn với việc bài trừ tham nhũng, Lao Động, số 12/94, ngày 27.1.1994).

Không có gì ngạc nhiên nếu tại Đại hội Đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh, có những đại biểu (trong đó có cán bộ ngành công an) cho rằng nguy cơ lớn nhất là nạn tham nhũng.

Khách quan và *xy-nic* mà nói, trong thập niên 1980, tham nhũng đã đóng một vai trò tích cực : nó đã thư hoại tận xương tuỷ bộ máy chuyên chế toàn trị, giải phóng cá nhân và xã hội về mặt kinh tế, một phần về tư tưởng khỏi sự kềm kẹp của guồng máy nhà nước, vô hiệu hoá lực lượng bảo thủ chủ chốt (tư duy và ngôn ngữ vẫn không đổi, song cuộc sống hàng ngày đã thành nếp ăn chia cổ phần tham nhũng). Sang thập niên 1990, tham nhũng trở thành quốc nạn và đảng nạn.

Quốc nạn, nó không những đang làm tiêu tan của công, đục khoét tài nguyên và phá huỷ môi trường thiên nhiên, mà còn để lại căn bệnh di truyền hiểm nghèo cho giai cấp tư sản đang thành hình và các tầng lớp trung lưu đang triển khai ở thành thị và nông thôn. Thảm kịch từ một thế kỷ nay của lịch sử Việt Nam là giai cấp tư sản luôn luôn còi cọc, các tầng lớp trung lưu liên tục sống trong tình trạng suy dinh dưỡng, ít nhất về mặt kinh tế. Với nạn tham nhũng hiện nay kéo dài, các giai tầng này có thể giàu mà không mạnh, thừa mánh khoé đánh quả mà thiếu óc kinh doanh.

Đảng nạn, tham nhũng có nguy cơ làm tiêu vong Đảng cộng sản Việt Nam. Các bè nhóm mafia tiếp tục liên hoàn, thao túng bộ máy. Những phần tử lành mạnh tiếp tục bị vô hiệu hoá, đành án binh bất động, mưu sinh chờ thời. Một vài đảng viên lão thành vẫn gióng lên tiếng nói dũng cảm, nhưng vì thiếu vắng một phong trào và tư duy mới, dễ trở thành lạc lõng, phần nào lạc hậu.

Tình hình này tiếp tục, thì đà tăng trưởng kinh tế khả quan hiện nay, sau khi chính quyền đã vượt qua chặng đường hiểm nghèo 1990-91 khi Liên Xô sụp đổ, sẽ có cơ trở nên một thành trì Cổ Loa thiếu vắng nỏ thần. Và trong khi An Dương Vương trỏ kiềm vào ảo ảnh âm mưu diễn biến hòa bình trước mặt, thì sau lưng nhà vua, nàng Mỹ Châu đã rơi vào tay những thế lực kinh tế - chính trị không cần mang khuôn mặt khôi ngô của Trọng Thuỷ.

Trong bài diễn văn kỷ niệm 40 năm chiến thắng  
(xem tiếp trang sau)

# Mấy suy nghĩ về Nam Phi và ANC

Nguyễn Trọng Nghĩa

Những gì xảy ra ở Nam Phi từ mấy năm rồi và đặc biệt qua việc đảng Đại hội Dân tộc Phi Châu (ANC) thắng cử và thành lập chính phủ liên hiệp dân tộc, thêm một lần nữa, cho thấy tầm quan trọng của lương tri (bon sens) trong hành động chính trị, đôi khi hơn cả tư tưởng hệ, chủ nghĩa...

Trước nguy cơ phá sản, không thể nào tránh khỏi của chế độ apartheid (cô lập về chính trị và kinh tế do sự lén ám và những biện pháp trừng phạt của rất nhiều nước, bạo động và đàn áp đẫm máu càng ngày càng trầm trọng...), các nhà lãnh đạo của đảng dân tộc (NP) đã đi đến kết luận là phải từng bước giảm bớt sự hà khắc phi nhân của chế độ. Sau việc trả tự do cho Nelson Mandela năm 1990 đã làm cho tình hình chính trị Nam Phi biến chuyển càng ngày càng nhanh. Mặc dù họ đã là những người phục vụ đắc lực của chế độ apartheid và nhất là dù nắm trong tay những phương tiện trấn áp (cảnh sát và quân

đội), ông De Klerk cũng như các nhà lãnh đạo của đảng NP đã đủ thực tế và, phải nói, đủ sáng suốt để chấp nhận đối thoại với đảng ANC, lực lượng chính trị quan trọng nhất của Nam Phi.

Ngược lại, các nhà lãnh đạo của đảng ANC (đặc biệt Nelson Mandela) cũng đã ý thức sâu sắc được là nếu không muốn gây ra nội chiến với những hậu quả thảm khốc có thể đoán trước được, họ phải nỗ lực đi tìm một giải pháp thỏa hiệp với đảng NP và ngay cả với các phe phái cực hữu : một giải pháp như vậy nhất thiết phải trấn an được thiểu số da trắng đặc biệt là giới kinh doanh và quân đội.

Chính vì nghe theo tiếng nói của lương tri và biết tạm quên đi quyền lợi của phe đảng mình mà ANC và NP đã thực hiện được bầu cử tự do và thành lập được chính phủ liên hiệp dân tộc. Nhưng cũng phải nói ngay rằng giải pháp của lương tri này cũng chỉ có giá trị trong giai đoạn quá độ. Không chóng thì chầy chờ sống chính trị của Nam Phi sẽ phải tuân theo quy luật đa số và thiểu số hay nói khác đi về sự luân phiên nhau cầm quyền (alternance) giữa các đảng phái và liên minh chính trị khác nhau, thậm chí đối kháng nhau về đường lối, dựa trên sự chọn lựa của nhân dân thông qua các cuộc tuyển cử tự do. Một nước Nam Phi mới – thực sự “dân chủ và phi chủng tộc” như Nelson Mandela vẫn mơ ước từ lâu – chỉ có thể tạo được sự ổn định và phát triển nếu các đảng lớn như ANC và NP càng ngày càng bớt đi tính cách chủng tộc.

Trong cuộc đấu tranh nhằm giải phóng nhân dân da đen ra khỏi sự thống trị của người da trắng từ hơn 300 năm nay, thanh toán chế độ apartheid và giành chính quyền, Nelson Mandela và các nhà lãnh đạo ANC đã tỏ ra rất uyển chuyển, sáng suốt... nói gọn lại là rất tài ba. Nhưng một khi đã lên cầm quyền, liệu họ có trở nên những nhà quản lý giỏi có khả năng giải quyết những vấn đề kinh tế xã hội vô cùng trầm trọng của Nam Phi (đặc biệt cho người da đen<sup>(1)</sup>: 85 % nghèo khổ, 47 % mù chữ, 12 triệu người không có nước uống sạch, 75 % không có điện...). Từ mấy thập kỷ nay kinh nghiệm thế giới cho thấy là một chính đảng kiên cường và tài ba trong đấu tranh giải phóng cũng có thể trở thành những nhà quản lý rất tồi trong giai đoạn xây dựng.

Cái may rất lớn của Nam Phi là ngay từ đầu đường như họ đã có được một chế độ dân chủ với sự hiện diện của nhiều chính đảng, đặc biệt là ANC (tiến bộ) và NP (bảo thủ). Với tư cách là những người dân chủ chân chính, các nhà lãnh đạo ANC chắc chắn thấy được rằng vai trò quyết định của họ trong việc sáng lập ra nước Nam Phi mới và đa số tuyệt đối (62,65 %) mà ANC đạt được trong cuộc tuyển cử tự do đầu tiên sẽ không cho phép họ vĩnh viễn cầm quyền : tương lai chính trị của ANC sẽ tuỳ thuộc ở khả năng xây dựng, phát triển đất nước của họ. Nếu không thoả mãn được những đòi hỏi bức thiết của nhân dân Nam Phi, hoặc họ sẽ không tạo được những điều kiện cần thiết để đất nước biến đổi một cách hòa bình, hoặc họ sẽ mất quyền trong 2, 3... nhiệm kỳ tới : khả năng sau xét cho cùng, cũng là chuyện bình thường trong một xã hội dân chủ và cho một đảng thực sự dân chủ, tiến bộ.

Nhưng ngay bây giờ ta có thể khẳng định rằng sau hơn 80 năm đấu tranh bất khuất, ANC là một đảng có quá khứ và hiện tại quang vinh đáng cho cả thế giới thán phục.

<sup>(1)</sup>tại những biệt khu (*homeland*)

## Diễn biến hòa bình...

(tiếp theo trang trước)

Điện Biên Phủ, thủ tướng Võ Văn Kiệt không dành một chữ cho câu chuyện diễn biến hòa bình. Ngược lại, ông nhấn mạnh :

« Ngày nay, chỉ có đại đoàn kết dân tộc, động viên sức mạnh của mỗi người và của toàn dân, thì mới thoát khỏi tình trạng một nước nghèo. Sự nghiệp đổi mới và phát triển dựa vào sự đóng góp về mọi mặt của dân tộc, của 72 triệu người Việt Nam, dù ở trong nước hay nước ngoài (...) Lúc này càng phải nêu cao đại đoàn kết dân tộc, không phân chia chính kiến, tôn giáo ; mọi sáng kiến cần được lắng nghe, những ý kiến bất đồng cần được thảng thảo luận, không áp đặt, không ép buộc, tất cả vì đại nghĩa xoá cảnh nước nghèo, xoá sự tụt hậu, xây dựng Tổ quốc Việt Nam giàu mạnh » (Sài Gòn Giải phóng, 7.5.94)

Lời tuyên bố, về tinh thần cũng như câu chữ, ngược hẳn những phát biểu và văn kiện nội bộ của ĐCSVN. Sự trái nghịch đó là biện chứng của ngôn ngữ hai mặt (*double language*) hay là sự đấu tranh giữa hai ngôn ngữ, nghĩa là giữa hai quan niệm, hai thế đứng ?

Giữa hai thế đứng ấy, sự lựa chọn đặt ra cho toàn bộ dân tộc, và cho riêng hàng ngũ hiện nay của Đảng cộng sản Việt Nam.

NGUYỄN NGỌC GIAO

# Khi CCFD bị chụp mũ

## “âm mưu diễn biến hòa bình”

**Uỷ ban Công giáo chống Đổi, vì Phát triển** (CCFD : *Comité Catholique contre la Faim, pour le Développement*) là một cái tên quen thuộc với bất cứ ai quan tâm tới hoạt động của các tổ chức phi chính quyền (ONG). Ra đời từ hơn 30 năm nay, thành viên của tổ chức quốc tế Thiên chúa giáo CIDSE, CCFD là một tổ chức lớn và có uy tín ở Pháp. Hàng năm vào Mùa chay, dưới sự bảo trợ của Hội đồng giám mục Pháp, các nhà thờ Công giáo tổ chức giáo dân Pháp quyên góp gây quỹ cho CCFD. Ngoài ra, Uỷ ban này vận dụng quỹ quốc tế của CIDSE và tranh thủ sự tài trợ của chính phủ Pháp cũng như của các tổ chức quốc tế, đặc biệt là Cộng đồng Âu châu (CE). Ngoài sự tận tụy, vô tư của các thành viên, uy tín của CCFD gắn liền với tính chất các hoạt động của tổ chức này : một phần nhỏ dành cho những chương trình có tính chất nhân đạo, cấp thời, phần lớn các chương trình đều nhằm hướng giúp các nước thế giới thứ ba phát triển (kinh tế, xã hội, y tế, văn hoá, giáo dục).

Ở Việt Nam, CCFD đã thực hiện hoặc tham gia gần một trăm dự án lớn nhỏ : từ cải tiến hệ thống cung cấp nước uống cho thành phố Nha Trang đến xây dựng Trại giống rau Lâm Đồng (với sự tham gia của Hiệp hội Khoa học Kỹ thuật Việt Nam tại Pháp), từ giúp đỡ Nhà xuất bản Ngoại văn (nay là Nhà xuất bản Thế giới : tài trợ chương trình xuất bản, cung cấp tài liệu sách báo, học bổng cho nhân viên sang châu Âu tu nghiệp) đến tài trợ cho Trung tâm đại học dân lập Thăng Long...

Ở châu Á, CCFD tài trợ những đề án phát triển ở Philippin, Thái Lan, Cambốt, Bangla Desh..., một phần thông qua những tổ chức tiền bối. Tại châu Mỹ Latinh, CCFD đã giúp những chương trình tương tự ở nhiều nước, kể cả Nicaragua dưới chính quyền Sandinista. Do màu sắc tiền bối đó mà trong suốt nhiều năm, vào gần Mùa chay (là mùa các nhà thờ quyên tiền giáo dân) báo chí phái hữu Pháp (hàng hái nhất là nhật báo *Le Figaro* và tuần báo *Le Figaro Magazine*) tung ra một loạt bài đả kích khuynh hướng thiên Cộng của CCFD (lên án Uỷ ban này giúp chế độ *Heng Samrin* tay sai của Việt Nam ở Campuchia, giúp Nhà xuất bản Ngoại văn in sách tuyên truyền cho chế độ độc tài Hà Nội...), gây sức ép lên Hội đồng giám mục Pháp, đòi các vị chủ chăn phải uốn nắn CCFD.

Là một tổ chức bắt nguồn từ giáo hội, CCFD chọn cách sống đạo là không lấy tiêu chuẩn tín ngưỡng để giúp hay không giúp một đề án. Ở Việt Nam cũng như ở các nước khác, đa số các phương án là của những hội đoàn, cơ sở không tôn giáo. Cũng có những phương án của hội đoàn Công giáo được tài trợ : ở Việt Nam, CCFD giúp một số chương trình của những dòng nữ tu, cũng như của Uỷ ban đoàn kết Công giáo mà Vatican ngờ là mạnh nha thành hình một “giáo hội độc lập”. Thêm một “tội” cho CCFD : một vài giáo dân và linh mục Việt Nam đã không ngại viết thư đả kích CCFD đã ưu tiên giúp đỡ tổ chức mà họ gọi là “quốc doanh” này !

Ấy vậy mà CCFD đã được Ban Tự tưởng Văn hoá Trung ương (BTTVH) của Đảng cộng sản Việt Nam cho vào bảng vàng của những “thế lực thù địch” đang “tăng cường chống

phá sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta”, âm mưu “diễn biến hòa bình” với “những thủ đoạn tinh vi, thâm độc trên tất cả các lĩnh vực, đặc biệt là về chính trị, tư tưởng, văn hoá, kinh tế, hòng làm sụp đổ từ bên trong, xoá bỏ sự lãnh đạo của Đảng ta, xoá bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa”. Không những thế, CCFD là tổ chức nước ngoài duy nhất được nêu danh trong “tài liệu lưu hành nội bộ” đề ngày 20.3.1994 của BTTVH nhan đề “*Hoạt động của một số thế lực thù địch và chống đối*” mà chúng tôi vừa nhận được.

Tài liệu này dài 12 trang đánh máy. Phần dành cho CCFD chỉ dài vỏn vẹn hai phần ba trang, song chứa chất dầy sai lầm và xuyên tạc, tiêu biểu cho một lối chụp mũ thiêng bạo đến mức ngây ngô.

Chụp mũ theo nghĩa đen và ngay từ tên gọi của CCFD : trong suốt tài liệu CCFD được gọi bằng tên tắt tiếng Pháp CCFD, nhưng ở dòng đầu, bằng tên tiếng Việt : “**Uỷ ban công giáo chống đổi và vì sự phát triển**” ! Chủ *đổi* đã bị *chụp mũ* thành *đổi* ! Có lẽ đây chỉ là lối đánh máy và do sai sót của người đọc lại, song nó có nghĩa là cả người đánh máy lẫn thầy cò đã thầm nhuần “quán triệt tư tưởng, quan điểm, đường lối của Đảng”, “nâng cao tinh thần đấu tranh cách mạng, ý thức cảnh giác đối với luận điệu thù địch”, mục đích của BTTVH khi phổ biến tài liệu này cho cán bộ đảng viên.

Nói về các dự án của CCFD tại 19 tỉnh ở Việt Nam, tài liệu đưa ra một nhận xét có vẻ khách quan (tất nhiên là... sai sự thật) : “chủ yếu tập trung vào vùng đạo thiên chúa và vùng dân tộc thiểu số” để dẫn tới nhận định chắc chắn : “CCFD chủ trương tạo bộ mặt phồn vinh cho các địa phận thiên chúa giáo, phát triển thiên chúa giáo ở Việt Nam, vận động giáo dân xoá bỏ vai trò của Uỷ ban đoàn kết Công giáo Việt Nam” (độc giả đã đọc phần giới thiệu CCFD, chúng tôi xin miễn bàn).

Tài liệu của BTTVH còn nêu thêm một tội tày đình của CCFD là : “Gửi tài liệu về dân chủ, nhân quyền phương Tây vào Việt Nam, đào tạo một số hạt nhân tổ chức nhân quyền quốc tế tại Việt Nam. CCFD chú ý tác động vào một số trí thức trẻ, nhất là những người đã được cho đi đào tạo ở nước ngoài”.

Chúng tôi không đủ điều kiện kiểm tra xem CCFD đã tác động ra sao tới những cán bộ của Nhà xuất bản Ngoại văn hay của Bộ văn hoá được họ cấp học bổng sang thực tập ở Pháp và châu Âu. Điều chắc chắn là hiện nay, học bổng 3 000 – 4 000 F là thấp so với các học bổng khác, nên cán bộ trong nước không mấy phấn khởi khi được cử đi ! Còn “gửi tài liệu” thì quả là CCFD có phạm tội này thật : họ đã tài trợ việc mua và gửi sách khoa học xã hội cho một số cơ quan trong nước, từ nhà xuất bản, qua các viện nghiên cứu, thư viện quốc gia, đến cả... Ban bí thư Trung ương Đảng. Còn cá nhân nhận được sách, thì hình như có một người, là ông Trần Bạch Đằng, là người hàng năm rao giảng đường lối chống đà nguyên trên hàng mẩy chức tờ báo.

Kết luận, tài liệu nội bộ của BTTVH viết : “Ta chủ trương quan hệ với CCFD, một mặt tranh thủ tài trợ, mặt khác thống nhất quản lý, ngăn chặn tác động phá hoại tư tưởng, hạn chế hoạt động tiêu cực trên lãnh vực tôn giáo và dân chủ, nhân quyền, tác động xấu đối với đội ngũ trí thức của ta”.

Kết luận của chúng tôi khiêm tốn hơn : nếu những “thông tin” của BTTVH về CCFD là đúng, thì chủ trương nói trên chỉ cần vẫn tắt 4 chữ : ăn cháo đá bát, là đủ, và xin miễn bàn. Còn nếu chúng là những điều bịa đặt, hay hoang tưởng, thì có lẽ BTTVH cũng nên xin lỗi các đảng viên cán bộ đã bị đầu độc. Và tiện thể, cũng nên xin lỗi CCFD. Chưa nói gì đến quốc thể, đó là sự tự trọng tối thiểu.✓

# Một số ý kiến về cơ chế nhà nước và vấn đề kinh tế Việt Nam

Vũ Quang Việt \*

Kinh tế Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả đáng phấn khích từ năm 1989 đến nay. Kết quả đạt được chủ yếu là do đổi mới cơ chế về mọi mặt : đường lối xây dựng kinh tế xã hội, luật pháp kinh tế xã hội và tổ chức nhà nước.

Chính vì tác động quan trọng của cơ chế đổi mới kinh tế mà việc tiếp tục đổi mới cơ chế cũ và kiện toàn cơ chế mới càng trở nên quan trọng. Việc đặt vấn đề cải tổ hành chính nhà nước cùng kết hợp với cải tổ kinh tế là hết sức đúng đắn. Tôi hoàn toàn ủng hộ. Vấn đề đặt ra là : những đường lối, pháp luật, chính sách gì cần đổi mới thêm và cơ chế nào cần thay đổi thêm để thực hiện được đường lối, pháp luật và chính sách mới ? Đây là những vấn đề phức tạp, vừa đòi hỏi nghiên cứu sâu, rút kinh nghiệm của thế giới để đề ra giải pháp cho hợp với tình hình cụ thể của Việt Nam, vừa đòi hỏi biện pháp cụ thể nhằm thực hiện cho có kết quả. Tôi rất cảm kích được Thủ tướng mời làm thành viên của Tổ Tư vấn. Nhân cuộc họp đầu tiên, vì thời gian cho phép sửa soạn có giới hạn, tôi chỉ xin góp ý vào một vài điểm trong những vấn đề trên, những điểm mà tôi có tầm hiểu biết nhất định.

## 1. Hướng phát triển và kế hoạch kinh tế những năm sắp tới

Hiện nay có sự hò hỏi có vẻ hơi quá đáng về khả năng phát triển của nền kinh tế Việt Nam. Tình cảm hò hỏi này bắt nguồn từ tình hình phát triển kinh tế tốt đẹp những năm vừa qua cũng như việc đất nước đã thoát khỏi tình trạng bị cô lập hoá, mở ra cơ hội và khả năng nhận được viện trợ và vay mượn từ tư bản nước ngoài những năm sắp tới.

Nếu xét từ năm 1989 đến nay, kinh tế đất nước ta phát triển với tốc độ trung bình mỗi năm 6,7%. Tốc độ này có thể nói là do tác động của vay mượn, viện trợ, đầu tư trong quá khứ như cho dầu hoả, điện, v.v... và tác động của việc thay đổi cơ cấu những năm qua. Nó hoàn toàn không phải là kết quả của những đầu tư năm vừa qua. Đầu tư những năm vừa qua nhỏ bé chỉ bằng 10% GDP (tổng sản lượng trong nước, chủ thích của người đánh máy), trong đó có 7% là để thay thế hao mòn tài sản cố định. Vì vậy, muốn giữ được tốc độ này đòi hỏi phải có đầu tư mới ở mức đáng kể. Khi nói đến đầu tư, ta không thể bỏ qua nguồn gốc của tài chính đầu tư : từ nội bộ trong nước, từ tư bản nước ngoài, từ vay mượn. Thế nào là tỷ lệ thích hợp để đất nước vẫn còn chủ quyền kinh tế trong tương lai ? Những vấn đề này cần

đem lên bàn cân. Dĩ nhiên ta không đặt ra những tỷ lệ cứng nhắc mà cần điều chỉnh tùy từng thời kỳ, nhưng về dài lâu phải đạt được một tỷ lệ quân bình nào đó. Không thể chỉ nhầm vào tốc độ phát triển cao và coi như thế là tất cả.

Tôi thấy tốc độ phát triển trung bình mỗi năm 7% trong năm năm sắp tới là tốc độ phát triển có thể đạt được đồng thời không có tính chất phiêu lưu có thể tạo ra các "cổ lợ" (bottle neck) trong nền kinh tế, có thể gây ra khủng hoảng kinh tế, đưa đến khủng hoảng xã hội và chính trị. Đi vào một cuộc chạy đua kinh tế mà luật lệ, nguyên tắc của cơ cấu mới chưa được xác định sẽ tạo nên những nguy cơ không lường trước được. Nền kinh tế thị trường là cạnh tranh, đòn phép, kể cả những đòn phép đòn bẩy nhất nếu như không có luật pháp và cơ chế kiểm sát. Hàng nước hoa Thanh Hương là một thí dụ. Ngay như việc đầu tư của ngoại quốc vào nước ta vừa qua, mặc dù không đáng kể, cũng đã tạo ra những "cổ lợ" nguy hiểm về việc tăng giá đất dai khi chưa có chính sách thuế đất, thuế chuyển nhượng địa ốc và thuế tiền lời địa ốc : tốc độ tăng nhu cầu xây dựng, nhu cầu đất đai đã đẩy tới tình trạng nhảy vọt quá đáng về giá nhà cửa, đất đai. Tình hình vừa qua nếu tiếp tục sẽ đưa đến sự phá sản của rất nhiều cơ sở tín dụng tư nhân và nhà nước và đồng thời tạo nên dây chuyền ảnh hưởng nguy hiểm cho toàn bộ nền kinh tế. Hậu quả của một cuộc chạy đua khi chưa có luật lệ này đã để lại hậu quả lâu dài là giá nhà cửa hiện nay đã xuống nhưng còn quá cao so với lương của lao động Việt Nam, và với lương hiện nay dù ở mức cao nhất do nhà nước quy định, người lao động Việt Nam không có hy vọng gì có được một nơi cư trú độc lập trước khi hết đời, nếu chỉ dựa vào đồng lương. Đây sẽ là vấn đề xã hội chính trị lớn trong tương lai.

Tốc độ trung bình mỗi năm 7% không phải là thấp, nếu thấy rằng từ năm 1965 đến nay, những con rồng châu Á có tốc độ phát triển trung bình năm 5,5%, các nước công nghiệp phát triển có tốc độ tăng trưởng 2,2%, các nước Nam Mỹ là 2%, và Phi châu chưa được nửa %. Trung quốc phát triển trung bình từ năm 1979 đến nay khoảng trên 9% là trường hợp ngoại lệ, nhưng họ luôn bị rơi vào giai đoạn phát triển quá nóng, lạm phát bùng nổ, đời sống khó khăn, phải ghìm cưỡng lại, gây xung đột xã hội như vụ Thiên An Môn. Tốc độ phát triển cao này chỉ tập trung ở vài địa phương (vì đây là biện pháp hữu hiệu để đạt tốc độ phát triển cao) đang là vấn đề lớn gây bất mãn trong nông dân và các địa phương khác.

Ở Việt Nam, đưa ra tốc độ quá cao như 9 - 10% một năm trong khi hạ tầng cơ sở (đường xá, cầu cống, điện, văn phòng làm việc, chuyên viên) chưa đủ, bản thân vốn liếng mình không có không thể nào không đưa đến bùng nổ giá cả, kể cả nợ nần nước ngoài chồng chất, mà nếu không muốn vay nợ thì phải biến Việt Nam thành nơi chủ yếu cung cấp công nhân rẻ cho người nước ngoài.

Để đạt được tốc độ trung bình mỗi năm 7% cũng đòi hỏi những cố gắng lớn, tức là : tốc độ đầu tư phải được đưa lên cao hơn nhiều, và tốc độ tăng tiêu dùng phải giữ ở mức độ vừa phải. Theo tính toán của tôi, để tăng trung bình 7% trong 5 năm tới, ta cần nâng mức đầu tư lên 20% GDP, trung bình khoảng 2,3 tỷ USD một năm, giữ mức tăng tiêu khoang 3% một năm, mức để dành từ nội bộ nền kinh tế là 1,0 tỷ USD một năm, tức là tỷ lệ để dành so với GDP là 11 - 12%, và như vậy nguồn tài chính nước ngoài mỗi năm cần tới khoảng 1,3 tỷ những năm sắp tới. Trong 1,3 tỷ cần từ phía ngoài, 600 triệu USD có thể là từ vay mượn, viện trợ, 700 triệu là từ đầu tư nước ngoài. Với tốc độ phát triển trên, thì số đầu tư của ngoại

\* Chuyên viên kinh tế và thống kê Liên Hiệp Quốc

quốc cần thu hút vào Việt Nam đã bằng 30% tổng số đầu tư trong nước, một con số đáng kể khi so với mức đầu tư của ngoại quốc vào những nước Á châu trong 5 năm qua, tương đương với Singapore, gấp đôi Hồng Kông, gấp 3 lần Mã Lai và gấp 15 - 20 lần Trung quốc và Nam Hàn. Nếu đẩy mức này lên hơn nữa thì ta phải xét tới viễn tượng chủ quyền hoặc ít nhất là ảnh hưởng kinh tế của nước ngoài vào Việt Nam trong tương lai, đặc biệt là tỷ lệ đầu tư của những nền kinh tế nói tiếng Trung Quốc vào Việt Nam hiện nay đã lên tới 40% tổng số đầu tư được chấp nhận của ngoại quốc vào nước ta. Ta cần mở rộng tỷ lệ đầu tư của các nước phát triển khác nhưng trong giai đoạn hiện nay không phải dễ dàng. Mức đầu tư trên thế giới của Nhật đã xuống đáng kể và sẽ còn tiếp tục xuống vì kinh tế khó khăn. Ở Á châu, đầu tư của Mỹ vào khu vực Đông Nam Á chỉ khoảng 2 tỷ một năm sẽ không phải là nguồn đầu tư quan trọng cho Việt Nam.

Như vậy chiến lược bảo đảm độc lập kinh tế là phải nâng mức để dành trong nội bộ nền kinh tế. Tỷ lệ để dành năm 1989 chỉ có 5% GDP, năm 1992 theo tôi ước tính là 8,5%. Tốc độ phát triển kinh tế 7% mỗi năm trên trong vòng 5 năm tới đòi hỏi tỷ lệ để dành được nâng lên 11 - 12% GDP. Để phát triển vững chắc và không dựa vào viện trợ và vay mượn như hiện nay, tỷ lệ để dành phải là 24 - 29% như một số nước Á châu có phát triển mạnh. Cơ chế ngân hàng, vai trò của nó và chính sách lãi suất phù hợp để huy động tiết kiệm sẽ phải là vấn đề cần đi sâu và cần có cải tổ toàn diện. Cũng như muốn phát triển vững chắc ta cần nắm vững chiến lược phát triển xuất khẩu, hạn chế nhập khẩu không cần thiết, tạo sự cạnh tranh, xoá bỏ độc quyền nhưng đồng thời phải có chính sách bảo hộ nhất định hàng hoá trong nước. Kinh nghiệm của Nhật, Nam Hàn, Đài Loan chứng tỏ rõ quan điểm này. Thế nhưng hiện nay nhiều biểu hiện cho ta thấy đã mở rộng thị trường một cách vô lối. Không thể tưởng tượng được nhà nước ta lại cho phép công ty ngoại quốc sản xuất bia ở Việt Nam với kỹ thuật đơn giản mà lợi nhuận lại cao. Ta phải tự hỏi tại sao Pháp lại dành độc quyền sản xuất rượu bia ở thuộc địa. Và rồi đến thuốc lá nữa ?

## 2. Cơ sở cải cách tiền lương

Chính sách lương bổng nhà nước đưa ra năm vừa qua được xây dựng trên hai nguyên tắc : (i) lương cơ bản theo cùng ngạch trật giống nhau cho mỗi công chức nhà nước làm việc ở bất cứ nơi nào trên đất nước ; (ii) sự khác biệt về giá cả ở các vùng được giải quyết bằng lương phụ cấp đắt đỏ. Chính sách tổng quát như vậy là đúng đắn. Tuy nhiên chính sách này có khuyết điểm trầm trọng là nó không lưu ý đến tình hình hiện tại cũng như tàn dư của quá khứ. Tình hình hiện tại cho thấy lương hiện nay của công chức ở nhiều nơi ở miền Nam cao gần gấp đôi lương công chức ở miền Trung hoặc miền Bắc. Như vậy thực hiện chính sách lương này đòi hỏi kéo lương những người đang nhận lương cao xuống, hoặc tạm hoãn thực hiện. Tàn dư của quá khứ cho thấy rằng nhiều người đã làm việc với nhà nước rất lâu nhưng có người được chia nhà và có người chưa được chia, phần chia cũng không đồng đều giữa các thành phố, có người ở Thành phố Hồ Chí Minh được chia nhà có giá trị gấp cả nghìn lần giá trị nhà được chia ở thành phố khác. Chỉ nhìn một căn nhà hoặc diện tích được chia của một cán bộ trung cấp ở Thành phố Hồ Chí Minh và chỗ ở của một cán bộ cao cấp ở Hà Nội là quá rõ. Chính sách này đã bị phản đối là quá dễ hiểu bởi nó là một chính sách hết sức bất công. Chúng ta phải xoá bỏ bao cấp nhà cửa, đưa tới lương bổng hợp lý và công bằng cho cả nước, nhưng

đây không phải là chính sách công bằng xã hội.

Vì những bất công và vô lý của chính sách kiểu này, tôi xin đề nghị phương pháp giải quyết như sau :

(i) Tính toán lại xem lương tối thiểu nhằm bảo đảm đời sống tối thiểu. Trên cơ sở lương tối thiểu này, tính lại lương cho các bậc lương khác, và sau khi cộng thêm mức bù đắp do tuỳ theo địa phương, nếu phải giảm lương ở nơi nào trả cao hơn mức lương quy định thì việc giảm lương này là hoàn toàn hợp lý vì không thể chấp nhận cùng một bậc công chức mà lại có lương khác nhau tuỳ ngân sách địa phương giàu hay nghèo.

(ii) Thực hiện ngay lương và bậc lương giống nhau cho toàn quốc, phần nào nhà nước giải quyết được bằng tiền mặt thì sẽ giải quyết ngay, phần nào chưa giải quyết bằng tiền mặt được thì giải quyết bằng phiếu nợ ngắn hoặc trung hạn từ 1 đến 5 năm và có lãi tương đương với lãi bở quỹ tiết kiệm ở mức thấp nhất. Tôi đề nghị là 5 năm nhưng có thể cần tính lại tuỳ theo số tiền nhà nước phải bỏ thêm để trả nhưng chưa thể trả vì điều kiện tài chính không cho phép, do nếu in tiền để trả lương thì sẽ gây ra lạm phát. Khả năng trả thêm tuỳ thuộc vào tốc độ phát triển kinh tế 5 năm tới và khả năng thu thuế của nhà nước. Trong khi thực hiện biện pháp này, cần ưu tiên phát lương bằng tiền mặt ngay cho những nơi đã trả lương cao, để tránh kéo lương họ xuống quá đáng và ưu tiên cho các cơ quan công quyền mà lương quá thấp có thể ảnh hưởng đến đạo đức công việc như công an, hải quan, viên chức tòa án, viện kiểm sát, v.v...

(iii) Trên cơ sở lương cơ bản mới này, tính lại lương cho những năm trước đây cho mỗi công chức nhà nước. Lương trước đây sẽ phải thấp hơn vì năng suất trước đây thấp hơn. Như vậy lương trước đây **đáng lẽ được hưởng** sẽ được quyết định bởi lương hiện nay và năng suất những năm trước đây, ngạch trật tương đương trước đây và thời gian phục vụ cho nhà nước. Như vậy cần tính lại lương bổng mỗi công chức **đã được hưởng**, trong đó có lương bổng và nhà cửa. So sánh mức lương bổng **đã được hưởng** và mức lương bổng **đáng lẽ được hưởng**. Đối với phần khác biệt công chức phải hoàn trả lại, nhà nước lấy lại qua bổng nhà cửa quá đáng và trả bằng nhà có giá trị thấp hơn. Đối với phần khác biệt nhà nước phải trả, nhà nước có thể trả bằng **công trái phiếu** dài hạn từ 15 đến 20 năm, được hưởng lãi suất tương đương với lãi suất ngân hàng ở mức thấp nhất. Lý do trả bằng công trái dài hạn vì số lương phải trả thêm có thể rất lớn.

Tôi mong rằng nhà nước sẽ xét lại chính sách lương bổng hiện nay, để đưa ra một chính sách lương bổng công bằng, hợp lý và có thể thực hiện được, tức là không gây lạm phát.

## 3. Dựa tin học vào quản lý kinh tế

Quản lý nhà nước, quản lý kinh tế từ hoạt động của từng cá nhân, xí nghiệp, ngân hàng, tài chính đều đòi hỏi mạng lưới thông tin sử dụng tin học hiện đại. Ngân hàng từ lâu đã không giải quyết được vấn đề chỉ trả giữa các đơn vị trong các tỉnh một phần vì cơ cấu tổ chức thiếu khoa học nhưng một phần là do không có hệ thống tin hiện đại. Đối với toàn nền kinh tế cũng vậy, để nhà nước theo dõi điều hành các chính sách vĩ mô và các hoạt động vĩ mô quan trọng, nhà nước phải nắm được tình hình kinh tế một cách đầy đủ, chính xác và nhanh chóng. Điều này đòi hỏi xây dựng được một hệ thống thông tin kinh tế định lượng tất cả các hoạt động quan trọng trong nền kinh tế. Hệ thống này cho phép khả năng tổng hợp nhanh chóng chi tiết từ cơ sở địa phương qua mạng lưới thông tin. Như vậy nó đòi hỏi

sự phối hợp hoạt động nhịp nhàng giữa các bộ ngành và địa phương, lấy *Tổng cục thống kê* làm trung tâm, sử dụng mạng lưới tin học hiện đại. Việc xây dựng hệ thống thông tin kinh tế này đòi hỏi những điều kiện như sau :

(i) Có chuẩn quốc gia về các định nghĩa, ý niệm, phạm trù kinh tế, về phương pháp và phạm trù kế toán, về những thông tin các cơ sở phải báo cáo thì mới có thể tổng hợp và so sánh ;

(ii) Có chuẩn quốc gia về mạng lưới thông tin dùng tiếng Việt, các loại máy tính cho đến các phần mềm xử lý số liệu. Việc tổng hợp đòi hỏi số liệu gửi qua mạng lưới thông tin nhà nước được nơi khác đọc được và xử lý lập tức được. Việc tổng hợp trong thời gian cũng đòi hỏi hệ thống máy và phần mềm hiện sử dụng phải có khả năng chuyển sang hệ thống hiện đại trong tương lai. Chúng ta sẽ hết sức tốn phí nếu như những phần mềm được viết hiện nay để xử lý thông tin phải bị viết lại trong tương lai hoặc tất cả số liệu hôm nay phải bị đánh máy lại vì các máy mới không đọc được. Dĩ nhiên chuẩn quốc gia lại phải phù hợp với chuẩn quốc tế.

Vấn đề mạng lưới thông tin dựa trên tin học hiện đại không phải chỉ là vấn đề của thông tin kinh tế mà là vấn đề chung của chiến lược phát triển. Chính ở đây, những nước mới phát triển chưa có một mạng lưới thông tin sẵn lại có cơ hội đi vào kỹ thuật tiên tiến nhất. Ở Mỹ, có những phần mềm và hệ thống số liệu được thiết kế từ lâu, tổn kém rất nhiều nhưng hiện nay vẫn không có khả năng chuyển sang kỹ thuật mới. Mỹ đã tốn một tỷ USD nhằm chuyển hệ thống phần mềm quản lý bảo hiểm xã hội sang kỹ thuật mới nhưng dành chịu thất bại.

Xây dựng mạng lưới thông tin đòi hỏi nhà nước có **chiến lược** về vấn đề này. Mới đây Thủ tướng Chính phủ đã quyết định lập *Uỷ ban điều hành công nghệ thông tin* do bộ Công nghệ và Môi trường điều hành nhằm xác định chuẩn về mạng lưới máy tính. Đây là quyết định kịp thời và hết sức đúng đắn. Rất tiếc Uỷ ban này nằm trong một bộ thì khó có đủ tầm cõi để thực hiện quyết định, trừ trường hợp những quyết định này phải được Thủ tướng ký.

Về thông tin kinh tế, ta chưa có chuẩn cho môi trường kinh tế thị trường hiện nay. Chỉ cần để ý sự khác nhau giữa các từ sử dụng để chỉ định cùng một vấn đề kinh tế cụ thể trên báo chí cũng như trong cơ quan nhà nước là đã rõ. Tôi có đề nghị với chính phủ thành lập *Hội đồng thống kê quốc gia* là để xác định chuẩn và chiến lược trước mắt cũng như lâu dài về một hệ thống thông tin kinh tế tổng hợp (đề nghị này đã được viết trong một bài riêng). Hai uỷ ban trên sẽ giữ vai trò quan trọng trong việc phát triển hệ thống thông tin kinh tế tất phải phối hợp chặt chẽ, kể cả việc người điều hành uỷ ban này phải là thành viên của uỷ ban kia.

Việc thiết lập các uỷ ban trung ương trên, nhằm đặt chuẩn và phối hợp hoạt động của các bộ ngành và cả hoạt động khác nhau chính là dựa trên cơ sở xây dựng một chính phủ trung ương mạnh và hiệu quả.

#### 4. Về việc quản lý tài sản công

Nhân đọc sáng kiến của anh Trần Quốc Hùng về việc thiết lập *Quỹ quản thác tài sản quốc gia*, tôi xin góp thêm một số ý kiến về vấn đề lý thú và quan trọng này. Vấn đề này hết sức phức tạp, cần nghiên cứu sâu sắc qua việc rút kinh nghiệm các nước khác. Những ý kiến bổ túc của tôi chỉ có mục đích làm sáng tỏ thêm vấn đề. Để nhìn toàn diện, trước hết tôi xin đưa ra định nghĩa về tài sản quốc gia. Nó gồm :

#### Tài sản đất đai

- (i) Đất đai nông nghiệp, lâm nghiệp ;
- (ii) Đất đai công để ở và làm công xưởng ;
- (iii) Vùng trời, vùng biển ;

#### Tài sản hầm mỏ

- (iv) Toàn bộ hầm mỏ nguyên liệu và nhiên liệu ;

#### Tài sản cố định do con người sản xuất

- (v) Các công trình xây dựng như cầu đường bến cảng ;
- (vi) Các công trình công cộng khác liên quan đến giáo dục, giao thông, y tế, quốc phòng ;

#### Tài sản các công ty quốc doanh

- (vii) Các xí nghiệp do nhà nước làm chủ một trăm phần trăm trong đó chẳng hạn có *Ngân hàng trung ương* ;

(viii) Cổ phiếu nhà nước trong các xí nghiệp quốc doanh do nhà nước làm chủ phần lớn cổ phiếu nhưng vì giữ địa vị quan trọng nên cơ quan chủ quản không được quyền bán nếu không được phép ;

#### Tài sản tài chính

- (ix) Cổ phiếu xí nghiệp quốc doanh sản xuất hàng hoá, dịch vụ cũng như dịch vụ tín dụng, tài chính của nhà nước (tức là ngân hàng, quỹ tín dụng, công ty tài chính) ;

- (x) Cổ phiếu xí nghiệp ngoài quốc doanh do nhà nước mua ;

- (xi) Tiền mặt hoặc tín dụng thu được do tư nhân hoá các xí nghiệp quốc doanh ;

(xii) Ngoài ra lợi tức do thu tiền cho thuê khai thác tài sản đất đai và hầm mỏ, lợi tức cổ phần và lợi tức thu được do đầu tư, các nguồn lợi tức thu được đều trở thành tài sản tài chính ;

- (xiii) Các loại trái phiếu nhà nước mua.

Trong đề nghị của anh Hùng, chỉ mới bàn đến trách nhiệm quản lý các tài sản tài chính của *Quỹ quản thác tài sản quốc gia*, nhưng nó cũng có thể được giao quản thác toàn bộ tài sản cố định kể cả tài sản từ công ty quốc doanh, kể cả lợi tức cổ phần do *Tài sản quốc gia* tạo ra. Quỹ này có mục đích làm lợi cho quốc gia, làm ngày càng tăng giá trị tài sản quốc gia. Nó có thể mua bán cổ phiếu xí nghiệp, trái phiếu, công trái bộ Tài chính, các công cụ tiền tệ khác trong nước và ngoài nước. Thực chất nó là một **công ty tài chính quốc gia** tức là một xí nghiệp quốc doanh như những xí nghiệp quốc doanh khác, tuy có sức mạnh kinh tế hết sức lớn lao. Nếu theo tổ chức thông thường ở các nước tư bản, khi một công ty có cổ phiếu ở những công ty khác thì công ty đó cũng làm chủ các công ty mà nó có cổ phiếu trong đó có cả xí nghiệp quốc doanh và xí nghiệp tư doanh.

Tài sản mà Quỹ này quản lý sẽ hết sức lớn. Về tài sản cố định, chưa kể giá trị đất đai, chỉ kể giá trị tài sản cố định của xí nghiệp quốc doanh hiện nay có thể lên tới 5 - 10 tỷ USD, ngoài ra nó lại quản tài sản lưu động kinh sủ, hàng năm sau này có thể nhận được lợi tức cổ phần từ các công ty khai thác khác đầu khí lên tới cả tỷ USD một năm.

Việc lập *Quỹ quản thác* là ý kiến sơ khởi của anh Hùng, nhưng nó mở ra một hướng suy nghĩ mới về quản lý tài sản quốc gia trong đó không phải chỉ là tài sản cố định mà còn tài sản tài chính, không phải nhà nước chỉ có mục đích kiểm tra hoạt động sản xuất xí nghiệp quốc doanh cho hữu hiệu mà cả việc xử lý hữu hiệu tài sản tài chính của mình. Hiện nay tiền thu nhập tài sản quốc gia được chuyển về Bộ Tài chính và hầu

hết được đem chỉ tiêu cho cả ngân sách thường xuyên của nhà nước. Nếu tổ chức thành *Quỹ quản thác* thì ngân sách quốc gia chỉ có thể được trang trải bằng thuế, và vay mượn bằng phát hành công trái Bộ Tài chính. Quyết định đầu tư vào các công trình công cộng (đường xá, cầu cống) sẽ chủ yếu do vay mượn bằng phát hành trái phiếu, hoặc có thể do cơ quan chủ quản *Quỹ quản thác* quyết định đưa vốn của quỹ vào.

Quyết định đầu tư vào các xí nghiệp quốc doanh và tư nhân như đã nói ở trên sẽ do *quỹ quản thác* quyết định vì quỹ này là chỗ quyết định có nên mua hay không nên mua cổ phiếu, kể cả cổ phiếu vốn tự có đầu tiên và vốn tự có tăng thêm. Vì tầm quan trọng như phân tích ở trên, tôi thấy có nhiều vấn đề sau cần nghiên cứu cẩn trọng và sâu sắc :

(i) Ai sẽ làm **chủ** công ty tài chính quốc gia được gọi là *Quỹ quản thác tài sản quốc gia* này, **một công ty làm chủ tất các công ty quốc doanh khác**, kể cả một phần cổ phiếu ở các công ty tư nhân ? Chắc chắn nó không thể thuộc Bộ Tài chính mà nó phải thuộc quyền làm chủ của một hội đồng quản trị do chính phủ hoặc quốc hội bổ nhiệm. (Ở đây cũng cần để ý sự khác biệt giữa thực thể làm chủ và thực thể quản lý do thực thể làm chủ bổ nhiệm mà cho đến nay ở Việt Nam vẫn chưa giải quyết được).

(ii) Công ty này được hoạt động ở phạm vi gì ? và có quyền hoạt động, kể cả những hoạt động có rủi ro lớn ở mức độ nào ? Điều này cần đặt ra hết sức nghiêm túc vì sức mạnh kinh tế của nó sẽ hết sức ghê gớm, nó có thể khuynh đảo giá trị các công ty khác bằng cách mua vào một lúc nhiều cổ phiếu và bán ra nhiều cổ phiếu của một công ty. Nếu nó được phép buôn bán ngoại tệ thì nó cũng có thể khuynh đảo thị trường ngoại tệ. Là một công ty tài chính, nếu không có điều khoản định sẵn kiềm chế các hoạt động rủi ro nó có thể lãi nhiều nhưng cũng có thể phá sản toàn diện. Trong trường hợp phá sản, chắc chắn nền kinh tế cũng sẽ khủng hoảng toàn diện theo. Như vậy phải chăng cần quản lý hoạt động của nó theo mẫu hình an toàn của **quỹ lưu trữ** ở các nước phương Tây. Nhưng ngay cả quỹ lưu trữ cũng có nước bị phá sản vì kiểm tra không chặt chẽ.

(iii) Vì những vấn đề đặt ra ở trên, liệu ta chỉ có một công ty tài chính độc quyền quản lý tài sản nhà nước hay ta cần nhiều quỹ khác nhau tùy loại hình hoạt động và phương pháp hoạt động khác nhau, trong đó có những quỹ phải hoạt động cực kỳ bảo thủ, có quỹ hoạt động với mức rủi ro cao hơn. Trong trường hợp có nhiều quỹ thì cần xác định phạm vi thu và quản lý của từng quỹ. Ở nhiều nước đã có *công ty công quản phi cảng* hoặc *hải cảng* độc lập để thu tiền thuê phi cảng và hải cảng đồng thời có nhiệm vụ phát triển hoạt động của phi cảng, hải cảng. Thu tiền thuê đất, khai thác hầm mỏ cũng có thể được xử lý tương tự. Các công ty hoàn toàn quốc doanh, hoặc nhà nước muốn giữ quyền kiểm soát bằng cách có nhiều cổ phiếu cũng có thể thuộc một *quỹ công quản công ty quốc doanh*. Các công trình công cộng nhà nước như giáo dục, điện nước có thể giao cho các bộ chủ quản. Quỹ quản thác như vậy chỉ quản lý tài sản tài chính quốc gia còn lại.

(iv) Các công ty tài chính quốc gia quan trọng này chắc chắn phải được kiểm toán kỹ lưỡng và thường xuyên. Ai sẽ làm nhiệm vụ này ? Khi đặt vấn đề này, tôi thấy cũng phải đặt lại vấn đề kiểm toán (auditing) ở Việt Nam hiện nay, theo tôi hiểu hiện nay là do bộ Tài chính, nhưng ai sẽ kiểm toán bộ Tài chính, văn phòng chính phủ, văn phòng quốc hội. Chúng ta cần có một **Ủy ban kiểm toán trung ương** như ở Mỹ do quốc hội

bổ nhiệm, có nhiệm vụ kiểm toán tất cả các hoạt động nhà nước trung ương.

## 5. Tăng cường quyền lực kiểm soát kinh tế của chính quyền trung ương

Vấn đề này được đặt ra trên những nguyên tắc mà tôi tóm tắt ở đoạn mở đầu. Có những vấn đề gì cần tăng cường ?

**Hệ thống ngân hàng trung ương :** Ngân hàng trung ương không cần đặt chi nhánh như hiện nay ở tất cả bốn mươi mảnh tỉnh, vừa tốn kém, vừa bị tác động của chính quyền địa phương và tạo sự tập trung điều phối quá lớn vào trung tâm ở Hà Nội, làm giảm hiệu quả của trung ương. Tôi thấy cần phải nghĩ tới việc bỏ chi nhánh tỉnh và thiết lập một số chi nhánh khu vực. Như vậy bản thân chi nhánh ngân hàng khu vực tập trung được chuyên gia giỏi, tài sản và phương tiện thông tin hiện đại để điều phối phát triển hệ thống ngân hàng tín dụng cho cả khu vực thay vì chỉ cho một tỉnh. Việc tập trung này cũng sẽ làm giảm khó khăn do mạng lưới thông tin chưa toàn diện của cả nước. Số lượng chi nhánh Ngân hàng trung ương cũng không nên nhỏ quá (như 2 hoặc 3) vì lại gặp khó khăn phối hợp trong khu vực.

**Toà án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao :** Cũng trên cơ sở tăng cường quyền lực của trung ương, đồng thời giảm thiểu ảnh hưởng của chính quyền địa phương cần có **Toà án tối cao khu vực** và **Viện kiểm sát nhân dân tối cao khu vực** để tăng cường các hoạt động của mình. **Toà án tối cao khu vực** có thể sẽ chỉ chịu xét về việc diễn giải luật pháp của toà dưới. **Toàn án tối cao trung ương** chỉ xét lại các án xử trên cơ sở bảo vệ Hiến pháp. Còn **Viện kiểm sát tối cao khu vực** tiến hành theo dõi các vụ việc ở các tỉnh thuộc mình, ngăn chặn các vụ việc chỉ có tính cách o ép và truy tố các vụ việc tỉnh muốn ngăn cản hoặc bị mua chuộc. Khác với chi nhánh khu vực của *Ngân hàng trung ương* là cần được đặt ở trung tâm làm ăn buôn bán của khu vực, chi nhánh khu vực của **Toà án tối cao** và **Viện kiểm sát nhân dân tối cao** tốt hơn lại được đặt ở những nơi xa trung tâm thương mại và địa phương mạnh về chính trị để giảm thiểu áp lực địa phương. Đây là kinh nghiệm của Mỹ khi đặt thủ phủ chính trị liên bang và tiểu bang thì tránh trung tâm buôn bán làm ăn.

**Thiết lập các công ty công quản vùng :** Hiện nay ta thấy có sự tranh giành giữa các tỉnh về nhiều hoạt động kinh tế đưa đến những chi phí đầu tư trùng lắp lãng phí. Thí dụ điển hình là hiện nay mỗi tỉnh đều đứng ra xây cảng trên cùng một dòng sông ra biển. Và có thể trong tương lai mỗi tỉnh, mỗi huyện đều muốn xây dựng một vùng kinh tế tự do như đã xảy ra ở Trung Quốc. Để giải quyết việc này, nhà nước trung ương cần đặt ra các công ty công quản vùng nhằm giải quyết quyền lợi chung của vùng. Vùng không cần có tính chất định hình lanh thổ săn mà tuỳ thuộc vào từng hoạt động. Thí dụ để tránh lãng phí xây dựng cảng và cạnh tranh không cần thiết giữa hai bang New York và New Jersey, chính phủ liên bang đã cho phép lập công ty công quản hải cảng, phi cảng, đường xá, cầu cống nối liền hai bang, có tên là Port Authority of New York and New Jersey, có quyền thu phí sử dụng, bảo toàn, và đầu tư phát triển các phương tiện công cộng trên. Đây là công ty vô vị lợi, không được phép làm lợi cho cá nhân vì vậy không được bán cổ phiếu (shares, stocks). Vốn đầu tư được phép tạo bằng cách bán trái phiếu. Trái phiếu được hưởng quyền lợi đặc biệt là lãi không bị thuế thành phố hoặc thuế bang.

Vũ Quang Việt

# Hệ thống y tế và phát triển

## II. Pháp : những nguyên tắc nhất quán trong một hệ thống phức tạp

b.s. bùi mộng hùng

**Y**ên tâm. Người dân Pháp có thể yên tâm về chi phí chạy chữa thuốc thang khi chẳng may lâm bệnh. Hầu như toàn thể dân cư (trên 99%) được một hệ thống nhất đảm bảo thanh toán phần lớn chi phí chạy chữa, thuốc men kể cả vật lý trị liệu và trị liệu bằng nước khoáng. Có phải chuyển qua nghề khác, bảo hiểm bệnh tật vẫn đi theo, kể cả trong những giai đoạn thất nghiệp. Số tiền phải móc túi chỉ ra thấp, có tính toán cho ở dưới mức gây nên khó khăn về tài chính cho khổ chủ. Và mỗi người được tự do lựa chọn thầy thuốc theo ý mình.

Chi phí y tế của nhân dân Pháp năm 1992 chiếm 9,4% tổng sản lượng trong nước (GDP), thấp hơn con số 13,2% GDP của Hoa Kỳ. Thế mà chỉ tiêu sức khoẻ nhân dân Pháp, như tuổi thọ, như tỷ số tử vong trẻ sơ sinh, lại khá hơn (xem phần I, D.D. số 30, 1.5.94).

### Những nguyên tắc nhất quán

Hệ thống y tế Pháp là thành quả một quá trình lịch sử dài, chuyển biến theo tình hình xã hội, nhưng nền tảng là một số nguyên tắc không thay đổi và được nêu rõ.

Một là quan niệm nhà nước có trách nhiệm làm sao cho người dân và người cư ngụ thường xuyên trên đất Pháp không phải chỉ ra một số tiền quá sức mình mỗi khi bệnh tật.

hai là quan niệm đoàn kết. Đoàn kết giữa những người cùng ngành nghề. Đoàn kết giữa các thế hệ nối tiếp nhau, thế hệ đang súc lao động gánh vác hưu bổng cho thế hệ đến tuổi về nghỉ; vào thời tráng niên thế hệ này đã trợ cấp cho thế hệ đi trước nữa. Và đoàn kết quốc gia. Ví dụ người làm nghề nông mỗi ngày mỗi ít đi, sút kém khả năng tương trợ cho thế hệ sống vào thời nông dân còn chiếm tỷ lệ cao nay đến tuổi nghỉ hưu. Quỹ Chế độ nông dân (Régime agricole) thiếu hụt, được trợ cấp của quỹ Chế độ chung (Régime général) của đa số nhân dân Pháp. Năm 1991, Chế độ chung dành ra 4,6% tổng số chi trợ cấp cho các chế độ khác.

Pháp còn tôn trọng hai nguyên tắc nữa là quyền được tự do chọn lựa thầy thuốc của mình và người thầy thuốc được quyền điều trị cho người bệnh khi thấy mình đủ khả năng chăm sóc cho người đó.

### Cấu trúc mạng lưới y tế

Hai khu vực công và tư đan xen với nhau và bổ sung cho nhau, hài hòa. Bệnh thông thường hầu hết đến khám tại phòng mạch tư. Mạng lưới dày, bao phủ cả những nơi hẻo lánh. Bác sĩ có quyền mở phòng mạch ở nơi nào vừa ý mình; tỷ số trung bình (số liệu 1990) là 2,6 bác sĩ cho 1000 dân (Hoa Kỳ, 2,3/1000).

Trung bình Pháp có 5,2 giường bệnh cho 1000 dân (số

liệu 1989, Hoa Kỳ 3,7/1000). Ba phần năm thuộc khu vực công. Trong khoảng từ 1960 đến 1980 các bệnh viện được tập trung đầu tư nay diện mạo khác xa thời trước. Trong 2 thập kỷ đó, khu vực bệnh viện phát triển nhanh hơn khu vực điều trị ngoại trú mỗi năm 4%, làm cho trọng tâm của hệ thống thiên về bệnh viện.

Các trung tâm điều trị khu vực được đặc biệt chú trọng. Trang thiết bị đầy đủ và hiện đại, đội ngũ thầy thuốc tay nghề cao. 26 000 bác sĩ chuyên khoa làm việc toàn thời gian trong bệnh viện công. Trong số đó 8 000 là nhân viên giảng huấn các trường đại học y. Một tỷ lệ nhỏ (8%) giường trong bệnh viện công được dành cho bệnh nhân tư. Điểm đặc biệt này phát sinh từ những thập niên 50, khi bắt đầu thành lập kỷ cương cho nhân viên giảng huấn đại học y làm việc toàn thời gian ở trường và ở bệnh viện. Vào thời ấy, theo tập quán xưa, các giáo sư đại học y để thì giờ cho phòng mạch riêng nhiều hơn là làm ở bệnh viện và giảng dạy cho sinh viên. Dĩ nhiên thu nhập cũng rất cao. Cú để thế mãi thì trình độ y học Pháp sẽ lẹt đẹt theo đuôi các nước tiên tiến. Khi ấy Pháp có một loạt chủ trương phá bỏ tập quán cũ, đặt thể chế mới nhằm theo kịp trào lưu thế giới. Một trong những biện pháp là tạo điều kiện cho nhân viên giảng huấn để hết tâm trí và thì giờ vào nghiên cứu, học hỏi, giảng dạy. Không bị cái lợi mở phòng mạch tư quyến rũ. Trước hết là phải bảo đảm cho thu nhập nhân viên giảng huấn ít nhất cũng tương đương với các bạn đồng song ra làm tư. Vì thế có một tỷ lệ nhỏ thời gian và giường bệnh dành cho thầy thuốc tại bệnh viện công tiếp nhận bệnh nhân tư của mình. Điểm này, ngày nay trở thành một đặc quyền đem thêm một khoản thu nhập lớn cho một số giáo sư y khoa. Trong thời gian lên cầm quyền đảng Xã hội Pháp đã tìm cách xóa bỏ nhưng không làm nổi.

Bệnh viện tư chiếm 35% tổng số giường. Phần lớn chăm sóc các trường hợp thông thường, sản khoa và một số bệnh đặc biệt như ung thư. Bác sĩ tại các bệnh viện tư làm việc theo nhiều quy chế khác nhau: 1) làm công 2) mua cổ phần để hành nghề tự toàn thời gian tại bệnh viện 3) có phòng mạch riêng nhưng thoả thuận với bệnh viện để được quyền đem bệnh nhân của mình nhập viện và điều trị. Tổng số thầy thuốc tại các bệnh viện tư gồm 71 000 bác sĩ làm công, 36 000 hành nghề tư, trong số này 10 000 làm toàn thời gian.

### Chế độ bảo hiểm xã hội

Hệ thống bảo hiểm khá phức tạp. Nguyên tắc đoàn kết trong ngành nghề tạo nên những chế độ tuy cùng chung nét lớn nhưng vào chi tiết có điểm khác nhau. Chế độ chung (Régime général) dành cho công nhân viên trong công nghiệp, thương mại, khu vực thuộc nhà nước, cùng thân nhân của họ, gồm 81% dân số. Từ 1978, người không đi làm được quyền tự nguyện đóng tiền vào Quỹ quốc gia bảo hiểm bệnh tật (Caisse Nationale d'Assurance Maladie) thuộc chế độ chung quản lý. Chế độ nông nghiệp (Régime agricole) bảo vệ khoảng 9% dân cư. Chế độ tự do (Régime autonome) cho người làm nghề tự do như thủ công nghiệp gồm 6%. Và một số chế độ tầm vóc nhỏ hơn khác.

Xin xét qua mục tiêu, tỷ số được bảo vệ, cách thức tài trợ và quản trị của hệ thống bảo hiểm xã hội.

**M**ục đích bảo hiểm xã hội của Pháp – tiêu biểu là chế độ chung – nhằm 1) bảo hiểm chi phí chạy chữa khi lâm bệnh qua Quỹ quốc gia bảo hiểm bệnh tật (Caisse Nationale d'Assurance Maladie) 2) bảo vệ gia đình bằng cách trợ cấp cho phụ nữ khi thai nghén và sinh đẻ và trợ cấp nuôi dưỡng trẻ em do Quỹ quốc gia trợ cấp gia đình (Caisse Nationale d'Allocations Familiales) gánh vác 3) bảo đảm đời sống cho người già, cơ quan trách nhiệm là Quỹ quốc gia bảo hiểm tuổi già (Caisse Nationale d'Assurance Vieillesse). Song song còn có hệ trợ cấp thất nghiệp riêng.

**H**ệ thống bảo hiểm xã hội bao trùm hầu như toàn thể mọi người sinh sống trên đất Pháp. Trên tổng số dân cư 56 triệu, ước lượng còn khoảng 350 000 đến 500 000 gồm dân Pháp và người ngụ cư lọt ra ngoài hệ bảo hiểm xã hội, nghĩa là dưới 1%.

**N**guồn tài trợ của Quỹ bảo hiểm bệnh tật là đóng góp bắt buộc một tỷ số nhất định tiền lương. Một phần về phía chủ nhân đóng, bằng 12,8% lương người làm công. Phần khác, 6,8% do người đi làm trả. Cộng chung lại là 19,6% số lương. Người tự trả lương cho mình chỉ đóng phần của chủ nhân 12,8%. Người nghỉ dưỡng lão đóng 1,4% hưu bopsis.

**H**ội đồng quản trị Quỹ bảo hiểm bệnh tật gồm 25 người. Mười lăm ủy viên do toàn thể người đóng bảo hiểm bầu ra theo danh sách các công đoàn đề nghị ; sáu ủy viên do các tổ chức giới chủ nhân chỉ định ; hai ủy viên đại diện cho Liên đoàn quốc gia tương tế pháp (Fédération nationale de la Mutualité française) ; hai ủy viên, một thuộc tổ chức giới công nhân viên, một thuộc tổ chức giới chủ nhân, do bộ trưởng bộ bảo hiểm xã hội chỉ định. Giám đốc Quỹ bảo hiểm cấp quốc gia do chính phủ bổ nhiệm bằng sắc lệnh. Ban quản trị cấp quốc gia có quyền đề nghị tăng tỷ số đóng góp bắt buộc cho phù hợp với chi phí của hệ bảo hiểm xã hội, nhưng thường để cho bộ trưởng tài chính và bộ trưởng bảo hiểm xã hội chịu trách nhiệm những quyết định thất nhân tâm này.

**M**ột nguyên tắc được chấp nhận từ 1930 là phải trả bằng tiền túi một phần chi phí về sức khoẻ. Chủ đích của cái được mệnh danh là " ticket modérateur " (phiếu điều hoà) như tên gọi của nó nhằm ngăn bớt phần nào hiện tượng lạm dụng dịch vụ sức khoẻ. Tỷ số phải trực tiếp bỏ tiền túi ra trả nói chung là khoảng 19% chi phí. Nhưng có thay đổi tùy theo loại dịch vụ : Kể từ 1.8.1993, tính cả 5% tăng thêm để trám bớt thiếu hụt của hệ bảo hiểm xã hội, người bệnh ngoại trú được hoàn lại 35% giá thuốc loại thông thường như Aspirine, 60% chi phí xét nghiệm, 70% tiền thù lao khám bệnh tại phòng mạch tư (75% nếu khám bệnh tại nhà thương công).

Đối với một số bệnh chạy chữa lâu ngày và tốn kém như bệnh nước đái đường, ung thư, suy thận thời kỳ cuối, nhồi máu cơ tim..., những xét nghiệm nặng tiền nhu chiếu X quang trị giá trên 500 phrăng (khoảng 100 US\$), chi phí bệnh viện kể từ ngày thứ 31 những bệnh cấp tính, Quỹ bảo hiểm bệnh tật hoàn lại 100% chi phí.

**D**a số – 83% dân Pháp, số liệu năm 1991 – đóng thêm bảo hiểm bổ sung để được hoàn lại phần chi phí mà Quỹ bảo hiểm bệnh tật không gánh vác. Chính phủ ủng hộ cho loại bảo hiểm tự nguyện này được phát triển thêm, mong giảm áp lực tăng tỷ số đóng góp bắt buộc vào hệ bảo hiểm xã hội lên theo mức giá dịch vụ sức khoẻ. Bảo hiểm bổ sung do các tổ chức

tương tế và các công ty bảo hiểm tư nhân đảm nhiệm.

Nhin chung bảo hiểm xã hội gánh 73,6%, chính quyền địa phương 1,1%, bảo hiểm bổ sung 6,2%, tiền túi 19,1% chi phí về sức khoẻ (số liệu 1990).

### Điều tiết hệ thống

Nói chung, trong hệ thống của Pháp quyền quyết định về tổ chức, về tài chính, về dự trù, v.v... tập trung khá nhiều trong tay chính phủ. Khoản một nỗi quyền này lại bị phân tán giữa các bộ tài chính, bảo hiểm xã hội, y tế, giáo dục, công nghiệp, nghiên cứu khoa học và kỹ thuật... cho nên việc điều tiết hệ y tế không mấy khi thực hiện được thật sát và phối hợp được nhịp nhàng.

Thời gian ngồi ghế bộ trưởng tại Pháp trung bình chỉ có 18 tháng. Vị nào cũng ưu tiên giải pháp ngắn hạn cho thấy kết quả hiển hiện trong thời gian mình cầm quyền, cố tình tránh né để cho người kế thừa phải chịu trách nhiệm những biện pháp cần thiết nhưng không được lòng dân. Chiến lược dài hơi cũng vì đó mà trở thành thứ yếu, không được chú ý đúng mức.

**L**àm chủ được mức giá tăng chi phí sức khoẻ là một vấn đề gay go của các nước công nghiệp phát triển. Nhà nước Pháp dùng nhiều biện pháp khống chế.

Từ 1983, đã thành lập chính sách ngân sách toàn bộ cho bệnh viện, nhằm kiểm soát hữu hiệu cả lượng lẫn giá cả dịch vụ đối với bệnh nhân nội trú và ngoại trú các bệnh viện công. Ngoài ra còn có thương thảo với các tổ chức đại diện giới thầy thuốc để giữ cho giá thù lao không quá cao, tuy nhiên không chủ trương kiểm soát lượng thân chủ của bác sĩ.

Nhờ những biện pháp đó trong một thập kỷ giá thật dịch vụ sức khoẻ trung bình giảm 1% mỗi năm : lấy giá dịch vụ sức khoẻ năm 1980 làm chỉ số 100 thì năm 1991 xuống còn 89,3. Sự việc chưa từng thấy ở nước công nghiệp phát triển.

Dù vậy, chưa đủ bù vào mức tăng nhanh cả về lượng lẫn cường độ, nhất là chăm sóc sức khoẻ ngoại trú ngoài bệnh viện, cho nên không chặn nổi giá tăng chi phí về sức khoẻ.

Nhin trong một thời gian khá dài, tốc độ gia tăng cũng trung bình. Bằng 8,5% GDP năm 1985 lên 9,1% năm 1991 ; chậm hơn ở Hoa Kỳ, cũng trong thời gian ấy tăng từ 10,5% lên 13,2% GDP, nhưng cao hơn đa số các nước châu Âu. Tuy nhiên xét vào chi tiết thì lên xuống như răng cưa. Mỗi lần tăng mạnh lại phải có một chương trình mang tên một vị bộ trưởng chấn lại, hạ thấp xuống. Từ 1971 đến 1991 trung bình cứ hai năm lại có một chương trình. Mà lần nào cũng chỉ hữu hiệu trong ít tháng. Các chương trình đó dùng phương thức kiểm soát khác nhau, nhưng cách nào – giảm mức cầu, chủ yếu tăng phiếu điều hoà do túi tiền người bệnh bỏ ra hay kèm giá dịch vụ để bớt mức chi – cũng hiệu nghiệm cả, và cách nào cũng chỉ có tác dụng nhất thời mà thôi.

**C**ửa hàng dược phẩm trong bệnh viện công và của tư nhân độc quyền phân phối thuốc men. Ở Pháp, khác với Hoa Kỳ, thuốc không được quyền đem ra bán ở siêu thị, dù là loại thuốc như aspirine. Tại Pháp có 23 000 cửa hàng dược phẩm tư nhân, trung bình 1/2 500 dân.

Giá thuốc được hoàn lại tiền mua – chiếm 89% các loại được phẩm trên thị trường – do thương thảo giữa các công ty sản xuất dược phẩm và các bộ liên hệ quyết định. Phần còn lại (11%) đa số là các loại vitamin, công ty sản xuất được quyền tự do ra giá. Các bệnh viện lại thương thảo với các

công ty sản xuất dược phẩm để được giá hời hơn.

Thuốc men được hoàn tiền lại nhiều hay ít tuỳ theo loại. Những thuốc cần thiết để trị bệnh chết người như ung thư được hoàn tiền 100%. Có khoảng 1,5% dược phẩm được xếp vào hạng này. Những thuốc – như trụ sinh – dùng để trị những trạng thái hiểm nghèo nhưng không đến nỗi tử vong được hoàn lại 70%. 75% dược phẩm thuộc loại này. Còn những dược liệu cho những “trạng thái không nguy hiểm lắm cho sức khoẻ” như aspirine được hoàn lại 40%. 24% dược phẩm xếp vào loại này.

Dược phẩm chiếm 18% chi phí về sức khoẻ tại Pháp. Ở Hoa Kỳ khoản tiêu thụ thuốc men chỉ là 8%. Mức tiêu thụ ở Pháp cao hơn có lẽ vì hội tụ nhiều yếu tố : giá thuốc tương đối rẻ hơn, hầu hết dược phẩm được bảo hiểm nhàn nhã và tỷ số tiền thuốc bệnh nhân được hoàn lại cao hơn ở Hoa Kỳ.

Thương thảo giữa bên tiêu thụ và bên sản xuất, trong qui định của luật pháp và dưới quyền trọng tài và kiểm soát của nhà nước, là những nguyên tắc điều hoà mức tiêu thụ và chi phí sức khoẻ của Pháp.

### Vài điểm đáng học hỏi

**1** Một hệ thống y tế không ngừng phát triển để thích nghi với tình hình kinh tế, xã hội suốt nửa thế kỷ nay mà vẫn bền vững và được đa số nhân dân quyến luyến hẳn có những ưu điểm. Đó là tính cách thống nhất và trong suốt của các nguyên tắc tổ chức và điều hành. Đó là tác dụng bảo vệ hữu hiệu sức khoẻ cho toàn thể nhân dân, che chở một cách bình đẳng hầu hết mọi người kể cả người ngoại quốc sinh sống trên đất Pháp. Lại không quá tốn kém như hệ của Hoa Kỳ.

Một đặc tính khác là kết hợp hài hoà hai khu vực công và tư. Mạng lưới phòng mạch tư đi sát với người dân và thực hiện một phần không nhỏ công cuộc ngừa bệnh như tiêm chủng cho trẻ em, như giáo dục kiến thức về cách ăn uống, lối sống để tránh những bệnh xã hội : sơ vữa động mạch, nhồi máu cơ tim, v.v..., bảo vệ sức khoẻ cho mỗi người. Có một sự cạnh tranh lành mạnh giữa bệnh viện công và tư : bệnh viện tư phải cố gắng trang thiết bị hiện đại cho theo kịp mức tiến triển của bệnh viện công, bệnh viện công phải tổ chức lại cho giá hạ, cho cách tiếp đãi được niềm nở, hướng tới lý tưởng nằm bệnh viện cảm thấy thoải mái như ở khách sạn.

**2** Căn bản vững chãi dựa trên các nguyên tắc nhất quán và bất biến đã trình bày ở trên giúp cho hệ thống thích nghi được với các biến đổi kinh tế, xã hội mà vẫn bền vững.

Các nguyên tắc đó được hết thế hệ này đến thế hệ khác tuân theo – vì được chấp nhận qua thảo luận rộng rãi và dân chủ đã dành – chính vì chúng phù hợp với truyền thống văn hoá Pháp. Một truyền thống nhiều thế kỷ tập trung quyền trong tay chính phủ trung ương. Và một truyền thống đoàn kết, tương trợ giữa người dân trong nước, giữa người cùng ngành nghề với nhau.

Lá lành dùm lá rách, thế hệ sau liên đới cho thế hệ đi trước được an hưởng tuổi già là chuyện người Pháp chấp nhận. Truyền thống Hoa Kỳ có khác. Tôi đóng tiền thì tôi hưởng, chưa chắc gì người dân Hoa Kỳ khứng chịu cho dem một phần tiền mình đóng góp làm hưu bổng cho thế hệ cha chú. Theo tâm lý đóng nhiều được hưởng nhiều, đóng ít phải hưởng ít, đã chắc gì người dân Hoa Kỳ chấp nhận đóng bảo hiểm theo tỷ số lương bổng – thực tế có nghĩa là người lương

cao đóng nhiều hơn người lương thấp – mà, trên nguyên tắc, dịch vụ lại bình đẳng cho mọi người ?

Nguyên tắc rõ ràng, trong suốt và nhất quán là căn bản cho một hệ thống vững chãi. Nhưng không thể áp đặt. Nguyên tắc hệ y tế Pháp được tôn trọng qua nhiều thế hệ chính là vì được sự đồng thuận của đa số nhân dân, giới chủ nhân cũng như giới lao động, và các tầng lớp dân chúng.

**3** Tương thân tương trợ, lá lành dùm lá rách cũng là một giá trị truyền thống của ta ; nguyên tắc đoàn kết đáng được ghi nhận cho hệ thống y tế của Việt Nam ta.

Xây dựng được một căn bản vững chắc cho cả hệ thống, dựa trên sự đồng thuận của các tầng lớp nhân dân là một bước tiến quan trọng. Tuy nhiên áp dụng nguyên tắc trong cơn biến chuyển kinh tế và xã hội không đơn giản chút nào. Xin nêu một ví dụ : đoàn kết giữa các thế hệ, nguyên tắc rất đẹp. Tỷ số sinh đẻ dân Pháp tương đối thấp, thế hệ đến tuổi nghỉ hưu đông, trong khi thế hệ trong tuổi lao động tương đối quá ít. Đóng góp bảo hiểm dĩ nhiên sút, không đáp ứng được nhu cầu chính đáng của thế hệ về dưỡng già. Làm sao giải quyết, nếu không nhận diện vấn đề từ xa, trừ liệu hàng mươi năm trước giải pháp êm thắm và thích đáng. Chiến lược dài hạn – dữ liệu đầy đủ, đáng tin cậy để xây dựng chiến lược thích nghi – cần thiết biết là nhuường nào !

Cấu trúc dân số ta khác hẳn Pháp, các vấn đề đặt ra cho ta khác. Nhưng không thể dựa vào phỏng đoán mơ hồ để lập chiến lược. Mà những cơ quan quan sát – chính xác và sát với thực tại – các chuyển biến xã hội để dự trù cho tương lai, ở nước ta còn kém cả về chất lẫn về lượng.

**4** Chế độ bảo hiểm xã hội của Pháp điều hành như một bộ máy tốt. Được vậy là nhờ một số điều kiện.

Trước hết, Pháp ngày nay là một nước phát triển. Lương công nhân viên cao ; sức đóng góp bảo hiểm đáng kể. Vào thế kỷ 19, khi thu nhập công nhân Pháp còn thấp, bảo hiểm xã hội đã vấp phải những thất bại đau thương. Vì đóng góp không là bao. Bổ tiền vào quỹ là bóp mồm bóp miệng bớt phần ăn phần mặc cho sống còn. Thế mà khi đau ốm, thực sự cần đến bảo hiểm thì quỹ quá nhỏ, không sức chịu đựng. Phúc lợi chưa thấy, chỉ lỗ lõi, phá sản và thất vọng.

Chế độ bảo hiểm xã hội có nhà nước Pháp đứng sau. Thiếu hụt – 1993, 57 tỷ, 1994, dự trù 43 tỷ phrăng – nhà nước đem uy thế, thể chế, phương tiện của cả nước ra tìm giải pháp. Một đảm bảo mà bảo hiểm tư nhân không thể nào sánh nổi. Kinh nghiệm đau thương của công nhân viên làm cho Maxwell còn sờ sờ ra đó, bao năm đóng bảo hiểm vào quỹ công ty của nhà tỷ phú trùm tư bản báo chí này, hôm trước hôm sau mất bảo hiểm trắng tay, khi công ty bị phá sản.

Mỗi nét của một hệ thống chỉ rõ nghĩa khi đặt nó vào khung cảnh và điều kiện vận hành thực tại của nó. Không thể thấy hay rồi sao chép nguyên si đem áp dụng vào các điều kiện kinh tế, xã hội khác hẳn. Như của nước ta chẳng hạn.

bùi mộng hùng (5.1994)

Đón xem phần sau :

### Hệ thống y tế và phát triển

III : Việt Nam, giá phải trả cho một hệ mất chủ  
hướng

THUÝ KHUÊ

phỏng vấn ĐẶNG TIẾN

# Văn học Hải ngoại

Hỏi : Xin anh cho biết ý của anh về bài báo của anh Nguyễn Huệ Chi tựa đề “ Vài cảm nhận Văn học Việt Nam Hải ngoại ” đăng trên Tạp chí Văn Học số 2-1994 vừa qua.

— “ Vài cảm nhận : Văn học Việt Nam hải ngoại ” của Nguyễn Huệ Chi chỉ là một bài báo, trên Tạp chí Văn Học, một cơ quan nghiên cứu ít người đọc. Tự thân bài báo không quan trọng. Nhưng đây là cơ hội để nói lên tình trạng văn học hải ngoại, việc giao lưu văn hoá, vai trò nhà văn Việt Nam ở nước ngoài.

Bài biên khảo nghiêm túc, mang lại nhiều thông tin chính xác cho người trong nước và nêu lên được nhiều vấn đề chính đáng, đưa ra cái nhìn mới và đúng đắn về văn chương hải ngoại. Nhưng muốn đánh giá đúng mức nó thì phải đặt nó vào việc làm của Nguyễn Huệ Chi từ nhiều năm nay và đặt vào hoàn cảnh Việt Nam hiện nay.

Hỏi : Anh vừa nói đến chữ “ mới ” ? Chữ mới của anh nên hiểu như thế nào ?

— Ngay cái tựa đề đã mới. Trong nước, cho tới nay, dùng từ ngữ chính thức là *thơ văn người Việt Nam ở nước ngoài* hay *văn học người Việt ở nước ngoài* ; mới nghe qua thì đồng nghĩa, nhưng âm vang khác với *văn học Việt Nam hải ngoại*. Chữ *hải ngoại* là chữ của chúng ta dùng ở nước ngoài để tự phong cho mình. Tôi là một trong những người đầu tiên sử dụng nó sau 1975, khi người khác còn nói đến *văn học lưu vong*. Mãi đến 1985, nhà xuất bản Sông Thu ở Mỹ mới xuất bản cuốn *Truyện ngắn Hải ngoại* và gần đây, nhà xuất bản Tân Thư ở Mỹ muốn hợp tác với nhà xuất bản Văn Học trong nước cùng xuất bản *Tuyển tập Văn chương Hải ngoại* nhưng không được giấy phép. Nay Nguyễn Huệ Chi dùng chữ *văn học Việt Nam hải ngoại* là bước thêm bước nữa. Anh Huệ Chi là tay sành ngôn ngữ, giỏi chữ Hán ; cách dùng từ của anh để đặt trên đề cho thấy tâm hồn cởi mở, tiến bộ và ưu ái với người Việt nước ngoài. Nguyễn Huệ Chi đã từng viết nhiều bài dài để khoanh vùng hai chữ *văn học* như *văn học thời Lý Trần*, *văn học Hà Bắc*. Nay anh dùng lại từ *văn học hải ngoại* là có cơ sở và tôi hoan nghênh.

Hỏi : Vậy có thể nói rằng Nguyễn Huệ Chi đã đi ra ngoài đường lối của chính quyền không ?

— Tôi mong như thế, hy vọng là thế. Mà không chắc. Tôi chỉ sợ rằng Nguyễn Huệ Chi cũng như các bạn trong Viện Văn Học đang chuẩn bị một số *Tạp chí Văn học chuyên đề* về văn chương lý luận của người Việt nước ngoài, sẽ rơi vào kế

hoạch kiều vận của chính quyền nhà nước Việt Nam đang ve vãn Việt kiều, muốn cộng đồng người Việt nước ngoài hành xử như cộng đồng Hoa Kiều, gửi tiền, gửi chuyên viên về nước để phát triển kinh tế. Bù lại, chính quyền in ấn một số tác phẩm vớ vẩn gì đấy, thuộc loại vô thưởng vô phạt, để ve vuốt Việt kiều, cho họ cái ảo giác là họ vừa có túi tiền, vừa có túi thơ, đã có mĩ kim lại có mĩ thuật.

Hỏi : Anh có ác ý không khi dùng chữ như vậy ?

— Ác khẩu chứ không ác ý. Tôi vừa mới đọc cuốn *Kỷ yếu Hội nghị Việt kiều tháng 2.1993*, 250 trang khổ lớn, được biết :

\* Tiền và quà Việt kiều gửi về cho gia đình năm 1991 ước lượng từ 500 triệu đến 700 triệu đô la, khi hàng xuất khẩu Thành phố Hồ Chí Minh năm 1992 chỉ ngoài 500 triệu đô la.

\* Ấn Độ đã giải quyết khó khăn tài chính cách đây 3 năm nhờ tiền Ấn kiều từ nước ngoài gửi về.

\* Thủ tướng Trung Quốc Lý Bằng chính thức kêu gọi các nhà khoa học Hoa kiều hồi hương bất luận chính kiến v.v...

Báo *Nouvel Observateur* số gần đây (7-13 avril 1994) cho biết 80 % tiền đầu tư ngoại quốc vào lục địa Trung Hoa là tiền của Hoa kiều.

Hội nghị Việt kiều năm rồi chủ yếu là nói chuyện kinh tế, quyền mua nhà, mua đất v.v...

Hỏi : Thế họ không nói gì đến văn học, giao lưu văn hoá à ?

— Không. À, có chú : ông Nguyễn Ngọc Trân, Trưởng ban Việt kiều Trung ương, trong bài diễn văn khai mạc dài 7 000 chữ, có dành một câu 14 chữ cho văn hoá. 14 chữ ấy là : *giới thiệu các tác phẩm có giá trị của kiều bào với trong nước* (tr.29). Tôi muốn hỏi lại anh Trân : *có giá trị là giá trị gì* ? văn chương, nghệ thuật hay tâm lý Việt kiều, hay tuyên truyền chính trị ? và ai thẩm định cái giá trị đó ? *Giới thiệu với trong nước là giới thiệu với ai* ? Với quần chúng hay với cấp trên ? Báo *Quê Hương* thuộc Ban Việt kiều Trung ương của anh Trân đã từng trích đăng lại bài tôi mà không xin phép, không đề xuất xứ, không gửi báo biếu, vậy bài ấy có giá trị gì không ? Nếu nhà xuất bản nào đó muốn in thành sách thì có được phép không ? Và nói chung, các nhà thơ Việt Nam ở nước ngoài, muốn in tác phẩm của mình trong nước, trong điều kiện pháp định, liệu có được không ?

Anh Trân có tuyên bố “ *tạo điều kiện thuận lợi cho kiều bào về thăm và làm việc với trong nước* ”. Vậy hỏi anh : nhạc sĩ Phạm Duy, 73 tuổi, muốn về thăm Việt Nam, để thắp hương trên mộ phần ông cụ thân sinh là nhà văn tiền phong Phạm Duy Tốn và thăm các bạn cố tri gần đất xa trời là các nhạc sĩ Lê Thương, Văn Cao, vậy có được không ? Hoặc Phạm Duy muốn về luôn, để hưởng những năm cuối đời trên quê hương, có được không ? Sở dĩ tôi hỏi anh Trân vì thời trẻ anh đã hát nhạc Phạm Duy.

Tôi cũng xin hỏi điều ấy với ông Trần Hoàn, nhạc sĩ, bộ trưởng, trung ương uỷ viên.

Hỏi : Lúc nãy nghe anh cười, tại sao ?

— Cười cái hội nghị. Người duy nhất nói đến dân chủ là Thủ tướng Võ Văn Kiệt ; ông dùng 5 lần chữ dân chủ trong bài

diễn văn 5 000 chữ, và ông có nhắc đến văn học nghệ thuật. Còn 54 đại biểu đọc tham luận được in ra, thời không một người nào nói động đến hai chữ dân chủ. Nghĩa là Thùa tướng đưa cái bánh dân chủ ra mồi, mà quý vị không ai dám ăn, chỉ nhìn thôi, là đủ no đủ sướng. Dĩ nhiên là không ai nói chuyện văn học nghệ thuật.

Vì vậy mà tôi cười, và càng đánh giá cao chàng Nghệ Tĩnh quê mùa là bạn Nguyễn Huệ Chi.

**Hỏi : Anh đánh giá cao bài viết của anh Chi. Cao như thế nào ? và tại sao cao ? Xin anh những nhận xét cụ thể.**

— Bài Nguyễn Huệ Chi gồm ba phần : nhắc lại tình trạng văn thơ hải ngoại, rồi giải thích những biến chuyển, và cuối cùng phác thảo những đề nghị. Sườn bài biện chứng và nội dung xây dựng.

Dĩ nhiên là có thiếu sót. Nguyễn Huệ Chi nắm được cái gì thì đọc cái ấy và nói về cái ấy. Anh có làm chủ được tư liệu đâu ? Nhưng bản thân có thiện tâm, lại nghiêm trang và nghiêm túc, có trình độ thường ngoạn nên anh không dùng lại cái nhảm nhí ; mà văn học hải ngoại thì thiếu gì cái nhảm nhí ? Về những tác phẩm mà anh biết, anh viết đúng, dù rằng anh phải đọc nhanh. Người chuyên về cổ văn như anh mà chịu khó đọc nhanh, và chịu viết về cái mình đã đọc nhanh là một thiện chí, nếu không phải là hy sinh. Cùng nghe với nhau tôi biết điều đó.

Phần trình bày có những thiếu sót nhất định. Nhà văn Trần Vũ cho rằng thiếu phẫn hối ký, điều đó không đúng đâu. Hải ngoại chỉ có một hối ký văn học quan trọng là ba tập của Phạm Duy, Nguyễn Huệ Chi có nhắc. Những hối ký chính trị và vẫn không thuộc về văn học — tuy rằng bán chạy.

Chỗ yếu của bài báo là Huệ Chi không thấy được quá trình phát triển của văn học hải ngoại qua ba giai đoạn :

**Giai đoạn 1** : đại bộ phận các văn nghệ sĩ Sài Gòn di tản ồ ạt từ tháng 4-75. Lúc đó họ chưa biết đời sống sẽ ra sao và cần tạo ra tiếng nói để giữ gìn văn hoá cộng đồng bằng tiếng mẹ đẻ. Đó là thời Võ Phiến viết *Thư gửi bạn*, Lê Tất Điều làm thơ ký tên Cao Tần, cả hai hợp tác làm báo *Văn học Nghệ thuật*.

**Giai đoạn 2** : là thời thuyền nhân vượt biển trước sau 1980, thời của Nguyễn Mộng Giác, Nhật Tiến, Mai Thảo. Lúc này, cộng đồng người Việt tại Mỹ đã an cư, đời sống vật chất và tinh thần đã ổn định, các nhà văn nhà thơ đã chí thú làm văn chương. Nguyễn Mộng Giác viết liên tiếp 5 tập *Mùa biển động*, Nhật Tiến viết các tập truyện ngắn *Tiếng kèn*, *Cánh cửa*. Các tác phẩm này đều có giá trị nghệ thuật, nhân đạo, dân tộc và hoà giải hoà hợp, nhất là ở Nhật Tiến là người có lương tâm sâu và ý thức cao. Nhưng sau đó là các anh ấy bị chụp mũ thân Cộng, Nhật Tiến viết ít hơn, Nguyễn Mộng Giác dè dặt và dần dần chuyển hướng, thu mình vào văn thơ di tản.

Nền văn học này dần dần phát triển, đổi dào, sắc cạnh và đạt tới đỉnh cao khoảng 1985-87, sau đó thì tà tà.

**Giai đoạn 3** : Từ 1987 có thêm những người viết mới, trẻ tuổi hơn, hoặc vượt biển ra nước ngoài, hoặc đi chính thức, hoặc đi du học từ trước 1975 rồi lập nghiệp tại Âu Mỹ : đó là

những Trần Vũ, Đỗ Kh. và các cô Nguyễn Thị Hoàng Bé, Phan Thị Trọng Tuyến, Vũ Quỳnh N. H., Trần Sa và nhà làm phim Trần Anh Hùng, tác giả phim *Mùi du dương*.

Họ là những ngòi bút tươi tắn, tài hoa, mạnh bạo, ít bị vướng mắc vào dĩ vãng về hai mặt chính trị và văn học.

Về chính trị họ không căm thù, ít cảm thấy mất mát, không cho rằng mất nước mất sự nghiệp, mất tài sản hay chức vụ, danh vọng, quyền lợi. Họ cũng không trải qua các trại học tập, các lao tù. Về văn học, họ không nợ nần với dĩ vãng, họ viết văn tuỳ thích, họ viết cho những độc giả mới, có được độc giả trong nước càng tốt, càng vui ; họ không hệ luỵ với cái văn chương Sài Gòn cũ. Những *Chân trời tím*, *Đêm màu hồng*, *Lê đá xanh*, *Động hoa vàng*, *Vành đai trắng* đã phai màu nhạt sắc. Tên của những tờ báo *Sáng Tạo*, *Bách Khoa*, *Văn khong khơi dậy* một vết thương nào. Trong khi văn chương Bolsa là con đường Lê Văn Duyệt nối dài, thì họ muốn mở ra những con đường mới, xuyên lục địa, xuyên đại dương đến với những độc giả mới. Trong tinh thần đó, họ lại được cái may mắn đón nhận văn chương trong nước, rất hay rất mới của Nguyễn Huy Thiệp, Bảo Ninh, Lê Lựu, Dương Thu Hương, Phạm Thị Hoài. Là những người đồng lứa, họ chóng trở thành bạn đồng âm, đồng tâm. Từ đó họ phá tung những thành kiến chính trị và chủ trương giao lưu văn hoá, hoà hợp văn nghệ. Công việc Hợp Lưu, giao lưu là bắt đầu từ đó, chứ không phải từ sự “ *thức tỉnh* ” nào đó, như Huệ Chi đã nói trong phần 2. Có ai ngủ bao giờ đâu mà thức tỉnh.

Ngoài ra, phần thiếu sót trong bài Nguyễn Huệ Chi là phần thơ ; anh có nhắc tác giả mà không được đọc tác phẩm, như *Thơ Cao Tần*, *Thơ Thanh Nam* day dứt nỗi buồn xa xứ, *Thơ Mai Thảo* u ám tuổi già xế bóng, hay mới mẻ hơn là thơ Ngu Yên, Thường Quán, Trần Sa, Đỗ Kh. ... Nguyễn Huệ Chi cũng không đề cập đến những biên khảo về thơ của Nguyễn Hưng Quốc, Đỗ Quý Toàn, về văn học miền Nam của Võ Phiến. Nguyễn Huệ Chi làm công việc khó khăn : vừa trình bày vừa tổng luận, vừa mở đường ở phần ba :

Anh hô hào “ *hoà hợp giao lưu giữa những người Việt trong nước với trong nước và người Việt trong nước với nước ngoài* ”. Đọc lại từng chữ, chúng ta nhận là anh thực tế và sâu sắc. Chính trong nội địa Việt Nam đã cần giao lưu rồi, nói chi đến chuyện ngoài nước. Việc hoà hợp và giao lưu ấy, bản thân tôi đã chủ trương và thực thi từ hai mươi năm nay, nay nghe các ông Đỗ Mười và Võ Văn Kiệt nói, thì tôi vẫn chưa tin, nhưng nghe Nguyễn Huệ Chi nói, thì tôi tin tưởng và phấn khởi lắm lắm.

Nhưng Huệ Chi kết luận yếu. Việc gì mà anh phải viện dẫn lời Khổng Tử “ *quân tử hoà nhì bất đồng* ”.

Đã nói chuyện hoà hợp, giao lưu thì cần gì quân tử với không quân tử. Có chiến bao giờ đâu mà phải hoà. Và cần gì phải đồng. Bất đồng thì mới có văn chương, chứ đồng thì thành chính sách, giáo điều.

Ở trên, tôi nói tôi tin Nguyễn Huệ Chi vì tình đời vẫn thế. Ngày nay người ta đọc Nguyễn Du, Nguyễn Công Trứ, chứ ai đọc thánh chiếu của Gia Long, Minh Mệnh. Vì Nguyễn Huệ Chi là nhà văn, mà nhà văn chỉ có tiếng nói. Giá trị của con người nhà văn là giá trị tiếng nói, lời nói, cách nói. Còn giá trị của người làm chính trị là việc làm. Tôi chờ đợi và

đánh giá các ông Đỗ Mười và Võ Văn Kiệt qua việc các ông ấy làm trong công cuộc hoà hợp giữa người Việt trong và ngoài nước, qua việc giao lưu văn hoá thật sự, giao lưu hai chiều và tự do.

**Hỏi : Chính anh cũng có bài được báo chí trong nước trích đăng, vậy đối với anh chưa đủ giao lưu sao ?**

— Như vậy chưa đủ. Không những chưa đủ mà còn xuyên tạc, vì văn học hải ngoại không phải chỉ có vậy. Một phần của ổ bánh mì là bánh mì, một phần sự thật không phải là sự thật. Xuất bản một cuốn sách của một Việt kiều, ví dụ như cuốn *Nguyễn Ái Quốc ở Paris* (năm 1991) thì không thể nói là giao lưu văn hoá. Nhắc lại ví dụ cũ : nhà xuất bản Văn Học ở Thành phố Hồ Chí Minh của Hoàng Lại Giang muốn hợp tác với nhà xuất bản Tân Thư của Khánh Trường tại Mỹ in cuốn *Tuyển tập văn chương hải ngoại* thì không được, phải trả vốn lại cho Khánh Trường. Nhưng một vài nhà xuất bản khác, hoặc có lệnh của nhà nước, hoặc giỏi chạy chọt, giỏi vận động, thì in được cuốn *Khi tan nắng* (1993). Nói khác đi, nhà nước chỉ cho xuất bản nhỏ giọt, những giọt thật nhỏ, một vài truyện ngắn khi hoàn toàn kiểm soát nội dung và làm chủ việc in ấn. Như vậy là không có tự do, không có giao lưu. Nhà văn Nguyễn Minh Châu đã tố giác nền văn chương minh họa trong nước. Đối với ngoài nước, chính quyền muốn có một nền văn chương bùa ảnh, một thứ *littérature carte postale* để trang trí cho việc thu nhập ngoại tệ, hàng hoá và kỹ thuật, theo chủ trương “*cho giấy lấy đồ*”. Không phải giao lưu.

Muốn giao lưu, tôi phải là tôi. Anh phải chấp nhận cái tôi của tôi, cái hải ngoại của con người hải ngoại. Đằng này nhà nước chỉ yêu cầu một loại văn chương hải ngoại “nhớ nước đau lòng con cuốc cuốc”; đề cập đến đời sống quốc nội thì phải “đẹp vô cùng tổ quốc ta ơi”. Đại khái như thế. Anh không có quyền phê phán chế độ, không nên đòi hỏi tự do, dân chủ, nhất là đa nguyên. Đa quan thì được, đa nguyên thì đừng. Anh không nên cổ động cho Hoàng Minh Chính, Nguyễn Hộ, Bùi Tín. Được vậy, bài văn của anh có thể in lại trong nước, anh được phép về nước dễ dàng, được mời toạ đàm đây đó, uống trà ăn mứt hạt sen và chụp hình với lãnh đạo.

Chúng tôi không quan niệm một văn chương hải ngoại như thế. Đã là văn chương hải ngoại thì phải gắn bó với đất nước, với dân tộc, với sinh mệnh của tổ quốc, phải nói lên tiếng nói thiết thân của người dân, phải nói lên những điều mà nhà văn trong nước không nói lên được, tuy rằng vẫn biết và vẫn nghĩ như thế. Cụ thể là chúng tôi phải nói lên tiếng nói của tự do dân chủ, nói lên tư cách của trí thức, nhiệm vụ cao quý của nhà văn. Người viết văn hải ngoại được hai lần tự do. Tự do chính trị vì mình muốn viết gì thì viết, không ai kiểm duyệt và kiểm thảo. Tự do kinh tế vì viết văn không phải vì cơm áo, hay địa vị. Trên hai cơ may đó, chúng tôi phải nói tiếng nói trung thực của lương tri và lương tâm, vì quyền lợi gần và xa của dân tộc trong một cộng đồng nhân loại đang mở lòng mở cửa. Những tiếng nói a dua, nịnh bợ không phải là tiếng nói của chúng tôi.

Ngược lại, ở nước ngoài, chúng tôi cũng không a tòng với những người chống cộng rẻ tiền. Anh có quyền chống cộng, vì

anh có quyền chống độc tài, thậm chí anh phải có nhiệm vụ chống cường quyền và bạo lực. Độc tài gì thì cũng là độc tài. Nhưng không nên mượn danh nghĩa chống cộng mà đốt xe, phá nhà, đâm chém, bắn giết người ta, và nhất là không nên mượn cái áo rắn rỉ chống cộng mà chống lại quyền lợi của đất nước, ví dụ tẩy chay hàng hoá Việt Nam, hô hào Mỹ giữ vững cấm vận, không bang giao, hoặc chống phá những cố gắng giao lưu văn hoá, đốt xe sách báo in trong nước, ngăn chặn các phòng triển lãm hội họa. Làm như thế, các anh tự loại mình ra khỏi cộng đồng dân tộc và nhân loại văn minh.

**Hỏi : Trở lại với việc giao lưu văn hoá và văn chương hải ngoại, anh có yêu cầu gì cụ thể ?**

— Yêu cầu tổng bí thư Đỗ Mười và thủ tướng Võ Văn Kiệt một điều thôi : *làm những gì mình nói*. Một câu năm chữ : *Làm những gì mình nói*, năm chữ thôi. Đại khái các ông đã nói là “*đoàn kết, hoà hợp trong và ngoài nước, xoá bỏ mặc cảm, hận thù*”.

Thay vì nói đến văn chương của người Việt nước ngoài như hiện nay, chính thức sử dụng cụm từ *văn học Việt Nam hải ngoại* như Nguyễn Huệ Chi đã làm. Vì đây là một bộ phận của văn học dân tộc, nó mang nội dung và khát vọng Việt Nam. Nó nằm trong yêu cầu “*đoàn kết và hoà hợp*” mà chính phủ đã nêu ra từ hai năm nay.

**THUY KHUÊ** thực hiện

(Bài phỏng vấn đã được phát trên đài RFI ngày 8.5.1994, sau đó đã được tác giả đọc và sửa lại)

**Viết thêm :**

Sau bài phỏng vấn, chúng tôi mới được đọc bài *Hoan nghênh các bạn văn nghệ sĩ Việt Nam ở nước ngoài về thăm quê hương* của nhà thơ Huy Cận, trên báo *Công an Thành phố Hồ Chí Minh* ngày 28.4.1994 (tr. 26-27) — ký Huy Cận chứ không phải Cù Huy Cận.

Những lời hay ý đẹp của anh, chúng tôi rất hoan nghênh, cho dù rằng nó rơi vào một phong trào kiểu vận động lớn, có thể ngẫu nhiên. Hai dòng văn học Việt Nam trong nước và ngoài nước đã gặp nhau trong tình yêu nước, đúng như lời Huy Cận; nhưng còn gặp nhau ở khát vọng dân chủ và đòi hỏi tự do. Chúng tôi mong, một ngày nào đó trong tương lai, có dịp chia sẻ những nguyện ước ấy với tác giả *Lửa thiêng*.

ĐẶNG TIẾN  
19.5.1994

*nói hay đừng*

### Sao vàng

Trong một bài xã luận giữa tháng 5, báo *Người lao động* xuất bản tại thành phố Hồ Chí Minh đề nghị phải xếp người nước ngoài vào những biệt khu (ghetto) để bảo vệ an ninh, để phòng diễn biến hoà bình.

Không hiểu Việt kiều có được đưa vào những ghetto то ghét nhau đó không. Có điều, ban ngày, họ đi lại trong thành phố, thì nhiều khi cũng khó nhận dạng, nếu không có dấu hiệu phân biệt. Xưa kia, có nơi người ta cho dân Do Thái deo ngôi sao David. Hay là ông nhà báo kia nên kiến nghị nhà nước ta xét tới việc cho Việt kiều deo sao vàng năm cánh?

TÚ CUA

## Đọc Nửa đời nhìn lại,

của Tiêu Dao Bảo Cự

Trang đầu cuốn sách, tác giả ghi thể loại tác phẩm : truyện. Nhưng đây không phải là tiểu thuyết. Tự truyện có lẽ đúng hơn. *Nửa đời nhìn lại*. Tự truyện với ít nhiều chi tiết hư cấu, một số tên người và địa danh được thay đổi, tuy tác giả không hẳn là nhân vật trung tâm của tác phẩm ! Nhân vật trung tâm là một luận đề : *sự tha hoá con người*. Đúng hơn, như Hà Sĩ Phu viết trong lời bạt, một sự tha hoá “ *đặc biệt ở chỗ nó diễn ra ở một xã hội theo chủ nghĩa cộng sản là chủ nghĩa nhân danh chống tha hoá, nhân danh sự giải phóng và tôn vinh con người* ”. Sát hơn nữa, một sự tha hoá trong đó tác giả là một nạn nhân trực tiếp, được kể lại trong khung cảnh thực của nó, với những sự việc xảy ra chung quanh hoặc liên quan tới anh, cả trong cuộc sống riêng và cuộc sống xã hội, với cao điểm là một sự kiện chính trị - văn học nhiều người còn nhớ : cuộc đàn áp văn nghệ sĩ chỉ hơn một năm sau chính sách “ cởi trói văn nghệ ” của đảng cộng sản Việt Nam.

Tác giả tên thật là Bảo Cự, tham gia phong trào đấu tranh chống Mỹ của thanh niên, sinh viên học sinh miền nam từ năm 1963 tại Huế, quê hương anh. Gia nhập đảng cộng sản năm 1974 khi còn hoạt động nội thành trong chiến tranh (tại Đà Lạt ?), anh là ủy viên thường vụ trực của Hội Văn nghệ tỉnh Lâm Đồng khi hội này được thành lập năm 1987 với phong trào “ cởi trói ”, kiêm phó Tổng biên tập tạp chí Lang Bian của hội (Tổng biên tập là nhà thơ Bùi Minh Quốc). Tạp chí Lang Bian ra được 3 số thì bị đình bản. Bảo Cự cùng với Bùi Minh Quốc và nhà thơ Hữu Loan hình thành một đoàn Lang Bian thực hiện một chuyến đi từ nam ra bắc vận động các văn nghệ sĩ ủng hộ một kiến nghị đòi tự do báo chí và xuất bản, yêu cầu thực hiện dân chủ và đổi mới và đòi cách chức một số quan văn nghệ. Sau chuyến đi (đạt tiếng vang lớn trong toàn quốc), Bùi Minh Quốc và Tiêu Dao Bảo Cự bị lãnh đạo tỉnh Lâm Đồng “ kiểm điểm ” và khai trừ khỏi đảng.

Hai phần cuối của cuốn sách kể lại cuộc đấu tranh của văn nghệ sĩ Đà Lạt đòi thành lập hội văn nghệ và ra báo Lang Bian năm 1977, và cuộc đấu tranh với tỉnh ủy Lâm Đồng sau chuyến đi của đoàn Lang Bian. Trong phần đầu, lui về hơn 10 năm trước, qua một số cảnh đời ở một huyện nơi Hoài, nhân vật chính công tác sau ngày giải phóng, đổi trả và phản bội đã rất sớm hiện ra qua những thủ đoạn tranh giành và bảo vệ quyền lực (một quyền lực “ cách mạng ” gắn với những quyền lợi rất riêng tư). Những câu hỏi nhức nhối theo cái hiện thực phũ phàng ấy lan vào cuộc sống riêng tư của anh...

*Nửa đời nhìn lại* có những mặt yếu (Đặng Tiến đã nêu vài điểm trong lời tựa), cũng có nhiều trang viết hay và cảm động (mối tình của Hoài với Vy hay với Sơ Huyền). Nhưng mục đích của tác giả không phải là viết một tiểu thuyết, một *truyện* về đời mình, mà muốn chiêm nghiệm qua chính cuộc sống của mình, gửi tới người đọc những thao thức, ưu tư, suy nghĩ rộng lớn hơn về cuộc đời, về tình hình đất nước hiện nay. Giá trị của tác phẩm là một giá trị *nhân chung*. Một nhân chung ôn tồn và rất tâm huyết, mà người đọc có thể cảm nhận trong phần kết, *Trầm tư từ thung lũng*, tác giả viết như một bức thư trò chuyện với bạn bè về chính cuốn sách của mình, về những tâm tư, suy nghĩ mình gửi gắm trong sách. Bên đây, Diễn Đàn xin trân trọng giới thiệu một vài trích đoạn trong *Trầm tư*.

Hoà Văn

## Trầm tư từ thung lũng

(Thư gửi các bạn thân)

Tiêu Dao Bảo Cự

Ba năm qua, sau khi bị trục xuất ra khỏi cơ quan hội nhà văn, tôi đã về sống một nơi hoang vắng mà tôi tạm gọi là thung lũng trầm tư.

Đó là một thung lũng nhỏ nằm ven thành phố Sương Mù. Thung lũng chạy dài giữa hai cánh rừng thông và rực rỡ hoa vàng, hoa quỳ dại, một loại hướng dương – quay về phía mặt trời – như tâm hồn tôi vẫn ngưỡng vọng về ánh sáng. Cám ơn thiên nhiên đã cho tôi một biểu tượng và sự đồng cảm tuyệt vời để sống trong thời gian này.

Nơi tôi ở là nông trại của một người quen. Ông ta cho tôi ở và nhường nom giúp vì thời gian này ông đang thiếu người chăm sóc. Tôi sống một mình. Hoàn toàn một mình. Ăn, đứng, nằm, ngồi, ăn, ngủ, làm việc, suy nghĩ, nói một mình. Đối diện với mình, soi rọi chính mình, thấy mình một mình trong hoang vắng và cô độc là một nỗi đau kỳ thú.

Các bạn đừng nghĩ tôi sống kiểu ẩn dật tách rời khỏi thế giới. Ngoài thi giờ lao động chân tay, tôi dành thời gian viết nốt tác phẩm mà tôi đã khởi thảo từ mấy năm trước và coi đây là một món nợ phải trả cho đời. Tôi cũng thường xuyên theo dõi tình hình qua chiếc đài nhỏ và không lạc hậu với tình hình đất nước, thế giới lăm đâm. Ngoài ra, thỉnh thoảng cũng có mấy anh em tâm huyết cũ đến thăm nói chuyện thế sự, nhân tình.

Lá thư này gửi cho các bạn chính là đoạn kết của tác phẩm đó. Thực ra không phải tôi chỉ sáng tác khi ngồi viết mà chính ra tôi sống với tác phẩm trong mọi lúc, kể cả trong giấc ngủ. Tôi nghĩ về tác phẩm trên mỗi bước chân thăm lặng, mỗi nhát cuốc bỗ sâu vào lòng đất. Tôi thấy tác phẩm nở hoa hé mở, nở gốc cỏ đại chen lẫn trong vườn rau. Tôi nghe tác phẩm trong những câu thơ xưa, những hồi ức về mọi chuyện vọng về ngân nga trong trí tưởng. Tôi hiểu tác phẩm khi thấy mặt trời lên và chìm trong bóng đêm. Tôi liên tưởng đến tác phẩm khi nghe những bản tin thời sự về đủ mọi vấn đề đang diễn ra khắp nơi trên thế giới. Tôi hòa tan vào tác phẩm khi niềm đau nhức, con khắc khoải dậy lên trong cả hồn xác. Tóm lại tôi đã viết tác phẩm bằng toàn bộ con người mình trong mọi nơi, mọi lúc. Tác phẩm chính là tôi, cuộc sống của tôi. Đó là một cuộc sống hoà lẫn giữa thực và mơ, một sự tồn tại đầy đủ nhất mà tôi đã có từ trước tới nay. (...) Tuy nhiên đây là tác phẩm, là tiểu thuyết, nên thực ra nó không phải là cuộc đời mà chính là cuộc đời đã thăng hoa trong nghệ thuật. Đó cũng là quan niệm đơn giản của tôi khi sáng tác.

Bao nhiêu biến cố trên thế giới và trong nước đã xảy ra từ khi tôi vào sống trong thung lũng trầm tư này, có liên quan đến dòng suy niệm của tôi. Chủ nghĩa cộng sản ở Đông Âu sụp đổ. Biến cố ở Thiên An Môn, Trung Quốc. Liên Xô tan

rã. Việt Nam rút quân khỏi Kampuchia, tiếp tục đổi mới, mở cửa về kinh tế nhưng vẫn siết chặt về chính trị. Vụ Bùi Tín ra nước ngoài tố cáo chế độ. Vụ Dương Thu Hương bị nhà cầm quyền bắt giữ. Vụ Chân Tín và Nguyễn Ngọc Lan bị quản thúc. Vụ Câu lạc bộ những người kháng chiến cũ bị đập tan...

Các nhân vật trong tác phẩm của tôi tiếp tục sống và hành động theo lương tri, bản chất của họ và diễn biến của thời cuộc, càng ngày càng bộc lộ rõ mình ra.

Cho đến lúc này, Hoài vẫn chưa được tin tức gì về Vy và Sơ Huyền. Họ vẫn còn sống một nơi nào đó, cách xa anh nhưng trong cùng cuộc đời này. Hoài biết đến một lúc nào đó Vy sẽ trở lại với anh hoặc anh sẽ tìm đến với cô. Lẽ nào một gắn kết và chia sẻ đến như thế lại kết thúc bằng chia lìa. Dù có biết bao nhiêu mâu thuẫn, ngộ nhận, đau đớn, đó mãi mãi là ân tình. Ân tình và khổ lụy chính là định mệnh của Hoài và Vy để cùng nhau đi trọn đường trần. Còn Sơ Huyền, đó là một định mệnh khác. Mảnh trăng non đó vẫn treo nghiêng trong suốt cuộc đời Hoài, soi chiếu lên tâm hồn anh ánh sáng lung linh của một thứ hạnh phúc ảo ảnh.

(...)

Các bạn thân mến,

Ngày xưa Khổng Tử nói : “ *Tứ thập nhi bất hoặc, ngũ thập nhi tri thiên mệnh* ”. Ngày nay ở các lứa tuổi đó ta vẫn còn hoài nghi và chưa hiểu được thiên mệnh, thậm chí còn chưa hiểu được “ nhân mệnh ”. Hay tại ở thời đại này ta phải suốt đời tìm kiếm ? Không phải một đời, một thế hệ mà các thế hệ đều liên tục tìm kiếm vì lịch sử chuyển biến không ngừng và luôn luôn đặt ra những tình huống để giải quyết.

Thuở 20, chúng ta đã lên án và phủ nhận thế hệ đàn anh. Bây giờ, chúng ta lại đương đầu với tình thế đó. Chúng ta tự hào với tuổi trẻ của mình, đã sống trong sáng, trung thực và dấn thân cho lý tưởng, nhưng chúng ta đã làm được gì, đã có thể bình yên, thoả mãn ở lứa tuổi tứ thập, ngũ thập này chưa ? Có thể ai đó tự hào lòng nhưng còn bao nhiêu người luôn khắc khoải vì vận nước, nghĩa đời, và tâm hồn không thôi nhức nhối.

Chúng ta nhiều tham vọng, ảo vọng quá chăng trong giấc mộng lấp bể vá trời ? Cá nhân nhỏ bé vô cùng trong trường kỷ lịch sử. Nhưng không có cá nhân, làm sao có lịch sử, dân tộc, đất nước ? Chúng ta đã tự gắn mình với số phận của lịch sử, đất nước và trách nhiệm đó thật nặng nề.

Có người nói người nghệ sĩ - trí thức đứng trong trời đất, giữa thiên thu, giữa giấc-mơ-khát-vọng-chân-thiện-mỹ muôn đời của nhân loại, sá gì phải chống chế độ này, chế độ khác. Đúng không ? Các chế độ chính trị thường chấn ngang đường và chi phối đến cả bản thân cuộc sống của người nghệ sĩ - trí thức, đã làm huỷ hoại nhân cách, tài năng, làm tha hoá và thậm chí tiêu diệt bao nhiêu người nghệ sĩ - trí thức. Vậy thì người nghệ sĩ - trí thức làm thế nào có thể đứng ngoài, đứng trên chính trị được ? Vấn đề này đã cũ xưa lắm rồi nhưng mỗi thời đại lại được đặt ra hoàn toàn mới mẻ, vô cùng nóng bỏng trước lương tâm của người nghệ sĩ - trí thức. Đừng ai lên mặt kiêu ngạo đã hiểu và giải quyết nó rồi.

(...)

Các bạn thân mến,

Tôi đã cố gắng hoàn tất tác phẩm này để lý giải một phần về sự phản bội, một vấn đề lớn và vĩnh cửu của con người. Ai đã phản bội và thế nào là phản bội ? Tôi vẫn tin có những người cộng sản chân chính là những người tốt, đã một thời là những người tốt và hiện nay vẫn còn những người tốt, nhưng quyền lực đã làm người ta tha hoá và có thể trở thành những kẻ phản bội. Những người nghệ sĩ - trí thức chân chính là những người tốt nhưng sự sợ hãi và cám dỗ danh lợi cũng có thể làm người ta phản bội. Phản bội còn đến trong tình yêu, tình bạn và trong các mối quan hệ khác giữa con người với con người. Có lẽ phải nhiều tác phẩm mới phác thảo được căn bệnh bất trị này của con người qua mọi thời đại.

Nhiều người muốn đi tìm một giải pháp. Những người cầm quyền dĩ nhiên có giải pháp của họ. Nhưng đâu là giải pháp đúng ? Qua tình hình thế giới gần đây, mọi người đều sợ những biến động đưa đến nội chiến, hận thù, đổ vỡ, suy thoái, phân ly... nhưng có phải vì thế mà những người cầm quyền có quyền độc tài, độc đoán, đứng trên nhân dân để bắt mọi người phải khuất phục ? Họ là ai và họ có quyền đó không ? Họ có thể thay đổi không ?

Lịch sử đất nước và thế giới đã qua nhiều trang. Bao nhiêu khái niệm cần phải được xét lại. Ngay và cách mạng ? Tay sai đế quốc và yêu nước chân chính ? Chiến tranh giải phóng và chiến tranh huỷ diệt ? Anh hùng và gian hùng ? Cộng sản và tư bản ? Chân chính và phản bội ? Dân chủ và độc tài ? Đa nguyên và độc quyền lãnh đạo ? ... Không có gì được coi là cấm kỵ đối với tư tưởng và sự tìm kiếm chân lý của con người.

Gác qua một bên mọi định kiến, hoà giải hoà hợp dân tộc phải chăng là một con đường tuy khó khăn nhưng là con đường duy nhất đúng trong hoàn cảnh hiện nay ?

Các bạn thân mến,

Chúng ta đã chia sẻ biết bao điều trong một thời kỳ lịch sử đầy biến động và bão táp. Các bạn có bình yên không ? Tôi tin rằng những ai thực sự có lòng, dù đang sống theo một cách nào đó bề ngoài vẫn không sao có thể bình yên được, dù ít hay nhiều, dù thoáng qua hay không thôi khắc khoải.

Tôi vẫn chưa ra được cơn khủng hoảng và khát vọng tìm kiếm một con đường. Xin các bạn hãy cho tôi những lời tâm sự và những lời khuyên. Điều đó chắc chắn sẽ mang lại cho tôi ngọn lửa, ánh sáng và tình thân, những cái cần thiết vô cùng cho tôi, cho chúng ta, cho lúc này.

Tôi gửi tác phẩm này, lá thư này đến các bạn thân, những người tâm huyết, nhưng cũng để gửi đến cho mọi người, kể cả những người đã và sẽ coi tôi như một kẻ phá hoại. Phải chăng lắng nghe và đối thoại sẽ là cánh cửa mở ra một con đường ?

(Thành phố Sương Mù, viết ngắn quãng 1988-1992)

Tiêu Dao Bảo Cự

(1) Nxb Thế Kỷ (POBox 2054-H39, Westminter, CA 92684, USA). Tại Pháp, có thể đặt mua với giá 120 FF (kể cả cước phí) nơi Association Vietnam Fraternité, 24 Square des Cottages, 91 200 Athis-Mons.

# Quả trứng luộc

Phan Tam Khê



Cõi đời cúi mặt quên xa biếc  
Đi hết thời gian, không nhớ thương  
(Hồn xa - thơ Huy Cận)

Hồi nhỏ, nội nhiều cháu, giấu quả trứng luộc, gói muối tiêu vào buồng cho ăn — nội cưng vì tôi là con gái độc nhất của con trai út nội — nội tôi suốt một đời tần tiện cho con ăn học, cho chồng tiếp khách và đi săn. Thực thật khuya và dậy trước mọi người, yêu đinh tráng trong nhà như con cái mình, vì vậy ngày nội mất nhiều người xin được để tang.

Ngày nội mất, tôi lên năm. Kỷ niệm ngày thơ ấu sao mà nó deo đẳng dai đẳng đến thế — chẳng như nay phút trước phút sau đã chực quên ngay. Cả nhà lăn lóc khóc than vì nội mất đột ngột sau hai ngày bạo bệnh, không cho mọi người kịp săn sóc để thoả lòng mến thương. Tôi cũng khóc, một phần thì thương nội và một phần thì nghĩ đến mất mát những miếng ăn ngon được ăn trên chiếc phản mát rượi trong căn buồng chật hẹp tôi om.

Trên đầu nội, người ta đặt ba quả trứng luộc và ba nắm cơm (sao lại ba nhỉ). Tôi khóc ít mà suy nghĩ về ba quả trứng thì nhiều — trẻ con bao giờ cũng háu ăn — giật áo mẹ tôi hỏi : « Nội đâu còn ăn được và ai sẽ ăn ba quả trứng kia ? » — “ Suyt ” mẹ tôi trả lời. Sau một giấc ngủ chập chờn chắp nối, sáng ra người ta đã đặt nội vào một chiếc hòm đỗ choết — chưa khi nào nội ăn mặc đẹp và thơm tho như thế — và ba quả trứng chẳng biết đã biến đi đường nào. Tôi cũng chẳng buồn lặp lại câu hỏi đêm qua, vì chắc chắn thế nào tôi cũng được nghe tiếng “ Suyt ” của mẹ một lần nữa.

Chiến tranh bùng nổ. Làng tôi nằm trên tuyến đầu của trận địa. Chúng tôi theo dân thành phố chạy về cư trú tại làng nội — một làng nhỏ nằm ngay dưới chân đèo Đại La. Tuy nội mất song nội ông vẫn sống phong lưu với đàn chó săn, mặc cho các cô tôi xoay xở. Hai cô tôi nhất định không lấy chồng sau ngày nội mất, để trông coi cơ ngơi và phụng dưỡng cha.

Anh em chú bác, cả nhà tề tựu về đây, chỉ thiếu có cha tôi,

người phải bám vào uỷ ban kháng chiến hành chính, và chỉ gởi chú Nam về gánh tôi đi, vì mẹ tôi không quen gồng gánh và chưa hề đi chân đất.

Rồi bộ đội tràn về, những chú bộ đội mặt còn non choẹt, mình mặc áo trấn thủ, nào giáo nào mác họ đắn tất cả mít xoài trong các khu vườn để chặn đường Tây tiến. Các cô tôi vừa đổ lúa ra xay, vừa chôn cất chén bát vạc chảo vừa tiếc sững tiếc sờ các cây cối lâu năm trong vườn : « Biết chừng mô mới trồng lại được như xưa ? ». Được bao nhiêu gạo, nấu bấy nhiêu. Nấu cho mấy chú bộ đội ăn để có sức đánh Tây. Những ngày đầu của cuộc kháng chiến sao mà tình quân dân tha thiết đến thế...

Đại bác đánh sập khu nhà chính, chúng tôi lại chạy, các chú bộ đội cũng chạy, nhưng chạy sau, và rồi nội ông cùng đàn chó cũng chạy. Dọc đường “ các nụ tản cư ” như chúng tôi cũng đói meo huống nữa là chó. Nội ông vừa khóc vừa phân phát chó cho các gia đình địa phương. Nội ông như người mất trí, cho đến Quế Sơn thì giờ chúng đòi về, không chạy nữa. « Tau già rồi, có chết cũng là vừa, đa thọ đa nhục ». Cô tôi phải đưa nội về và cô Sáu đã mất vào một đêm tháng giêng vì lạc đạn — Nghe tin, tôi lại tự hỏi, không biết có ai luộc cho cô ba quả trứng không ? Nội bị Tây bắt cùng với sáu người khác vì có con đi kháng chiến. Chúng trói tất cả lại để chờ giờ xử tử. Giờ chót, một thông dịch viên đến mở trói và đá đít nội : « Thằng này già rồi tha cho hắn ». Nghe đâu người này ngày xưa đã được cha tôi chữa khỏi bệnh thương hàn. Nội ông thoát chết nhưng vì hãi quá, và buồn bã vì nhà tan cửa nát và con cháu ly tán nên cũng theo chân ông bà vào một chiều nắng hạ. Được tin, cha mẹ tôi đặt bàn thờ — không trứng luộc — để cúng vọng.

Khi chúng tôi chạy đến Yến Luộc thì tin đưa về : mặt trận đèo Đại La đã vỡ và anh Mân con bác tôi đã tử trận. Người ta chẳng tìm được xác, mà chỉ tìm thấy một quyển nhật ký và một mớ giấy tờ vùi trong cát. Lễ truy điệu thầm lặng vội vã và lẽ dĩ nhiên là không có những quả trứng.

Khi cha tôi mất, tôi về muộn không kịp nhìn mặt cha lần cuối. Điều đầu tiên tôi hỏi mẹ : « Mẹ có đem trứng luộc trên đầu cha không ? ». Mẹ nhìn tôi lạ lùng. Thấy mình hờ hênh, tôi chữa : « Ấy là con muốn xem thử bên mình còn giữ tục xưa không ? »

Rồi một ngày đầu xuân, tại Père Lachaise, tôi lại có dịp thấy ba quả trứng nghiêm nhiên tự tại trên quan tài bác Thảo. Chúng lạc lõng, ngờ ngác, bơ vơ như tâm hồn của nhà triết học vừa thoát khỏi chốn trần ai cát bụi đầy hãi kịch mang nhiều tính cách đều cáng lừa lọc...

Đêm ấy tôi nằm mơ thấy toàn là trứng luộc, hăng hè sa số trứng luộc đã được bóc vỏ trắng ngần — trắng như trứng gà luộc mà — những quả trứng trắng trong chồn vòn, loạng choạng trong không gian, rồi bỗng biến thành một tấm thảm để theo đó tôi nương về một vùng biển an lành không gợn sóng của một thời mà bãi cát còn mang chất trắng nguyên sơ, một thời mà trời đất chưa bị chiến tranh, hận thù, nhởn nhèn làm hoen ổ.

Viết vào ngày giỗ đầu bác Trần Đức Thảo

Phan Tam Khê

# Đọc thời gian

trong

## THIÊN VĂN

của

### NGUYỄN HUY THIỆP

Đoàn Cầm Thị

Truyện của Nguyễn Huy Thiệp thường có những kết thúc hay, những kết thúc mang lại cho người đọc một tình cảm bâng khuâng kỳ lạ. Bài viết này xin mở đầu bằng cách đọc đoạn kết của *Thiên văn*<sup>1</sup>. Mặc dù hơi dài, tôi xin trích :

« Ngày ấy, năm ấy, đồn rằng có một khách qua sông trên đò một mình, chẳng có chèo, chẳng có sào gì cả, mưa bão rất lớn mà đò vẫn cập bến. Người ta bảo rằng đó là một thiên thần qua sông. Dấu chân để lại trên sạp đò thật lớn, cô lái đò ướm chân mình vào đấy về nhà mang thai.

Cũng có thể qua sông hôm ấy là một thi sĩ. Thi sĩ bao giờ cũng làm những việc lạ thường, đuổi theo những vẻ đẹp kỳ ảo, những vẻ đẹp huyền bí. Chỉ có điều vết chân thi sĩ để lại thường rất nhỏ ».

Hiếm có người cầm bút nào, ngay trong tác phẩm văn học, lại đưa lời phát biểu rõ ràng đến như vậy về cái “ nghiệp văn, chương ” của mình. Dẫu rằng Nguyễn Huy Thiệp có viết : “ vết chân thi sĩ để lại thường rất nhỏ ”, lẽ nào chúng ta lại tin được sự khiêm nhường này ? Vì ngay trước đó anh đã ngầm ví thi sĩ với thánh thần. Còn di sản họ để lại, có lẽ độc giả cũng tự so sánh được giá trị của một sáng tạo nghệ thuật bên cạnh cái chỉ là bào thai, dù của một thiên thần.

Nhưng sự ưu việt này lấy gì làm chuẩn mực ? Câu trả lời của *Thiên văn* dường như dựa trên thời gian. Chiến thắng thuộc về vật thể nào có khả năng tồn tại trước sự huỷ hoại của thời gian. Con người chỉ là hữu hạn, ngay cả chàng thi sĩ, nhưng cái anh để lại, nghệ thuật, sẽ là vĩnh cửu.



Thời gian trong *Thiên văn* trước hết là thời gian đơn chiều, thứ thời gian mà con người ta sống hàng ngày, có thứ tự. Câu chuyện mở đầu bằng “ buổi trưa nắng gắt ”, lúc khách xuống đò, và kết thúc bằng cảnh màn đêm đầy sao, khi khách rời đò. Ngay cả sự thay đổi vị trí của mặt trời cũng được nhấn mạnh tới hai lần : “ Ta đã ngủ giấc dài / Mặt trời đã chuyển từ Đông sang Tây ”, “ Một lát sau khách thức dậy thì mặt trời đã đi một chang xa rồi ”. Như để tô đậm thêm tính trật tự của thời gian. Mặc dù tương lai còn là một điều bí ẩn “ đêm nay chim ngủ đâu ”, trong thời gian đó đã có sự phân biệt rõ ràng giữa hiện tại và quá khứ “ Cây gạo đầu làng có còn không ? / Bây giờ có ai đi nhặt hoa đó không ? ”.

Nhưng phải chăng không có một định luật nào chi phối thứ thời gian không ngừng chảy này ? Ai chăng biết rằng hết ngày là đêm, rằng mặt trời lặn rồi lại mọc ? Câu chuyện trong *Thiên văn*, từ lúc mở đến lúc kết, nghĩa là vốn vẹn có

mấy giờ, có tới hai màn nắng, hai màn mưa. Và lần nào sự thay đổi của thiên nhiên cũng nhanh đến khủng khiếp “ Những giọt nước rất to ném xuống mặt sông như đồ dấm (...) rồi bỗng tanh hắc ”, hay “ trong khoảnh khắc thiếp đi thiên nhiên đã trở mặt. Không còn ánh nắng. Không còn trời xanh. Không còn mây bông ”. Lẽ nào không thấy được trong sự liên tiếp này một nguyên tắc, nguyên tắc của sự lặp lại ? Thời gian chảy, nhưng có chu kỳ. Hình ảnh chòm sao Thần nông cũng không phải là không có chủ ý, vì sự xuất hiện của nó có tính tuần hoàn. “ Chu kỳ ” mà bản thân tác giả cũng gợi ra trong *Thiên văn* : “ Này nhé : sự tuyệt vọng / Người đến có chu kỳ nào không ”.

*Thiên văn* chỉ ra rằng tính vận động theo chu kỳ không chỉ tồn tại trong thiên nhiên mà còn trong cuộc đời. Đời của một con người : “ Này nhé : này là dòng sông / Định mệnh cứ cuồn cuộn chảy / Bồi và lở / Được và mất ”, hay : “ Này nhé : sự biến dịch luân hồi / Cười người hôm trước hôm sau người cười ”. Đời của cả nhân loại mà *Thiên văn* nhấn mạnh nhiều lần dưới các tên gọi khác nhau : *thế gian*, *thời cuộc*, *thời vận*, *vận hạn*. Cái độc đáo của *Thiên văn* là tìm ra một hình thức, tức là cấu trúc và hình ảnh, phù hợp đến độ hoàn mỹ với nội dung đó.

Trước hết xin bàn về cấu trúc của *Thiên văn*, một cấu trúc kỳ lạ bởi sự liên kết giữa thơ và văn xuôi. Đây không phải là lần đầu tiên Nguyễn Huy Thiệp sử dụng lối cấu trúc này, nếu người đọc không quên *Bài học nông thôn* hay *Trương Chi* của anh. Nhưng có lẽ chưa bao giờ sự xen kẽ giữa hai thể loại văn học rất khác nhau này lại trở nên đều đặn đến thế (có tới bảy khổ thơ trên chín khổ văn, với các độ dài tương tự nhau). Điều đặn đến chóng mặt, bởi cặp từ “ này nhé ” mở đầu cho mọi đoạn thơ, bởi điệp khúc :

“ Anh đã mắng vào lưới tình  
Thật chua xót ngu ngốc  
Anh đã mắng vào đôi mắt  
Chịu án lưu đày ”.

Và cũng chưa bao giờ việc đưa thơ vào văn xuôi lại trở nên hiệu nghiệm đến như vậy, vì thơ là thể loại duy nhất cho phép sự lặp lại, trong chũ, trong từ, trong thanh âm, trong nhịp điệu :

“ Tự do nào chẳng có buông thả, xu thời  
Cao thượng, đê tiện chung một nụ cười ”.

hay :

“ Có cánh chim nào mệt mỏi không ?  
Có cánh chim nào rã rời không ? ”.

Còn về mặt hình ảnh, *Thiên văn* tạo rất nhiều đường tròn. Đường tròn của bầu trời đêm. Đường tròn trong “ chiếc đò xoay mạnh ”. Đường tròn của chu kỳ nắng/mưa, định mệnh bồi/lở, thời cuộc co/duỗi. Trở lại đây với đường tròn muôn thuở của mọi nền văn hoá và tôn giáo. Đường tròn của bánh xe thời gian trong văn minh Cổ Hy Lạp, của đạo Lão với âm và dương, của đạo Phật với sắc/sắc không/không. Trong tập thể những đường tròn vô tận đó, con người đường như chẳng là gì hết, bó tay trước cái chết của bản thân mình và dòng chảy vô tận của thời gian.

Vậy phải hiểu như thế nào về hành động của người “ khách ” trong *Thiên văn*, kẻ đã sang sông không chèo không sào ? Phải đọc như thế nào hình ảnh “ con đò khi xuôi,

Ý NHI

Trong ánh chớp của phận số  
Em đã kịp nhìn thấy anh  
Trong vòng quay không ngừng nghỉ của phận số  
Em đã dừng lại đúng nơi anh  
Ôi thời khắc huy hoàng  
Em lặng lẽ nói cười  
Lặng lẽ nát tan  
Em thành lá  
thành sương  
thành lúa  
Tình nhiều khi một nửa  
đã là mơ  
Xe cấp cứu trong thành phố đang rúc còi thật đó chăng  
Trên đậu cây hoa quỳ nở vàng đó  
Hay nỗi buồn xưa  
vẫn chưa tan  
Em lặng lẽ gọi kêu  
lặng lẽ cầu xin  
Lặng lẽ chờ mong  
Lặng lẽ vỡ oà thành lệ  
Em lặng lẽ cạn khô  
Lặng lẽ hồi sinh  
Lặng lẽ tuôn tràn  
Trong tiếng âm thầm gọi anh.

1993

# Lặng lẽ

khi ngược, khi nhanh, khi chậm”, nhưng “ rõ ràng (...) đang tiến về bờ xa” và cuối cùng “ cập bến đợi”? Phải đọc như thế nào cái đường thẳng đang cắt dần hình tròn ấy? Như những giây phút ngắn ngủi trong đó con người chợt khao khát cõng lại số phận? Lời giải đáp tuy thuộc độc giả. Nhưng dù thế nào chăng nữa, xin đừng đọc trong truyện ngắn này của Nguyễn Huy Thiệp niềm lạc quan của chủ nghĩa duy ý chí, hay tất cả những gì tương tự như vậy, đơn giản bởi vì những tình cảm này hoàn toàn xa lạ với *Thiên văn*, một tác phẩm mang nặng dấu ấn của bí quan và tuyệt vọng “ Bên kia bờ xa / Chứa ẩn định mệnh kinh hoàng”. Nếu như nhân vật của truyện vừa “ nhanh nhẹn, khéo léo, dứt khoát, quả cảm, (...) di chuyển đến giữa tim đò, chân duỗi thẳng, giữ thẳng bằng”, thì ngay tiếp đó ta đã thấy “ khách nhìn lại dằng sau, tự hỏi vì sao mặt sông rộng thế, lại mặc nhiên xa lạ với mình, chẳng biểu hiện tình cảm gì cả”. Bên cạnh chòm sao Thần nông, “ dấu hiệu thiên văn báo rằng năm tới được mùa”, hình ảnh màn đêm dường như trùm lên tất cả, “ khách đi hút vào đêm tối”.

Theo tôi, chàng thi sĩ của *Thiên văn* chắc chắn sẽ không là kẻ phá qui luật. Cái anh tìm kiếm, “ những vẻ đẹp kỳ ảo”, “ những vẻ đẹp huyền bí”, chỉ là điều cho anh thêm sức mạnh để tiếp tục sống cái khắt khe của định mệnh, sự tàn

phá của thời gian. Ý thức được số phận, hay nói rõ hơn, ý thức được sự bất lực của con người trước số phận, đó vừa là cội nguồn của nỗi đau khổ và niềm hạnh phúc của người cầm bút, có lẽ là một chủ đề lớn trong tác phẩm của Nguyễn Huy Thiệp. Lê nào không đọc được trong tên gọi của truyện ngắn, *Thiên văn*, mối quan hệ của bộ ba thời gian – văn học – định mệnh?



Cuối cùng, xin nói vài điều về con đò của *Thiên văn*. Con đò gắn liền với nhân vật người thi sĩ xuất hiện trong truyện như một kẻ không gia cư, không nghề nghiệp, thậm chí không một cái tên. “ Khách ” không phải là tên riêng của anh. Khách – thi sĩ, cứ như thể phiêu lưu đã trở thành cách sống và lý do tồn tại của người nghệ sĩ. Không phải ngẫu nhiên mà Nguyễn Huy Thiệp mở câu chuyện của anh về chàng ca sĩ Trương Chi với “ Trương Chi đứng ở đầu mũi thuyền ”<sup>2</sup>. Có lẽ không phải lần đầu tiên chúng ta gấp sự so sánh Người nghệ sĩ – Kẻ lái đò là một sáng tạo riêng của Nguyễn Huy Thiệp. Con đò nối bờ này với bờ kia, nối cõi chết với cõi sống, nối con người với con người. Con đò, nơi của những cuộc gặp gỡ kỳ lạ<sup>4</sup>. Con đò – Nghệ thuật.

Đoàn Cầm Thi  
Paris, tháng 4-1994

<sup>1</sup> Tạp chí *Hợp Lưu* số 14, Xuân Giáp Tuất.

<sup>2</sup> *Trương Chi*, trong tập truyện *Con gái Thủy thần*, Nhà xuất bản Hội nhà văn, Hà Nội, 1993.

<sup>3</sup> Tiểu thuyết của Bảo Ninh.

<sup>4</sup> Xem *Sang sông* trong cùng tập truyện, hoặc trong *Diễn Đàn* số 7 (tháng 4.1992).

NGUYỄN VĂN TRUNG

## **Việt Nam đang đi vào khúc ngoặt lịch sử những năm cuối thế kỷ. Hãy cảnh giác !**

Hiện nay tất cả các cường quốc quen thuộc với Việt Nam đều quay trở lại : Trung Quốc, Nhật, Pháp, Mỹ. Riêng Trung Quốc kéo theo những nước thuộc cộng đồng Hán học (Triều Tiên, Đài Loan, Hồng Kông, Singapore). Có thể về kinh tế, Nhật Bản sẽ giữ vai trò nổi bật và Việt Nam do đó ở trong khối đồng yen... Nhưng xét theo 4 tiêu chuẩn của 4 siêu cường hiện đại<sup>1</sup> thì chỉ Hoa Kỳ có đủ và bây giờ tuy Hoa Kỳ chưa trở lại về các phương diện kinh tế, chính trị, quân sự, về phương diện văn hoá Hoa Kỳ vẫn đang giữ thế nổi bật vì Trung Quốc và các nước trong cộng đồng Hán học, kể cả Nhật Bản hiện nay chỉ đưa vào Việt Nam hàng hoá tiêu dùng. Và xét về phương diện văn hoá, hàng Nhật, Đài Loan, Triều Tiên không xuất phát từ văn hoá Nhật, Triều Tiên, mà từ văn hoá phương Tây, nghĩa là khoa học kỹ thuật của nền văn hoá đó. Trừ phim Hồng Kông, Đài Loan thích hợp với giới bình dân còn có bài hát Nhật nào, điệu múa Đài Loan nào được yêu thích, phổ biến ở Việt Nam và tất cả những nơi tiêu thụ hàng Nhật, Triều Tiên, đặc biệt trong giới trẻ ? Nói cách khác, chưa phải Nhật, Triều Tiên vào Việt Nam với văn hoá của họ, mà chỉ vào với tư cách những cường quốc kỹ nghệ đã phát triển Tây phương ở Á châu. Đồng ý Nhật, Triều Tiên, Trung Quốc giữ được phần nào văn hoá của họ kết hợp với khoa học kỹ thuật Tây phương, nhưng chỉ có giá trị cho quốc gia của họ chứ chưa có tính cách phổ biến...

Vậy cho đến nay chỉ có văn hoá Tây phương, văn hoá Mỹ đưa ra lối sống có ý nghĩa phổ biến trên toàn cầu. *American Way of Life* (lối sống Mỹ) vẫn là ước mơ của giới trẻ thế giới qua những bản nhạc, điệu nhảy, mặc dầu lời ca không hiểu được và chưa có một *Japanese Way of Life* (lối sống Nhật), văn hoá truyền thống Nhật, Trung Quốc đem ra nước ngoài chỉ được đón nhận như một thứ *folklore*. Người Nhật rất ý thức được hạn chế kể trên và họ đang nghiên cứu tìm ra một *World Way of Life made in Japan* (lối sống toàn cầu sản xuất tại Nhật Bản) như giáo sư Michio Okamoto đã

<sup>1</sup> Như Brezinski, cố vấn an ninh của tổng thống J. Carter đã đề ra : ảnh hưởng chính trị có tầm mức toàn cầu ; khả năng can thiệp bằng quân sự trên toàn thế giới ; cường quốc kinh tế ; ảnh hưởng văn hoá toàn cầu với một nền văn hoá đại chúng (*Le Point*, 9.2.92). Nhật chỉ là cường quốc về kinh tế, Châu Âu chỉ về kinh tế, văn hoá.

<sup>2</sup> Xem *L'avenir du Japon* của J. Mandelbaum trong tạp chí *Transversales, science et culture*, số 20, mars/avril 1993, tr.17.

<sup>3</sup> *Maîtriser la technique ? (programme d'études, de réflexion et d'échanges multi-disciplinaires*, tạp chí *Transversales, sciences et culture*, số 20, trang 5).

nói về việc đang thành lập một *Viện nghiên cứu tương lai*.

Trong dư luận hiện nay, thấy nói nhiều đến những dự án phát triển Việt Nam năm 2000, các khu chế xuất, mô hình Đài Loan, Nam Triều Tiên, Singapore, Thái Lan, mơ ước trở thành con cọp con rồng về kinh tế, đồng thời cũng thấy báo động về hiểm họa ô nhiễm, phá hoại môi sinh (phá rừng, sân golf), chất độc hoá học trong đồ ăn thức uống... Không phải chỉ ở Việt Nam, mà ở các nơi khác đều có hiểm họa trên, chỉ khác nhau về mức độ. Nhưng còn những hiểm họa trầm trọng không kém : vận dụng điều khiển theo ý muốn *gen* sinh vật để tạo giống, lai giống nơi thực vật, thú vật và cả nơi con người (sinh nở, trai gái, tạo mẫu người theo sở thích, khả năng sống lâu 300 tuổi) hoặc vận dụng điều khiển ý thức con người tạo ra dư luận, nghĩa là những phản ứng điều kiện về tâm lý để duy trì lâu dài một thể chế chính trị (tuy có thay đổi các chính quyền) hay một thống trị chính trị mà vẫn có vẻ rất dân chủ, tôn trọng nhân quyền dân quyền...

Những hiểm họa trên xuất phát từ khoa học kỹ thuật trong tình hình hiện nay không còn phải khoa học thuần túy và kỹ thuật chỉ là một công cụ trung lập, tốt xấu tuỳ con người sử dụng, mà khoa học kỹ thuật (*techno-sciences*) trở thành mật thiết liên hệ : một mặt tăng thêm khó khăn cản trở cho việc gặp gỡ đối thoại giữa nhà khoa học và nhà tư tưởng đồng thời cũng làm cho cả hai càng ý thức hơn mức độ khẩn cấp của gặp gỡ đối thoại<sup>3</sup> vì khoa học kỹ thuật đang trở thành một quyền lực tự trị có khả năng can thiệp, huỷ diệt mang tính chất không thể vãn hồi vượt khỏi tầm kiểm soát của những người tạo ra nó, và nhất là vượt ra khỏi những qui định chi phối của Đạo Lý.

Những hiểm họa của khoa học kỹ thuật hiện nay bắt nguồn từ chính những thành công tuyệt vời của nó về mọi mặt, nghĩa là từ những khái niệm căn bản : tính hợp lý khoa học (*rationalité*), quan niệm về tiến bộ, phát triển. Mỗi hoài nghi, lo lắng về tiến bộ khoa học kỹ thuật đưa tới nhu cầu tra hỏi mục đích cuối cùng của nó (để làm gì, phải chăng để tự huỷ diệt), và do đó về tinh thần trách nhiệm, không phải chỉ với cái đang có, thế giới hiện tại mà cả với cái *chưa có* ; đối với các thế hệ trong tương lai. Chính vì cả người suy tưởng và người làm khoa học kỹ thuật, kinh tế đều lo lắng nên mới thấy ở châu Âu có những tổng giám đốc các hãng lớn mua hẳn một tu viện, lâu đài cổ, buộc giám đốc, nhân viên đến nghe nhạc cổ điển, nghe giảng về triết học, thần học, đạo lý nghề nghiệp... hoặc những tổ chức, trung tâm quy tụ những người sống những giá trị tinh thần, đạo lý, đặc biệt ở giới trí

Bài này của giáo sư Nguyễn Văn Trung viết nhân một cuộc tọa đàm tháng 9.93 của *Đài tiếng nói Việt Nam*. Tuần báo *Văn Nghệ* số 44 (ngày 30.10.93) đã đăng nhưng cắt nhiều đoạn một cách tuỳ tiện. Với sự đồng ý của tác giả, chúng tôi đăng toàn văn phần cuối (mang tiêu tựa *Ưu tiên trên các ưu tiên*) của bài viết.

Trong điều kiện trong nước thiếu tư liệu, một số thông tin trong bài chưa cập nhật, vài trích dẫn vì tách khỏi ngữ cảnh nên có vẻ "bảo thủ", ít ra trong không khí học thuật quốc tế hiện nay. Song bài viết này là một nỗ lực tư duy góp phần làm giàu cuộc thảo luận chung. *Diễn đàn* trân trọng giới thiệu với bạn đọc và cảm ơn anh Trung.

thúc trẻ... Và đó là điều hy vọng cho văn hoá phương Tây vì một nền văn hoá chỉ có thể tránh khỏi tự huỷ diệt bắt nguồn từ những mâu thuẫn nội bộ nếu có khả năng phản biện, phản tinh. Chính khả năng này giúp nó sửa chữa, thay đổi như chủ nghĩa Marx về văn hoá đã làm cho chủ nghĩa tư bản phương Tây thay đổi để tồn tại tới ngày nay.

Cần lưu ý những hiểm họa của khoa học kỹ thuật ngày nay, không phải chỉ đe doạ tiêu diệt dân tộc mà ngay chính con người. Những hiểm họa tiêu diệt kể trên không phải viễn tưởng xa vời, mà rất gần kề và trực tiếp liên hệ tới số phận đất nước, dân tộc. Cho nên nhận thức được những hiểm họa đó, cùng tìm hiểu với các nhà tư tưởng phương Tây về văn hoá Tây phương bị khoa học kỹ thuật chi phối có hậu quả cụ thể giúp lựa chọn những đường lối kế hoạch phát triển kinh tế, chỉnh trang thành phố, tổ chức du lịch thích hợp, tránh bớt chước vô ý thức những cái người đã hay đang loại bỏ, vượt qua, chẳng hạn kỹ nghệ chế biến thực phẩm. Người phương Tây hiện nay đã ngán và rất sợ thức ăn giới động vật, họ đang chuyển sang kỹ nghệ chế biến thức ăn giới thực vật. Một tạp chí nghiêm chỉnh đã nói đến *những chất protéin thực vật* đảo lộn thức ăn và đặt tên bài báo *Đậu nành trong bít-tết*<sup>1</sup> hoặc triệt để hơn nữa, trở về với thức ăn ít hay không chế biến, ăn theo tự nhiên như một đại học ở Mỹ đã nghiên cứu, đưa ra 4 tiêu chuẩn cho lối ăn đó, những tiêu chuẩn mà tôi cũng nhận thấy khi tìm hiểu lối ăn truyền thống của người Việt Nam. Do đó, nếu Việt Nam biết nghiên cứu những chiều hướng phát triển của thế giới trong tương lai gần đây có thể thực hiện được lý tưởng *đi sau về trước*. Trái lại nếu chúng ta bớt chước một cách vô thức thì mãi mãi đi sau về sau và có thể đi về cõi sau luôn !

Muốn thế, ưu tiên trên các ưu tiên là trí thức đầu đàn trong ngoài các ngành kinh tế, kinh doanh, thương mại, xã hội học, dân tộc học, triết học, thần học, tôn giáo học phải cùng nhau ngồi lại, suy nghĩ, trao đổi, tìm ra không phải chỉ một khuôn mẫu phát triển, mà cả một khuôn mẫu văn hoá thích hợp. Tại sao cần có mặt các nhà thần học, tôn giáo học ? Vì tìm hiểu tận gốc những vinh quang lầm than của khoa học kỹ thuật không thể không bắt gặp tôn giáo. Khoa học kỹ thuật xuất phát từ Thiên chúa giáo với những khái niệm về Tạo hoá, tạo vật, và những quan niệm coi chỉ có Thiên chúa là thần thánh, còn mọi sự đều là tạo vật và trong các tạo vật, con người là chủ, có quyền sử dụng mọi tạo vật khác để phục vụ mình... Không thể có khoa học kỹ thuật nếu không có những khái niệm nền tảng : phi huyền thoại hoá,

<sup>1</sup> Akelasari avec Marie-France Lantreri, *Du soja dans le bisteck*, Science et Technologie n°10, novembre 1988, pp.41-45.

<sup>2</sup> C. Lévi-Strauss, *Le Regard éloigné*, Plon 1983, p.374.

<sup>3</sup> C. Lévi-Strauss đã “tâm sự” những vấn đề văn hoá, tôn giáo trong chương cuối của cuốn *Tristes tropiques* và ngỏ ý theo Phật giáo trong bài trả lời của tạp chí *Réalités*.

<sup>4</sup> W. Heisenberg dẫn trong *La nature dans la physique moderne*.

<sup>5</sup> E. Louvet, *La Cochinchine religieuse*, tome 2, Paris, Ernest Leroux éditeur, 1885, p.468.

<sup>6</sup> C. Lévi-Strauss trong *Le regard éloigné*, trích dẫn theo T. Todorov, *Lévi-Strauss entre universalisme et relativisme*, tạp chí *Le Débat*, n°42, novembre-décembre 1986, p.181. Hãy nghĩ đến tình cảnh châu Phi hiện nay mà một dư luận Tây phương coi là tuyệt vọng vì những thảm họa : nội chiến giữa các sắc tộc, đói khổ và bệnh SIDA ; hay Thái Lan...

thế tục hoá (*démythisation, sécularisation*) thiên nhiên. Vinh quang của văn hoá Tây phương là ở chỗ tách con người ra khỏi thiên nhiên, chống lại nó, chế ngự nó, do đó sống, ăn, mặc, ở đều giả tạo ; và bây giờ giả tạo đến mức độ đưa đến hiểm họa tự tiêu diệt... và ở đây, Phật giáo, Lão giáo có tiếng nói cần thiết. Claude Lévi-Strauss, nhà dân tộc học lão thành, nổi tiếng nhất của Pháp, đã cảnh cáo văn hoá Tây phương chỉ biết tôn trọng sự sống con người. Nhiều đàn bò bị giam hãm trong những chuồng vừa đủ để đúng, được nuôi dưỡng cho to béo, mau lớn mà không thương cảm số phận của chúng so với đàn bò được thả tự do ăn cỏ trên cánh đồng, thì sự thiếu nhạy cảm này dễ đưa đến sự mất ý thức thương cảm đối với sự sống của chính con người. Do đó không thể chỉ tôn trọng sự sống của con người mà không tôn trọng sự sống của các sinh vật khác<sup>2</sup>. Thật rất đáng suy nghĩ khi nhà bác học vô thần này tuyên bố nếu phải chọn một tôn giáo thì ông sẽ chọn Phật giáo<sup>3</sup>. Hoặc những suy nghĩ của một nhà khoa học vật lý về hậu quả có thể có của đời sống máy móc dựa vào tư tưởng Lão Trang khi ông thuật lại cuộc đối thoại giữa Tú Cống đi nước Tề về nước Tân, qua sông Hán và một ông già đang làm vườn. Tú Cống nói có một cách tươi nước lệ hơn, ít mệt hơn nếu dùng một đòn bẩy nặng ở cuối, nhẹ ở đầu. Ông già tức giận nói : “ *Kẻ nào dùng máy móc sẽ làm mọi sự một cách máy móc, và kẻ mang một tâm hồn máy móc sẽ mất vô tư, kẻ nào mất sự vô tư sẽ trở thành vô định trong mọi cử động của tâm trí. Sự vô định của tâm trí không phù hợp với chân thực. Không phải tôi không biết những điều đó, nhưng tôi hổ thẹn dùng những điều đó* ”<sup>4</sup>.

Điều tôi lo ngại không phải là những hiểm họa có thể xảy ra, mà là sự thiếu vắng những suy tư, phản biện, phản tinh trong dư luận hiện nay chỉ chú ý đến những kế hoạch xây cất kinh tế, kinh doanh, đồng thời sự thiếu vắng những nhà tư tưởng, những phong trào phản biện, phản tinh Tây phương có mặt một cách tích cực ở Việt Nam... Hiện nay thỉnh thoảng thấy bóng dáng những thanh niên Tây phương mặc quần cực, đeo sắc đi bộ ngoài đường phố, họ không đi du lịch theo kiểu ở khách sạn, *sex tours* hay nếu cứ coi họ đi du lịch thì đó là thứ du lịch mà dư luận cũng như người phụ trách du lịch ở Việt Nam chưa chú ý tới.

Cần thiết phải đặt những lo lắng về phát triển kinh tế, kinh doanh trong một lo lắng bao quát hơn để giải đáp câu hỏi căn bản : *Ta là ai, muốn gì ; Người ta là ai, muốn gì trong tình hình thế giới hiện nay và hoàn cảnh Việt Nam hiện nay ?* Để thực hiện được mục tiêu phát triển mà vẫn bảo vệ được con người và con người Việt Nam, văn hoá Việt Nam... tránh những sự sa đọa, tự tiêu diệt vì chỉ tiếp xúc với những mặt xấu, tiêu cực, nếp sống phương Tây như một linh mục thừa sai người Pháp đã than phiền ngay lúc người Pháp mới sang Việt Nam : “ *Đây là một sự kiện thường được xác nhận : người An Nam công giáo cũng như ngoài công giáo đều đánh mất những đức tính tốt nhất của họ vì tiếp xúc với người Âu châu* ”<sup>5</sup>. Nếu để xảy ra tình trạng mất gốc, mất nhân tính thì phải chăng nên làm theo lời khuyên của C. Lévi-Strauss : “ *Thà xua đuổi người khác ra khỏi biên giới của chúng ta còn hơn thấy họ tràn ngập chúng ta và làm cho chúng ta mất bản sắc của chúng ta* ”<sup>6</sup>.

Nguyễn Thắng

# DẠM MÊ và KHỔ UẨN của KẺ MÃN KIẾP NGỤ CÙ

Phan Huy Đường, *Un amour métèque, nouvelles*,  
tủ sách *Lettres Asiatiques Viet Nam*, nhà xuất bản  
L'Harmattan, Paris 1994, 187 trang, 90 FF.

Vâng, nhục dục hơn người, hắn vốn được trời phú. Quá đỗi nhục dục. Ai lại có thể si mê chương trình tin học như điện đại, như ngây tinh. Đến quên ăn quên uống (*Il est aussi fou qu'un amoureux. Il en perd le manger et le boire.* tr. 150). Đọc loại chương trình khô khan đó mà hắn cảm thấy “thú vui nhục cảm” (*Lire un programme, c'est très charnel*). “Như vuốt ve một người đàn bà hay đọc một bài thơ” (*Comme caresser une femme ou lire un poème.* tr 151). “Hắn xăm xôi bản chương trình chẳng khác xăm xôi vào người đàn bà” (*On fouille son texte comme on fouille une femme*). Và trong cái thú nhục dục, “xuyên qua thân xác bằng giấy bằng mực của văn bản, hắn kiểm tìm lôgic của một tư duy, ý thức của một thực thể nhân tính” (*Et ce que l'on recherche, au-delà de son corps de papier et d'encre, c'est la logique d'une pensée, la conscience d'un être humain*). Cái anh chàng kể lại một câu chuyện riêng tư của mình này, vừa tuổi bốn mươi, là người thông minh tài hoa. Đầu óc lại sáng suốt.

Sáng suốt đến nỗi như phân thân đứng ra ngoài mà nhìn vào bản thân mình. Mới xung tôi (*Je*) đó rồi lại gọi chính mình là hắn (*H*). Như rằng có con mắt thứ ba. Loại mắt trí tuệ thấy rành rành những cái mà đại đa số chúng ta chỉ cảm thấy lờ mờ. Nhưng chẳng giúp người thanh thản đạt đạo phiêu diêu. Mà là loại mắt ma mắt quái để dày vò dần vặt ai mà vô phúc được trời phú con mắt đó. Tôi đồ rằng hắn bị *thư*, bị *chài*. Không phải bị những thứ tầm thường như *thư da trâu* vào bụng, cứ lớn dần lớn mãi, mọc lông mọc lá, bụng chướng lên, nứt ra mà chết. Không, hắn bị *thư* nguy hại hơn nhiều – cho hắn và cho người khác – hắn bị *thư* một con mắt quái quỷ.

Con mắt đó có thể bị ru ngủ trong hàng chục năm, nhưng mà hãy coi chừng khi bất chợt nó mở ra. Chỉ cần một chuyện rất đỗi tầm thường. Như khi hắn đem lòng yêu... Yêu ai nhỉ ? Nàng, tên gì hắn cũng chẳng buồn nói cho ta biết. Một cô thư ký biết làm điệu làm dáng, biết ăn biết mặc, nhưng nhìn kỹ, nhan sắc thường bậc trung. Hắn biết thế. Có một lớp sơn học thức, nhưng thật ra chỉ bấu víu vào những tín điều sáo rỗng. Hắn cũng biết thế. Một mối tình tầm thường. Như muôn vàn mối tình nở ra rồi tàn đi trong các văn phòng.

Hắn yêu mà chẳng được yêu. Con mắt ma quái kia xả ngay vào những dần vặt đớn đau, thấu tận tim, vào tận gan, không chừa một thớ thịt nào trong thân thể. “Mỗi mảnh quần quật, rướm máu ngay tại chỗ. Thân tôi là thế. Những mảnh vụn đớn đau.” (*Chaque morceau remuait, saignait dans son coin. Ainsi est mon corps. Des miettes de souffrance.* tr.57). Những trang đoạn trường từ đáy tim đáy phổi thốt ra.

Đau đớn đến mức ta tự hỏi phải chăng mối tình tầm thường này chỉ là cái cớ. Để tác giả lồng vào nỗi chua cay của một mối tình đắm say hàng chục năm. Đã làm mờ con mắt quỷ quái, trong suốt thời gian trên mười năm hắn – một điểm tương đồng với tác giả – lăn vào đấu tranh cho Việt Nam.

Vâng, phải nói hắn là người Việt, và phải đặt câu chuyện vào thời điểm của nó, những năm đầu thập kỷ 80. Khi trời sắp trên đầu một số người Việt sống ở Pháp. Sau khi “thấy cánh cửa tương lai đột mở. Thấy có một thế giới để xây dựng, con cái sẽ hạnh phúc.” (*Les portes de l'avenir brusquement s'ouvraient. Nous avions un monde à bâtir dans lequel nos enfants seraient heureux.* tr. 84). Để rồi chỉ còn nỗi vô vọng “Giờ thì hết” (*Maintenant c'est fini*).

Vâng, bị một vố thất tình trời giáng, con mắt quỷ quái bùng mở. Và như để bù lại thời gian hơn mười năm nhăm tiệt, nó soi bói vào đến những ngóc ngách tối tăm trong quan hệ người với người. Trong đời sống hàng ngày, trong yêu đương, trong tình nghĩa vợ chồng. Bất hắn phải thấy “khi mình tìm hết cách để thành thật với chính mình, dù cho thành tín và cuồng nhiệt đến đâu đi nữa, thành thật bao giờ cũng gọn du vị đối trả” (*Lorsqu'on cherche à être sincère avec soi-même, quelle que soit la rage, la conviction qu'on y met, la sincérité révèle toujours son arrière-goût de mensonge.* tr 60). Sao mà khốn khổ đến thế cho người thành tâm đi tìm sống thực. Cứ như kẻ lập chí tu hành, quẩn quanh chưa thoát khỏi lối “lạc thiền” này đã dâm đầu vào ngõ cụt khác.

Vì thế mà tôi nghĩ rằng cái nỗi “cô đơn như một kẻ ngụ cư” (*Seul comme un immigré.* tr. 176) cứ lảng nhảng đeo theo hắn chẳng phải bắt nguồn duy nhất từ cái số phận Việt kiều của hắn. Mà còn sâu xa hơn nhiều.

Uẩn khúc của lòng, hắn đã rút ruột thành văn. Xin nhường bạn đọc tự phát hiện lấy, theo xúc cảm của mỗi cá nhân. Và thưởng thức thêm hai truyện, mỗi truyện là một hướng tìm tòi, *Un squelette d'un milliard de dollars* (Bộ xương một tỷ đôla) và *Vacance* (Trống vắng) trong tập này.

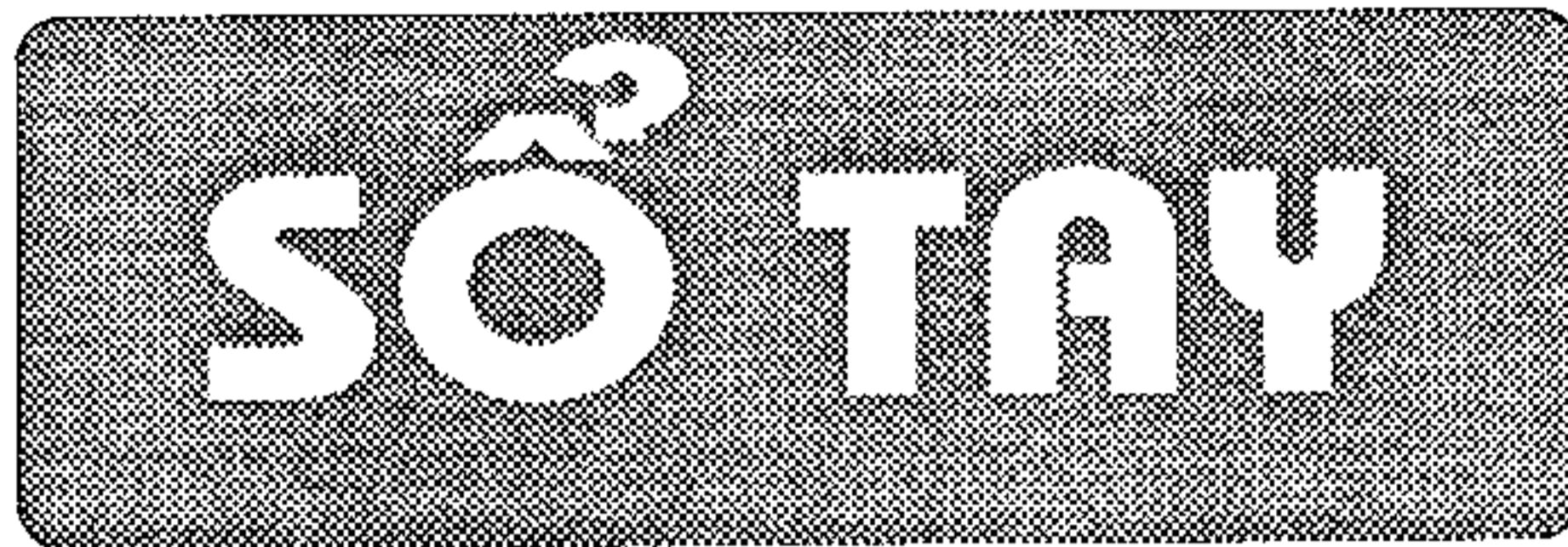
Hắn đem gan ruột trải trên giấy trắng. Những mong trù được tà đuổi được quỷ trong người hắn. Cầu chúc cho hắn được người ngoại đôi chút.

Nhưng cái con mắt quái quỷ kia, đến đâu chấm hết câu chuyện, nào chịu buông tha nạn nhân. Loại yêu cao tay ẩn này sẽ theo ám tác giả suốt đời (\*).

Thú thực rằng trong thâm tâm, tôi ngầm mong hắn cứ bị ám mãi cho đến chết. Vì, chính đó là nguồn sáng tác nghệ thuật, văn chương đích thực.

Hắn giận thì thây kệ hắn. Tôi chẳng có gì giấu giếm với kệ cả gan đi guốc vào những ngóc ngách tăm tối, mở bung ra những nút mắt thăm kín mà ai ai cũng ngoảnh mặt ngó lơ đi cho được yên thân. ─

(\*) Lời bàn của thầy cò : tác giả vô phúc, người bình hình như cũng vô phúc, đọc phải Phan Huy Đường, Trần Đạo hay Đơn Hành vân vân... đều vô phúc cho độc giả. Thế nhưng phải đọc, bởi vì...



// *Monsieur Jourdain au Tonkin*, hài kịch Pháp-Việt của Vincent Colin và Trần Minh Ngọc.

Trong hài kịch của Molière, ông Jourdain làm văn xuôi mà không biết. Ngày nay, ông Jourdain không biết nhưng vẫn cố làm sáu câu vọng cổ. Vì yêu một cô đào cải lương Sài Gòn hay vì mê khôn khí Việt Nam, ngay từ khi ông đặt chân lên *mảnh đất mới mở cửa* này để bán những ổ khoá an toàn Sécuritas. Đi đôi với kinh tế, văn hoá Pháp tất nhiên phải có mặt, đại diện là một cô Nicole, phái viên của *Bộ hợp tác với các quốc gia đang phát triển văn hoá*, đầu óc còn tràn ngập những hình ảnh và hương vị của một xứ Đông Dương huyền thoại trong văn chương thuộc địa đầu thế kỉ 20.

Đó chỉ là cái cớ để đạo diễn Pháp Vincent Colin (Théâtre des Arts, Cergy-Pontoise) và đạo diễn Trần Minh Ngọc (Trường sân khấu Thành phố Hồ Chí Minh) thử nghiệm một cuộc hợp tác song ngữ (làm sao cho công chúng chỉ biết tiếng Pháp, và công chúng chỉ biết tiếng Việt cùng xem và đều hiểu), một cuộc giao phối giữa hài kịch Molière và tuồng hài Cải lương. Đáng mừng là họ đã thành công, ngoài sự chờ đợi. Tôi không rõ công chúng Việt Nam (Sài Gòn, Hà Nội, Huế, Cần Thơ) thực sự phản ứng ra sao : họ đi xem đông (một buổi diễn hơn 3 000 khán giả ở Cần Thơ, một nửa không còn chỗ, phải ở ngoài và xem qua màn ảnh video) có thể trước hết vì hiếu kỳ. Nhưng tôi được chứng kiến phản ứng của khán giả Paris (người Pháp, cũng như Việt kiều, và thế hệ francophone không biết tiếng Việt) : họ theo sát vở kịch, họ cười từ đầu đến cuối, không cùng một lúc (những ai chỉ biết một thứ tiếng), nhưng cười từ đầu đến cuối. Những tiếng cười trong sáng, thoải mái, bật ra từ những cảnh ngộ tương phản giữa hai nền văn hoá, từ các nhân vật tự cười mình hơn là cười người, và từ những ám chỉ ý vị, chứ không có lối giễu dở thường thấy trong những màn cương rể tiền của sân khấu cải lương. Bí quyết thành công của vở kịch có thể tóm gọn : hai tác giả / đạo diễn đã khiêm tốn trong mục đích và khai thác tối đa yếu tố hài trong tình huống và diễn xuất, và về mặt này, họ đã được các diễn viên, cả Pháp lẫn Việt, ra sức thể hiện. Và thành công.

// *Vivre ! (Sống còn !)* cuốn phim mới của Trương Nghệ Mưu (Zhang Yimou) vừa đoạt hai giải (nam diễn viên xuất sắc nhất, và giải đặc biệt của ban giám khảo) ở Cannes (ngày 23.5.94). Năm ngoái, *Bá Vương biệt Ngu Cơ* (*Adieu ma concubine*) của Trần Khải Ca (Chen Caige) đã đoạt Cành cọ vàng tại đây. Và ít lâu sau, *Cánh diều màu thiên thanh* (*Le cerf-volant bleu*) của Điện Tráng Tráng (Tian Zhuangzhuang) được tặng Con gấu vàng ở Berlin.

Với ba giải lớn đó, nền điện ảnh Trung Quốc đã tạo thế đứng vững vàng trên thế giới. Ba cuốn phim của ba tác giả đều thuộc thế hệ thứ năm, mỗi phim một vẻ (cả ba hiện được chiếu trên màn ảnh Paris), nhưng lại có chung mấy đặc điểm, ngoài đặc điểm đầu tiên là : cả ba đều là những tác phẩm nghệ thuật giá trị, nhiều tầng ý nghĩa, nhiều cấp độ thưởng ngoạn.

Có lẽ không phải ngẫu nhiên : cả ba đều kể lại số phận những con người Trung Hoa trong suốt mấy thập niên (50 năm cuộc đời hai nghệ sĩ kinh kịch Bắc Kinh trong *Bá Vương biệt Ngu Cơ*, cuộc đời một em bé Bắc Kinh ra đời sau ngày Staline

chết, con một gia đình cán bộ trí thức, cho đến Cách mạng văn hoá, trong *Cánh diều màu thiên thanh*, và cuộc đời của một gia đình tinh nhỏ trong *Sống còn*). Cũng không phải ngẫu nhiên mà cả ba cuốn phim đều gặp khó khăn ở Trung Quốc. *Vivre !* có mặt ở Cannes, nhưng Trương Nghệ Mưu vẫn ở Bắc Kinh để đợi cho cuốn phim được “duyệt”. *Bá Vương...* được chiếu ở Trung Quốc với điều kiện phải cắt đoạn chót, diễn ra khi ông Đặng trở lại nắm quyền : không thể có cảnh tự tử năm 1978 được ! Còn *Cánh diều...* vẫn bị cấm cửa, vì quay tại Hoa Lục, bộ phim này đã được mang ra nước ngoài dàn dựng và làm nốt phần hậu kỳ : *trái phép*. Cả ba đều đề cập, dưới những góc cạnh khác nhau (tình yêu, nghệ thuật, tình ruột thịt, thân phận phụ nữ...), thời kỳ then chốt và cấm kỵ của lịch sử Trung Quốc đương đại : Cách mạng văn hoá và triều đại Mao. Song rõ ràng họ Trương, họ Trần, cũng như họ Điện đều làm điều đó do một thói thíc mãnh liệt, ý thức rằng người nghệ sĩ Trung Hoa, dân tộc Trung Hoa phải đối diện với quá khứ của mình, đảm nhiệm quá khứ của mình, chứ không phải họ chạy theo mốt, hay chọn một đề tài ăn khách.

// Nói đến phim Trung Hoa, không thể không nói tới *Gargou d'honneur* (*Phù rể*, tên tiếng Anh là *Tiệc cưới*, *Wedding Banquet*) của Ang Lee (người Mỹ gốc Hoa), cũng được tuyên vào chung kết giải Oscar cho phim ngoại quốc cùng với *Bá vương biệt Ngu Cơ* của Trần Khải Ca và *Mùi du đú xanh* của Trần Anh Hùng. Tình cờ, *Bá vương...* và *Phù rể* đều lấy chủ đề tình yêu đồng tính. *Phù rể* đặt quan hệ tình yêu đồng tính trong bối cảnh Nữ Uớc hôm nay, giữa một thanh niên Trung Hoa và một thanh niên Mỹ, với tất cả sự phức tạp trong quan hệ với cha mẹ ở Đài Loan, với cộng đồng người Hoa, và với một cô gái Hoa Lục rất yêu anh thanh niên đồng bào. Thành công của *Phù rể* là đã xử lý một vấn đề nhạy cảm, nhân bản và hết sức dí dỏm.

// Cộng đồng người Việt hải ngoại chưa có tác phẩm điện ảnh về chủ đề đồng tính, nhưng trong tay tôi là hai số đầu của tạp chí song ngữ Việt-Anh *Đối Diện*, “*tập san tham luận – văn học – nghệ thuật của người đồng tính Việt Nam*”, ra đời từ mùa hè 1993. Tạp chí này xuất bản tại Hoa Kỳ : P.O. Box 730305, SAN JOSE CA 95173, Tel : (408) 956 9160.

“Nhìn lại dòng lịch sử văn học Việt Nam, đồng tính luyến ái là một đề tài bị giấu kín, một vấn đề bị che đậy, một sự thật bị chối từ. Sống giữa một xã hội được gầy dựng và nối kết bằng những cuộc chiến tranh tàn và huỷ hoại, con người Việt Nam thường chú trọng nhiều hơn vào cái đồng nhất, cái đa số, cái giống nhau của những cá thể trong xã hội...”, đó lời đầu trong *Thu ngỏ* đăng trên số đầu *Đối Diện*, mà mục đích là nói lên một tiếng nói văn hoá Việt Nam, khẳng định quyền khác biệt của một thiên hướng thiểu số, và đảm nhiệm tính Việt Nam hiện đại của mình. Có phải ngẫu nhiên chăng : *Đối Diện* thai nghén ở Mỹ vào thời điểm mà ở trong nước, vừa xuất bản cuốn hồi ký *Cát bụi chân ái*, trong đó nhà văn Tô Hoài kể lại một đêm tình trai với Xuân Diệu trên chiến khu Việt Bắc.

Trong một dịp khác, sẽ nói về nội dung tạp chí này. Tạm thời, xin khẳng định : *Đối Diện* là tạp chí Việt Nam trình bày đẹp nhất hiện nay.

// Chỉ còn đủ chỗ kể tên mấy tác phẩm tiếng Pháp vừa xuất bản : *L'impératrice et le marsouin*, tiểu thuyết của Marie-France Briselance, nxb. Julliard, 346 tr, 125 FF ; *Terre des éphémères*, 15 truyện ngắn Việt Nam do Phan Huy Đường dịch, nxb. Philippe Picquier, 237 tr., 130 FF ; *De la Mélanésie au Vietnam*, hành trình của một người dân thuộc địa trở thành mến Pháp, của Đồng Sỹ Hứa, nxb L'Harmattan, 180 tr., 110 FF.

Kiến Văn

# Trong nhà thờ

truyện ngắn

Trịnh Khắc Hồng

Có cả con nưa sao, con trai của ta !  
(César)

– Thưa cha !

Vị linh mục đang bước từng bước chậm rãi giữa hai dãy ghế trong chính điện, nghe tiếng gọi nhỏ, quay người lại. Kinh hoàng trước khẩu colt trên tay tên lính đang chĩa thẳng vào ngực mình, ông chưa kịp kêu lên tiếng nào, mấy âm thanh rắn đanh đã vang lên. Vị linh mục gục người xuống, hai bàn tay chói với máu lết như muỗi ôm lấy lồng ngực, nơi chỉ một giây trước quả tim vẫn còn đập. Máu bắn ra loang trên nền gạch hoa, ướt đẫm phần trên chiếc áo choàng đen.

Người bô già từ gian sau nhà thờ nghe tiếng súng chạy vội lên, kịp nhìn thấy tên lính vẫn đứng nguyên tại chỗ, trên tay cầm khẩu súng. Tên lính mặt còn non choẹt. Miệng ông há hốc, cũng không phát ra được tiếng kêu nào. Tên lính từ từ quay lại, đi về phía cửa chính mở ra một cái sân rộng. Y bước lên chiếc jeep đã đậu sẵn, mở máy chạy đi. Lúc đó người bô già mới chạy ra sân, gào lên kêu cứu. Một số giáo dân sống quanh đó chạy đến. Nhiều tiếng la lối, bàn tán hỗn độn.

Đấy là vào buổi sáng một ngày thường. Lúc nhìn thấy tên lính đang quì trên hàng ghế cuối trong giáo đường, vị linh mục cũng chẳng để ý.



Y là một đứa con của bà phước, nói theo lối nói lúc bấy giờ người ta dùng để chỉ lũ trẻ sống trong trại nuôi trẻ mồ côi do các dì phước trông nom. Trại này đã có từ lâu. Những năm quân Pháp tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược lần thứ hai đất nước này, trong các thành phố bị địch tạm chiếm, số trẻ mồ côi tăng lên rất nhanh, một phần do chiến tranh, phần khác do đội quân viễn chinh đông đảo đã có mặt vào thời gian đó. Chúng được đem gởi vào trại. Một số ít trong bọn chúng thỉnh thoảng có người thân đến thăm. Số còn lại không hề biết mặt cha mẹ, là những đứa con của vô số gái điếm đã thành hình trong những nhà chứa công khai hoặc là kết quả bất đắc dĩ của những sự đi lại nào đó. Không biết mặt cha mẹ, như thế chúng cũng không có một người thân nào, không hề biết được sự yêu thương. Y rơi vào đúng trường hợp này. Các dì phước hầu như chỉ chú ý đến phần hồn của chúng. Chúng quá đông, hàng trăm đứa trẻ và các dì thì quá bận. Việc quan trọng nhất của các dì sau khi nhận một đứa trẻ là làm lễ rửa tội cho nó. Đấy là công việc quan trọng nhất của các dì quản lý trại.

Lũ trẻ trong trại sống nhờ vào sự quyên góp của các hội từ

thiện và lòng hảo tâm của số người hiếm hoi nào đó. Sau này cái màu sắc duy nhất còn đọng lại trong y về những năm tháng sống ở trại là một màu xám xịt, buồn bã. Lũ trẻ suốt ngày lẩn quẩn trong trại, hoạ hoán mới được di ra ngoài. Mỗi lúc ra ngoài, chúng đi theo một hàng dọc, tất cả trong những bộ đồng phục xanh bạc thêch với nhiều cái đầu đã cao nhẵn bô phẳng xanh, đỏ trị ghê chốc. Những lúc có hội chợ từ thiện do các dì tổ chức, chúng được đưa vào để làm những công việc lặt vặt. Mùa nắng đôi khi chúng được dẫn đi tắm ở một bãi biển không xa trung tâm thành phố. Đó cũng là cách để trị ghê. Do điều kiện sinh sống, lũ trẻ hầu như thường xuyên bị bệnh này với bệnh tiêu chảy. Căn bệnh sau đã cuống cuồng không biết bao nhiêu mang sống trong cái trại mồ côi đó.

Khu đất dành làm nghĩa địa cho trại ở cách trại khá xa. Đã có nhiều đám đưa ma trong những buổi sớm tinh mơ. Bốn đứa trẻ kêu khóc hai đầu chiếc quan tài bằng gỗ tạp và đầu là một đứa cầm trong tay cái xéng. Bọn chúng lặng lẽ bước đi trong không khí lạnh lẽo. Tất cả chẳng khác gì những món đồ chơi. Chiếc quan tài, cái xéng và cả lũ trẻ nữa đều bé nhỏ. Vì là một trong những đứa lớn ở trại, y thường được phân công đi đào huyệt. Và y đã có dịp làm việc này không biết bao nhiêu lần. Hình ảnh những cái đám ma trẻ con đó chắc chắn sẽ còn lại mãi trong y.

Tuy nhiên những cái chết non yếu đó không khiến y sợ hãi bằng cảnh hoả ngục được vẽ trên bức tường phía trong nhà thờ. Hình ảnh những con người đang bị thiêu đốt trên ngọn lửa, đôi mắt trợn trừng kinh hoàng, mồm miệng méo xệch vì đau đớn. Bên cạnh là những con rắn to lớn, ngoằn ngoèo đang phun lửa phì phèo. Tất cả đều được tô màu đúng như phải thế. Mấy linh mục, dì phước thường đem cảnh này răn đe lũ trẻ. Sau này khi nhớ lại, y thấy đấy chỉ là những hình vẽ thô thiển. Tuy nhiên bức tường đó đã ám ảnh y dữ dội vào tuổi măng tơ trong những giờ cầu kinh. Miệng vẫn đọc những câu kinh đã thuộc nằm lòng như một cái máy, mắt y không rời khỏi cảnh hoả ngục, có lúc ruột co thắt lại. Những lúc đó trong lòng y trỗi dậy nỗi căm hờn đối với những người đang bắt y phải chịu đựng cảnh này.

Vào một ngày định trước trong tuần trại mở cửa đón thân nhân vào thăm bọn trẻ. Số ít may mắn được gặp người thân. Những cử chỉ vuốt ve, những câu an ủi hay la mắng và quà thì chẳng có gì, chỉ vài cái bánh, kẹo. Những lúc đó y quanh quẩn đâu đấy, chẳng có ai để kể lể. Nỗi sợ hãi, căm giận lâu ngày đọng lại, rắn đanh trong y.

Thời gian đó những chiếc xe nhà binh chạy qua lại rất nhiều trên con đường trước cổng trại. Trên xe là những người lính còn rất trẻ chỉ trỏ, cười nói. Y mong được như họ. Đấy là năm y bắt đầu lớn. Nhiều đêm nằm trên cái sập rộng chung với những đứa khác mà y như sống một mình. Y muốn sau này được cầm súng trong tay như những người lính kia. Nhất định y sẽ bắn hàng tràng đạn vào một cái gì đấy. Cho vỡ tung lên. Đó là ý nghĩ thường lảng vảng trong đầu trước khi y ngủ thiếp đi.

Thời gian trôi qua y càng cảm thấy rõ mình không thể tiếp tục sống trong trại được nữa. Không phải vì những công việc chẳng có chút hứng thú y phải làm hàng ngày như đi cất

có về cho bầy dê, bầy thỏ, kỳ cọ trong dãy nhà vệ sinh chung hôi hám...mà chính vì y không thể nào có được niềm tin người ta đã cố nhét vào tim y từ ngày y bắt đầu có đôi chút hiểu biết. Kinh nghiệm duy nhất y có về cuộc sống là trong trại mồ côi. Những cái chết non yếu, vô nghĩa và những cuộc đời khốn khổ, ảm đạm. Vậy làm thế nào y tin được vào những cảnh tươi đẹp của cuộc sống đời sau mà các linh mục, dù phước cố gắng vẽ lên trước mắt bọn y mỗi ngày. Không có niềm tin bên trong nhưng bề ngoài y vẫn phải tỏ ra sống cuộc đời ngoan đạo. Nếu bất chợt một lúc nào đó y có một cử chỉ hay một lời nói tình cờ bộc lộ sự hoài nghi, chắc chắn sau đấy y phải chịu hình phạt : quì gối suốt buổi trong một góc phòng và đôi lúc phải chịu cả roi vọt. Những lúc đó niềm phẫn nộ nầm sầm trong lòng y từ lâu lại cháy bùng lên và nỗi khát khao được nắm vũ khí trong tay lại trở về thôi thúc, dai dẳng.

Năm lên mười sáu tuổi, một hôm y bỏ trại mồ côi đến một điểm tuyển quân để đăng lính. Những điểm này năm đó mọc lên nhiều trong thành phố. Đây là năm chiến tranh sắp kết thúc, Pháp ra sức vơ vét lính ở thuộc địa để cung cấp cho chiến trường. Chúng không còn để ý đến tuổi tác nữa. Thời gian ở quân trường những ngày chủ nhật đám lính mới được về phép thăm nhà. Y vẫn ở lại, loanh quanh đâu đó. Y không có một mái nhà nào để trở về. Sau mấy tháng tập tành, y liền bị ném vào những cuộc hành quân. May mắn y vẫn chưa lần nào bị thương tích gì. Sau những cuộc hành quân y với đám bạn mới vào lùng sục trong các ổ điểm, rồi ăn nhậu. Chuyện xảy ra như tất nhiên phải vậy. Tuy nhiên những lúc đó y lại ghê tởm chính mình. Có một ý nghĩ riêng tư y sẽ không bao giờ thổ lộ với bất cứ ai dù thân thiết đến mấy đi nữa, cái ý nghĩ đó là biết đâu mẹ y trước đây chẳng từng làm điểm. Và có những bàn tay dơ bẩn, thô bạo đã từng dày vò cơ thể mẹ y. ý nghĩ đó khiến y đau xót đến sợ hãi. Nhưng những lần sau y vẫn diễn lại những trò cũ cùng đám bạn và trong những cơn say mù mịt, cảnh hoả ngục lại hiện ra rất rõ nét. Một đêm trước sự chứng kiến của đám bạn, trong cơn cuồng nộ của mình y đã gào lên, nguyên rủa những điều gì đó trong những câu đứt đoạn. Đám bạn từng chắp lại cười rú lên mặc dù chúng không hiểu gì hết.

Và sáng hôm sau là buổi sáng một ngày thường.

**Trịnh Khắc Hồng**

3.90

**Trịnh Khắc Hồng** bắt đầu sáng tác từ đầu thập niên 1960, khi anh còn là học sinh trung học. Sau 1975, truyện ngắn của anh xuất hiện trên báo chí Việt Nam. Tập truyện ngắn *Pháp trường* (Nhà xuất bản Văn Nghệ thành phố Hồ Chí Minh) của Trịnh Khắc Hồng được phát hành năm 1991.

Tác giả hiện nay sống ở Pháp.

Truyện ngắn này tác giả viết từ năm 1990 song chưa được công bố. Chúng tôi thành thực cảm ơn Trịnh Khắc Hồng và xin giới thiệu tác phẩm của anh với bạn đọc.

Bùi Minh Quốc

## **Tổ Quốc rùng mình trong cơn nhau nhẹt**

Viết nhân lúc một mình đọc thơ *Những cây thông kêu*\* của Thanh Thảo và hát *Huyền thoại Mẹ*\*\* của Trịnh Công Sơn

*Còn ai kêu cho những cây thông không biết nói  
khi nhà thơ bị b López cổ nghẹn lời  
rùng nguyên sinh vùng lùi rìu quỷ đổi  
rắc rắc cây xô, cốc chạm, quỷ vang cười.*

*Chúng đang nhau tùng cánh rừng dài núi  
tùng mang trời ruột đất lòng khơi  
nhau mọi thứ từ Vua Hùng để lại  
nhau tối nàng Tô Thị rã thành vôi.*

*Chúng nó nhau trên thân em trinh bạch  
trên lưng mẹ già cõi môi đồi bom  
con mất xác dưới chân thành Quảng Trị  
mẹ khoét hầm nuôi tiếp bao con.*

*Kia mẹ về run rẩy dưới mưa tuôn  
qua cửa villa trong đàn con ngồi nhau  
những đứa con thoát chết vụ khui hầm  
đang tung bùng nâng cốc tụng Nhân Dân.*

*Tổ Quốc rùng mình trong cơn nhau nhẹt  
có nghe chăng con cháu nợ ca Người  
và hạ bút ký hợp đồng cái rẹt  
hợp đồng này giàu đẹp lắm Người ơi !*

2.9.1993

\* *Những cây thông ào vào tinh uỷ  
Xin đừng đốn chúng tôi*

\*\* *Mẹ về đứng dưới mưa  
Che đàn con nằm ngủ*

Bài thơ này được trích từ tập thơ

### ***Mẹ đau ngà***

của BÙI MINH QUỐC, mà chúng tôi vừa nhận được của Nhà xuất bản TIN, 54 avenue Léon Blum, 92160 ANTONY (France). Giá bán : 40F (+10F cước phí).

Điển Đàn cảm ơn nhà xuất bản TIN và trân trọng giới thiệu tập thơ với bạn đọc.